BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TPHCM

NGUYỄN THỊ HOÀNG ANH

HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH MAERSK VIỆT NAM – THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

CHUYÊN NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN
Mã số : 60.34.30

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. VÕ VĂN NHỊ**

TP. HỒ CHÍ MINH – NĂM 2009

Những ký hiệu viết tắt được sử dụng trong luận văn

- SAP : System, Application, Product in data processing: hệ thống phần mềm đang sử dụng.
- HFM: Hyperion Financial Management là hệ thống báo cáo của tập đoàn mà tất cả các công ty con phải cập nhật số liệu bao gồm báo cáo kết quả kinh doanh, bảng cân đối kế toán và báo cáo lưu chuyển tiền tệ, HFM được dùng để hợp nhất báo cáo ở trụ sở chính.
- BCS: Business Consolidation System là một hệ thống được dùng để cập nhật hợp nhất số liệu và chuyển số liệu từ hệ thống SAP sang báo cáo tập đoàn là HFM.
- BPS: Business Planning Simulation là hệ thống cập nhật số liệu kế hoạch hoặc số liệu ước tính theo từng trung tâm chi phí hoặc trung tâm lợi nhuận.
- BW: Business warehouse là nơi chứa tất cả các số liệu chuyển qua từ SAP dưới dạng tổng hợp. Ví dụ tất cả các nghiệp vụ được hạch toán trong SAP dưới tài khoản lương, nhưng trên BW chỉ thể hiện số tổng hợp số dư của tài khoản ngay thời điểm kéo báo cáo.
- CC :Cost Center là trung tâm chi phí.
- CCA : Cost center Analys: báo cáo phân tích chi phí được dưới dạng tổng hợp các trung tâm chi phí.
- DSO: Document Sales Order : đơn bán hàng thực tế xảy ra, căn cứ để ghi nhận doanh thu và phải thu.
- DSO: Daily sales outstanding: công nợ phải thu tính trung bình theo ngày được tính bằng công thức công nợ thời điểm nhân cho 91 ngày chia cho doanh thu ba tháng hoặc doanh thu 13 tuần.

- ERP : Enterprise Resource Planning: là một thuật ngữ được dùng liên quan đến mọi hoạt động của doanh nghiệp do phần mềm máy tính hỗ trợ và thực hiện các qui trình xử lý một cách tự động hóa, để giúp các doanh nghiệp quản lý các hoạt động then chốt bao gồm: kế toán, phân tích tài chính, quản lý mua hàng, quản lý hàng tồn kho, hoạch định và quản lý sản xuất, quản lý quan hệ với khách hàng, quản lý nhân sự, theo dõi đơn hàng, quản lý bán hàng …
- FACT : Finance and Accounting for Container Transport: phần mềm SAP được viết cho Maersk và đổi tên thành FACT.
- GAAP: Generally Accepted Accounting Principle: nguyên tắc kế toán được công nhận.
- GCSS : Global Customer Service System: hệ thống dịch vụ khách hàng toàn cầu dùng để cập nhật các số liệu về tàu bè và các đặt hàng của khách hàng.
- GR : Goods receipt: phiếu nhận hàng.
- GSC : Global Service Center: trung tâm dịch vụ toàn cầu xử lý các nghiệp vụ được thiết lập với qui trình sẵn có và theo qui trình như vậy mà thực hiện, không được đi khác qui trình.
- IAS: International Accounting Standards: chuẩn mực kế toán quốc tế
- IHB: Inhouse banking: hệ thống ngân hàng nội bộ chỉ dùng trong nội bộ của Line, số dư trên ngân hàng này chỉ mang tính chất công nợ giữa công ty mẹ hoặc các công ty nội bộ, không phải là một ngân hàng thực sự bên ngoài.
- IO: Internal Order: là một số tham chiếu được đặt thêm để chi tiết hóa cho một loại tài sản, một nhân viên, hoặc một công tai ner.

- IR: Invoice receipt: là một bước trong hệ thống ghi nhận hóa đơn đã được nhận để chuẩn bị tiếp cho quá trình thanh toán.
- MARS: Maersk Automatical Rating System: hệ thống cập nhật giá của các chuyến vận chuyển do bộ phận bán hàng chịu trách nhiệm.
- METS+: Maersk Electronic Transportation System Plus: hệ thống cập nhật chi tiết các chuyến vận chuyển do bộ phận hoạt động chịu trách nhiệm.
- MM : Material Management: quản lý vật tư do bộ phận hoạt động chịu trách nhiệm để cập nhật việc mua hàng hóa hoặc dịch vụ dùng cho chi phí hoạt động.
- MODS : Maersk Operating and Documentation System: hệ thống cập nhật chứng từ của Maersk.
- MSO: Master Sales Order: lệnh bán hàng ước tính mang tính chất kế hoạch.
- PA: Profitability Analys: phân tích khả năng lợi nhuận.
- PC : Profit Center: trung tâm lợi nhuận
- PCA : Profit Center Analys: báo cáo phân tích các trung tâm lợi nhuận.
- PO : Purchase order: đơn đặt hàng.
- SO: Sales Order: lệnh bán hàng.
- SSC: Shared Service Center: trung tâm cung cấp dịch vụ dùng để theo dõi các vấn từ được nêu ra từ các quốc gia.
- SSP: Self Service Procurement: hệ thống mua hàng cho các loại hàng hóa mà không được tính vào chi phí hoạt động mà là chi phí hành chính.
- TEM : Travelling Expense Management: hệ thống chi phí công tác.
- VAS : Vietnamese Accounting Standards: chuẩn mực kế toán Việt Nam

MỤC LỤC

Lời mở đầu ……..6
Lý do chọn đề tài 6
Mục tiêu nghiên cứu 6
Nội dung nghiên cứu đề tài 7
Phương pháp nghiên cứu 8
Chương 1: Tổng quan về hệ thống thông tin kế toán 9
1.1 Một số vấn đề chung về hệ thống.....9
1.1.1 Khái niệm 9
1.1.2 Phân loại 9
1.2 Hệ thống thông tin quản lý 10
1.2.1 Khái niệm 10
1.2.2 Vai trò 11
1.2.3 Cấu trúc hệ thống thông tin quản lý 13
1.2.4 Cơ chế vận hành 15
1.3 Hệ thống thông tin kế toán.....18
1.3.1 Khái niệm 18
1.3.2 Vai trò 19
1.3.3 Cấu trúc 19
1.3.4 Hệ thống thông tin kế toán tài chính 20
Chương 2 : Hệ thống thông tin kế toán tại công ty Maersk Việt Nam ……...34
2.1 Giới thiệu tổng quát về công ty Maersk.....34
2.2 Hệ thống thông tin kế toán tại công ty Maersk Việt Nam 36
2.2.1 Hệ thống thông tin kế toán tài chính 36
a. Chu trình phải trả nhà cung cấp 37
b. Chu trình phải thu khách hàng 50
c. Hệ thống thông tin kế toán tổng hợp 55
2.2.2 Hệ thống thông tin kế toán quản trị 59
a. Trung tâm chi phí và trung tâm lợi nhuận 60
b.BW (Business Warehouse): kho dữ liệu 61
c. BPS (Business Planning Simulation) : hoạch định số liệu kế hoạch 61
d. BCS (Business Consolidation System): hệ thống hợp nhất 62
e. HFM (Hyperion Financial Management): quản trị tài chính cấp cao 62
2.3 Một số nhận xét và đánh giá về hệ thống thông tin kế toán tại Maersk Việt Nam 64
2.3.1 Nhận xét về phần mềm 64
2.3.2. Nhận xét hệ thống thông tin kế toán 67

Chương 3 : Các giải pháp hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán tại Maersk Việt Nam 75
3.1 Quan điểm hoàn thiện 75
3.1.1 Nâng cao khả năng hội nhập toàn cầu trong môi trường tin học hóa kế toán 75
3.1.2 Góp phần tăng cường chất lượng và hiệu quả của công tác kế toán 76
3.1.3 Hỗ trợ tích cực cho việc quản lý và điều hành doanh nghiệp 76
3.2 Các giải pháp hoàn thiện.....77
3.2.1 Hoàn thiện các bộ phận cấu thành hệ thống thông tin kế toán 77
3.2.2 Các giải pháp nhằm ứng dụng hiệu quả phần mềm FACT vào hệ thống thông tin kế toán tại Maersk Việt Nam 85
a. Vài nét khái quát về việc sử dụng phần mềm FACT tại Maersk Việt Nam 85
b. Các giải pháp về nhân sự 89
c. Các giải pháp ứng dụng cho một số phần hành kế toán tại Maersk Việt Nam 90
d. Các điều kiện để ứng dụng SAP tại công ty Việt Nam 95
3.3 Một số kiến nghị với công ty Maersk 98

Kết luận 101

HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN CÔNG TY TNHH MAERSK VIỆT NAM – THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

LỜI MỞ ĐẦU

Lý do chọn đề tài

Ngày nay, trong điều kiện phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, tất cả các lĩnh vực, các ngành nghề đều ứng dụng tin học để thực hiện công việc quản lý, điều hành hoạt động của mình. Trong lĩnh vực kế toán cũng như thế, đa phần các doanh nghiệp đều sử dụng phần mềm kế toán, để thực hiện việc thu thập, xử lý, tổng hợp và cung cấp thông tin cho các đối tượng sử dụng.

Do nhu cầu tin học hóa trong công tác kế toán, đòi hỏi phải có 1 phần mềm chính xác, đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp nên các doanh nghiệp cần biết rõ hệ thống thông tin kế toán của doanh nghiệp mình để tư vấn cho các chuyên gia lập trình chuyển đổi ngôn ngữ kế toán của chúng ta vào trong phần mềm tin học. Vì lẽ đó, hệ thống thông tin kế toán đóng một vai trò quan trọng trong công tác tổ chức công tác kế toán của doanh nghiệp nhất là trong thời đại tin học hóa.

Mục tiêu nghiên cứu

Việt Nam là nước đang phát triển và các ngành nghề sản xuất và thương mại chiếm một tỉ trọng tương đối lớn. Hệ thống thông tin kế toán của ngành dịch vụ có đặc trưng khác so với các ngành nghề khác, nhất là ngành vận tải đường biển và kho vận. Muốn quản lý tốt các đơn hàng, doanh thu chi phí, cần xem xét những ưu điểm và khắc phục những nhược điểm của hệ thống kế toán.

Các tập đoàn đa quốc gia luôn xây dựng một hệ thống thông tin hoàn chỉnh. Doanh nghiệp càng lớn, hệ thống thông tin kế toán càng chi tiết và phức tạp. Điển hình là AP Moller với đại điện là Maersk Việt Nam tại nước ta, hệ thống thông tin kế toán chi tiết đến từng bộ phận chức năng trong công tác kế toán với phần mềm đang được sử dụng là FACT (Financial Accounting Containers Transportation).

Thông qua hệ thống thông tin kế toán của Maersk, chúng ta sẽ biết được cách vận hành của một công ty dịch vụ vận tải tàu biển, cách thức kiểm soát về mặt kế toán. Từ đó, chúng ta có thể nhận xét đánh giá để giúp cho các doanh nghiệp vận tải tàu biển và kho vận của Việt Nam ứng dụng các phương pháp kế toán tiên tiến vào quản lý các hoạt động kinh doanh.

Nội dung nghiên cứu đề tài

- Mô tả hệ thống thông tin kế toán của công ty Maersk Việt Nam. Từ đó thấy được mức độ đầu tư của các công ty đa quốc gia vào hệ thống thông tin kế toán để đạt được mục tiêu báo cáo theo yêu cầu của doanh nghiệp và tập đoàn.
- Từ việc mô tả phân tích, suy ra ưu nhược điểm của hệ thống thông tin kế toán của Maersk Việt Nam, đề ra phương pháp giải quyết khắc phục nhược điểm.
- Nêu bật những điểm, nét đặc trưng của ngành vận tải tàu biển và kho vận mà doanh nghiệp Việt Nam có thể áp dụng để cho ngày càng phù hợp hơn trong điều kiện tin học hóa.
- Nêu ra một số giải pháp nhằm ứng dụng một phần mềm thích hợp tại công ty Maersk Việt Nam.

Phương pháp nghiên cứu

Luận văn được áp dụng phương pháp phân tích tổng hợp, phân tích các phần hành của hệ thống thông tin kế toán, các qui trình trong hệ thống, những ứng dụng của phần mềm, suy ra những nhược điểm và ưu điểm, từ đó tổng hợp đưa ra các giải pháp có thể thực hiện đối với công ty và một số các ý kiến xem xét cho việc áp dụng vào các doanh nghiệp trong nước.

Kết cấu đề tài

Đề tài bao gồm các chương

Chương 1: Tổng quan về hệ thống thông tin kế toán

Chương 2: Hệ thống thông tin kế toán tại công ty Maersk Việt Nam

Chương 3: Các giải pháp hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán tại Maersk Việt Nam

Chương 1: Tổng quan về hệ thống thông tin kế toán

1.1 *Một số vấn đề chung về hệ thống*

1.1.1 Khái niệm

Hệ thống là tập hợp các thành phần phối hợp với nhau được sắp xếp theo một trình tự nhất định để hoàn thành các mục tiêu của tổ chức. Các yếu tố cơ bản liên quan đến hệ thống bao gồm :

Vai trò của hệ thống: thông tin và ra quyết định bởi vì mọi hoạt động quản lý cho dù là to hay nhỏ đều cần thông tin. Muốn có thông tin thì phải qua một quá trình thu thập dữ liệu từ các hoạt động và truyền đạt. Thông tin đòi hỏi phải cần thiết và chính xác, đầy đủ, hiệu quả về mặt chi phí, đúng mục đích người sử dụng, thỏa đáng, thích nghi trong truyền đạt đúng lúc và dễ sử dụng. Thông tin càng chính xác thì càng giúp ích cho việc ra quyết định, các quyết định tùy thuộc vào cấp độ quản trị: kế hoạch chiến lược, kiểm soát quản trị và kiểm soát hoạt động.

Cấu trúc của hệ thống là sự sắp xếp thiết kế các phần tử bên trong của hệ thống.

Các yếu tố đầu ra, đầu vào: khi thiết lập một hệ thống, chúng ta cần tìm hiểu sản phẩm của hệ thống trước, có nghĩa là sản phẩm phục vụ cho mục đích gì, cần những yếu tố nào, báo cáo gì thì lúc đó chúng ta mới biết được đầu vào của hệ thống là gồm những dữ liệu nào.

Môi trường của hệ thống: là các yếu tố, điều kiện nằm ngoài hệ thống và có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của hệ thống đó.

1.1.2 Phân loại

Một hệ thống có thể chứa nhiều hệ thống con và trong mỗi hệ thống con sẽ có những tính chất như một hệ thống, có thể dùng các phương tiện, cách thức khác

nhau nhưng đều liên kết với nhau và cùng thực hiện mục tiêu chung của hệ thống.

Theo sự phân cấp hệ thống, hệ thống bao gồm hệ thống cấp thấp và hệ thống cấp cao

Theo sự tác động và mối quan hệ với môi trường bên ngoài, hệ thống bao gồm hệ thống đóng, hệ thống mở và hệ thống kiểm soát phản hồi.

- ✓ Hệ thống đóng là hệ thống không có liên hệ với môi trường bên ngoài. Môi trường cũng không tác động đến quá trình của hệ thống. Hệ thống này chỉ mang ý nghĩa về mặt lý thuyết. Trong hệ thống đóng, ta có hệ thống đóng có quan hệ, đây tuy là hệ thống đóng nhưng có giao tiếp với môi trường bên ngoài, bị môi trường bên ngoài tác động và ngược lại hệ thống cũng tác động đến môi trường và được kiểm soát.
- ✓ Hệ thống mở là hệ thống có liên hệ và chịu sự tác động rất mạnh của môi trường bên ngoài. Hệ thống không kiểm soát được sự tác động qua lại của nó với môi trường và thường không ổn định hoặc không kiểm soát được các thông tin vào.
- ✓ Hệ thống kiểm soát phản hồi: là hệ thống mà một phần thông tin đầu ra của nó cho phép kiểm soát thông tin đầu vào qua đó tối ưu hóa các mục tiêu của hệ thống.

1.2 *Hệ thống thông tin quản lý(HTTQL)*

1.2.1 Khái niệm

Hệ thống thông tin quản lý là hệ thống có nhiệm vụ cung cấp thông tin cần thiết phục vụ cho việc quản lý điều hành một tổ chức. Hệ thống thông tin quản lý có thể gọi là một hệ thống tích hợp "Người – Máy" tạo ra các thông tin giúp ích cho

con người trong sản xuất, quản lý và ra quyết định. Hệ thống thông tin quản lý sử dụng các thiết bị tin học, các phần mềm, cơ sở dữ liệu, các thủ tục thủ công, các mô hình phân tích, lập kế hoạch quản lý và ra quyết định.

1.2.2 Vai trò

Hệ thống thông tin quản lý có vai trò thu nhập thông tin , xử lý và cung cấp thông tin cần thiết cho người sử dụng khi họ có nhu cầu.

Vai trò của hệ thống thông tin quản lý có thể được sơ đồ hóa như sau:

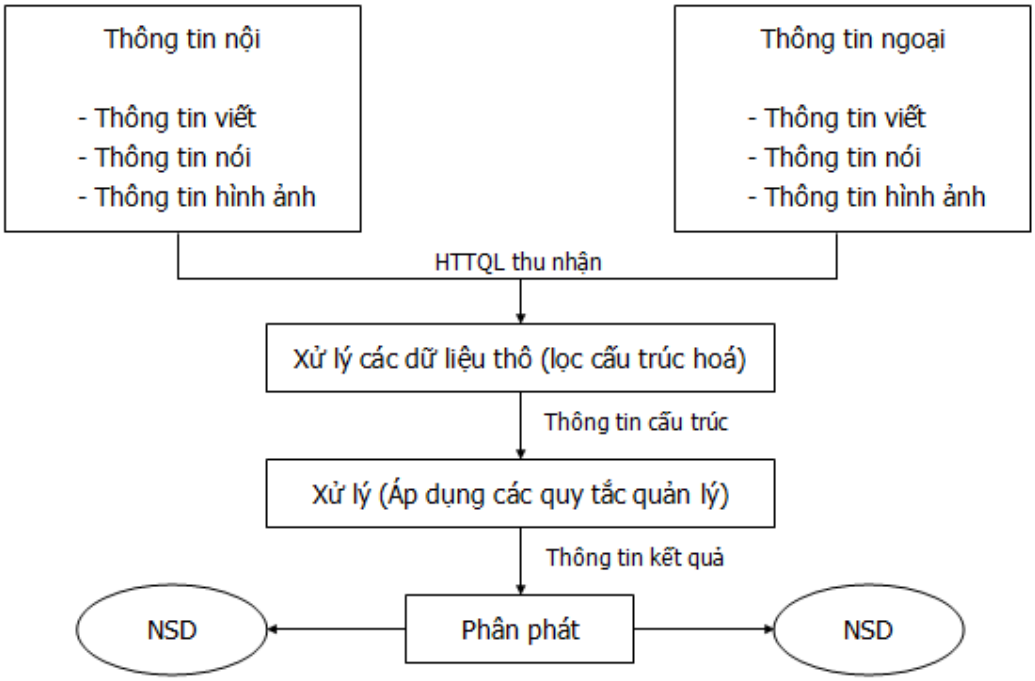

Toàn bộ quá trình diễn ra trong hệ thông tin quản lý.

a. Thu thập thông tin

Do hệ thống thu thập thông tin từ nhiều nguồn khác nhau nên thông tin thường đa dạng và phức tạp. Vì lẽ đó, tổ chức muốn có thông tin hữu ích thì hệ thống phải chọn lọc thông tin:

- Phân tích các thông tin để tránh sự quá tải khi có hại.

- Thu thập thông tin có ích: những thông tin có ích cho hệ thống được cấu trúc hóa để có thể khai thác trên các phương tiện tin học. Thu thập thông tin thường sử dụng giấy hoặc vật ký tin từ.

Thông thường việc thu thập thông tin được tiến hành một cách có hệ thống và tương ứng với các thủ tục được xác định trước. Ví dụ : nhập vật tư vào kho, thanh toán cho nhà cung ứng. Mỗi sự kiện dẫn đến việc thu thập theo một mẫu định sẵn trước như là cách tổ chức trên màn hình máy tính.

Đây là vai trò rất quan trọng của hệ thống nên tốt nhất nên tránh sai sót.

b. Xử lý thông tin

Công việc lựa chọn thông tin thu thập được coi là bước xử lý đầu tiên, tiếp theo là tác động lên thông tin, xử lý thông tin:

- Tiến hành tính toán trên các nhóm chỉ tiêu
- Thực hiện tính toán tạo ra các thông tin kết quả
- Thay đổi hoặc loại bỏ dữ liệu
- Sắp xếp dữ liệu.
- Lưu trữ tạm thời hoặc lưu trữ

Có nhiều cách xử lý : thủ công, cơ giới hoặc tự động.

c. Phân phối thông tin

Cung cấp thông tin là mục tiêu của hệ thống, nó đặt ra vấn đề ai quyết định phân phối, phân phối cho ai, và vì sao.

Phân phối thông tin có thể có mục tiêu ban bố lệnh, báo cáo về sản xuất, gọi là phân phối dọc. Mục tiêu phân phối nhằm phối hợp một số hoạt động giữa các bộ phận chức năng gọi là phân phối ngang.

Để tối ưu phân phối thông tin, hệ thống cần đáp ứng 3 tiêu chuẩn:

- Tiêu chuẩn về dạng: tốc độ truyền thông tin, số lượng nơi nhận, … dạng phải thích hợp với phương tiện truyền. Ví dụ như giấy, thư tín cho loại

thông tin cho các địa chỉ là các đại lý; giấy, telex, telecopie để xác nhận một đơn đặt hàng qua điện thoại; âm thanh sử dụng cho thông tin dạng mệnh lệnh.

- Tiêu chuẩn về thời gian: bảo đảm tính thích đáng của của các quyết định.
- Tiêu chuẩn về tính bảo mật: thông tin đã xử lý cần đến thẳng người sử dụng, việc phân phối thông tin rộng hay hẹp tùy thuộc vào mức độ quan trọng của nó.

1.2.3 Cấu trúc hệ thống thông tin quản lý

a. Cấu trúc tổng quát của hệ thống thông tin quản lý

Hệ thống thông tin quản lý gồm 4 thành phần: các lĩnh vực quản lý, dữ liệu, thủ tục xử lý (mô hình) và các qui tắc quản lý.

- Các lĩnh vực quản lý: mỗi lĩnh vực quản lý tương ứng những hoạt động đồng nhất như là lĩnh vực thương mại, hành chính, kỹ thuật, kế toán – tài vu,…
- Dữ liệu: là nguyên liệu của hệ thống thông tin quản lý được biểu diễn dưới nhiều dạng như là truyền khẩu, văn bản, hình vẽ, ký hiệu… và trên nhiều vật chứa đựng thông tin như là giấy, băng từ, đĩa, đối thoại, bản sao, fax…
- Các mô hình: là nhóm tập hợp ở từng lĩnh vực. Ví dụ: kế hoạch và sơ đồ kế toán cho lĩnh vực kế toán tài vụ; qui trình sản xuất; phương pháp vận hành thiết bị; phương pháp qui hoạch dùng cho quản lý dự trữ hoặc quản lý sản xuất.
- Qui tắc quản lý: sử dụng biến đổi, xử lý dữ liệu phục vụ cho các mục đích xác định.

b. Hệ thống thông tin quản lý và các phân hệ thông tin

Định nghĩa: lĩnh vực quản lý là phân hệ, giống như mọi hệ thống sẽ có một hệ tác nghiệp, hệ thông tin và hệ quyết định, nhóm các hoạt động có cùng một mục tiêu tổng thể. Ví dụ lĩnh vực quản lý vận tải sẽ bao gồm việc quản lý vận chuyển và có liên quan: tái cung ứng, giao hàng, vật tư hàng hóa nguyên vật liệu, chuyên chở cán bộ công nhân viên.

Phân chia thành các đề án và các áp dụng: để phân chia hệ thống tổ chức kinh tế xã hội thành các lĩnh vực quản lý và thuận lợi cho việc sử dụng tin học, cần phân chia tiếp các lĩnh vực thành các đề án, các áp dụng. Ví dụ cho lĩnh vực kế toán có thể chia thành: kế toán tổng hợp, kế toán khách hàng, kế toán vật tư, kế toán phân tích…

Hệ thống thông tin quản lý và người sử dụng: có thể tiếp cận hệ thống thông tin quản lý một cách logic, mỗi người sử dụng có một cách nhìn riêng của mình về hệ thống thông tin quản lý tùy theo chức năng mà họ đảm nhiệm, vị trí, kinh nghiệm…

c. Dữ liệu và thông tin

Các dữ liệu được chuyên chở bởi các dòng thông tin giúp ta tiếp cận chặt chẽ và chính xác hơn các hệ thống thông tin quản lý để tin học hóa chúng.

Dữ liệu có thể được biểu hiện dưới nhiều dạng khác nhau (âm thanh, văn bản, hình ảnh…). Thông tin luôn mang ý nghĩa và gồm nhiều giá trị dữ liệu.

Thông tin bao gồm các dạng: thông tin viết, thông tin nói, thông tin hình ảnh và các thông tin khác…

Các thông tin vô ích được loại bỏ thì các thông tin còn lại là thành phần của hệ thống thông tin quản lý. Một số trong chúng có thể được khai thác tức thì để ra quyết định.

Xử lý tự động thông tin chỉ thực hiện được khi nó được tạo thành từ các dữ liệu có tính cấu trúc. Nhờ xuất phát từ các dữ liệu có tính cấu trúc và dựa vào các quy tắc quản lý mà các xử lý được thực hiện.

1.2.4 Cơ chế vận hành

a. Hệ thống thông tin quản lý mang mệnh lệnh của hệ thống:

Hệ quyết định (HQĐ) gồm hệ thống điều khiển (HĐK) và hệ tổ chức(HTC). Các hệ thống đang nghiên cứu là hệ thống mở và sống, nghĩa là phát triển thường xuyên, những phát triển này nói chung là hệ quả của việc xử lý các mệnh lệnh. Nó dựa theo quá trình đã được quy định trước hoặc điều khiển từng bước.

Ví dụ: tính lương được thiết lập bằng cách xây dựng một quá trình điều khiển bắt đầu bằng việc thu thập các bảng chấm công, tập hợp khối lượng công việc thực hiện của từng công nhân kết thúc bằng việc phân phát phiếu lương và các lệnh chuyển khoản cho ngân hàng (thông qua mạng).

Hệ quản lý điều khiển không hoạt động độc lập mà nó cần được kiểm soát và điều chỉnh dựa theo mục tiêu đặt ra và việc tiếp nhận thông tin từ hệ tác nghiệp (HTN), sản xuất (HSX) là cần thiết.

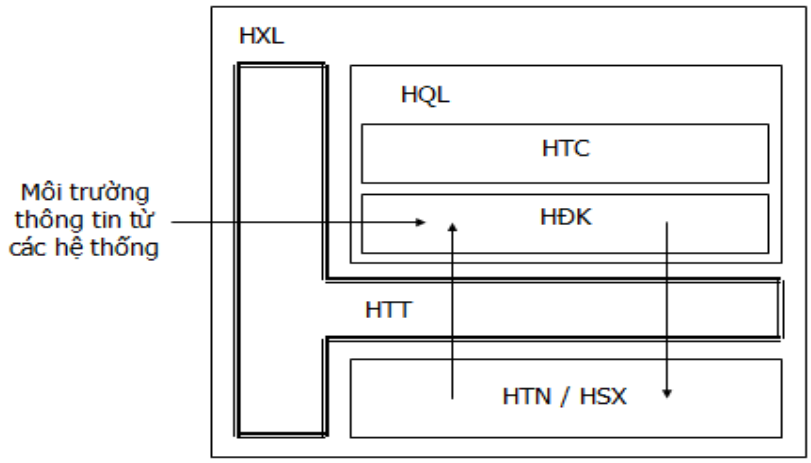

. Sơ đồ giản lược của một mệnh lệnh của hệ quyết định

b. Hệ thông tin phối hợp các phân hệ:

Hệ tổ chức kinh tế xã hội được phân chia thành các phân hệ. Mỗi phân hệ có đầy đủ các đặc tính của một hệ thống (HQĐ – HTT – HTN). Các phân hệ ví dụ: nhà cung cấp, đối thủ cạnh tranh, đại lý … tạo thành các hệ thống và hệ thông tin có nhiệm vụ phối hợp các liên hệ này.

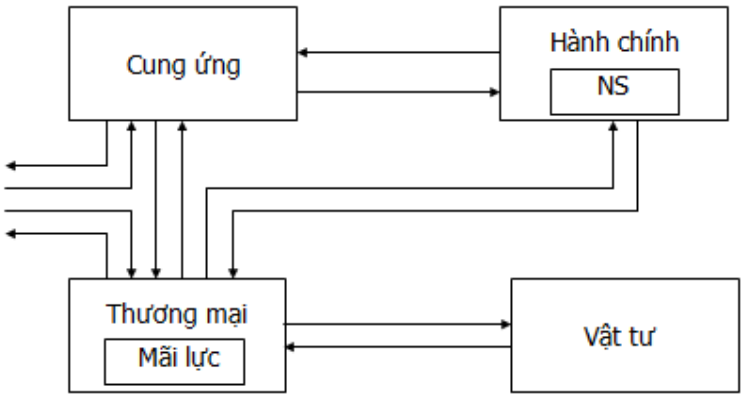

Ví dụ một vài phân hệ của hệ thống

Cấu trúc của mỗi phân hệ có thể dựa trên: cấu trúc chức năng, cấu trúc trực tuyến phân cấp và cấu trúc hỗn hợp (trực tuyến chức năng).

c. Hệ thống tin kiểm soát và điều phối hệ thống:

Hệ thống điều khiển nhận các thông tin từ môi trường bên ngoài (có ích và không có ích) cùng thông tin nội, dựa trên thông tin này mà hệ thống kinh tế xã hội hoạt động. Có 3 trường hợp:

- Trường hợp điều khiển theo chu kỳ mở:

Thông tin từ môi trường chuyển tiếp đến hệ quyết định, tiếp theo là ảnh hưởng đến hệ tác nghiệp.

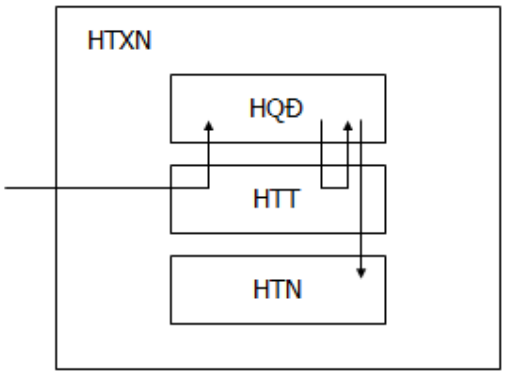

Điều khiển quản lý theo chu kỳ mở

- Trường hợp điều khiển theo chu kỳ đóng:

Thông tin từ hệ tác nghiệp có thể đến hệ quyết định nếu như đã thỏa các điều kiện cần thiết (2). Quyết định hành động được thông qua không, nếu không thông qua sẽ có thông tin đến hệ tác nghiệp (3)

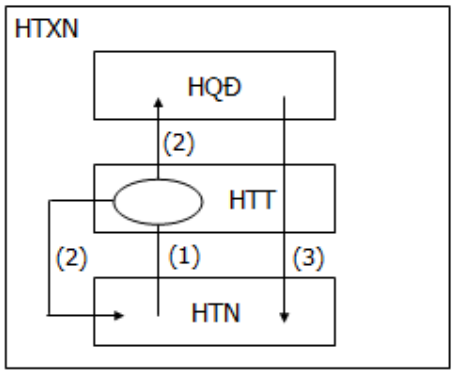

Điều khiển quản lý theo chu kỳ đóng

- Trường hợp điều khiển bằng 1 lệnh gọi là báo động:

Thông tin đến từ môi trường hoặc hệ tác nghiệp (1), quyết định hoạt động đưa ra hoặc không (2), kết quả được chuyển ra môi trường (3).

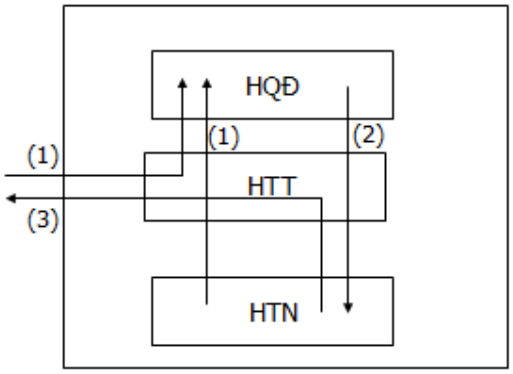

Điều khiển theo báo động

1.3 *Hệ thống thông tin kế toán*

1.3.1 Khái niệm

Từ nhu cầu hoạt động, sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, hằng ngày có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các nghiệp vụ này được hệ thống thông tin kế toán phân tích, ghi chép và lưu trữ các ghi chép này (chứng từ, sổ, thẻ, bảng …). Khi người sử dụng có yêu cầu, hệ thống thông tin kế toán sẽ từ các ghi chép đã lưu trữ mà phân tích, tổng hợp và lập các báo cáo thích hợp cung cấp cho người sử dụng thông tin.

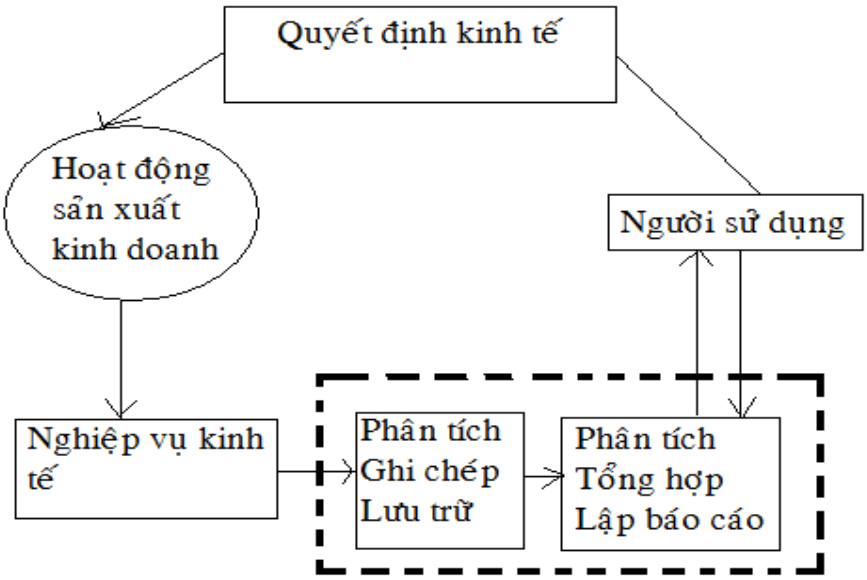

1.3.2 **Vai trò**

Hệ thống thông tin điều hành là hệ thống thông tin được xây dựng nhằm cho mục tiêu quản lý, điều hành doanh nghiệp giúp cho doanh nghiệp có thể kiểm soát tốt toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp.

Hệ thống thông tin về ngân sách và báo cáo trách nhiệm: giống như hệ thống thông tin kế toán quản trị, nhằm đưa ra các thông tin nội bộ, từ đó giúp cho nhà quản trị có thể ra quyết định hữu ích dựa trên báo cáo đó, ví dụ với hệ thống thông tin báo cáo trách nhiệm thì chỉ rõ trách nhiệm phần hành đó, việc đó thuộc về ai trong doanh nghiệp, giúp cho đánh giá năng lực của cấp quản trị tốt hơn.

Hệ thống xử lý nghiệp vụ kế toán: trong thực tế hệ thống này được phần mềm kế toán hỗ trợ cao, vì tất cả các phần mềm kế toán đều có chức năng xử lý nghiệp vụ kế toán, cái quan trọng là làm sao để xây dựng một hệ thống xử lý nghiệp vụ kế toán chuẩn xác cho doanh nghiệp, để được như vậy, chúng ta cần một đội ngũ chuyên gia am hiểu về hệ thống thông tin kế toán và về kế toán để có thể thiết lập một phần mềm tốt phục vụ cho việc xử lý nghiệp vụ kế toán.

1.3.3 **Cấu trúc**

Hệ thống thông tin kế toán sẽ ghi nhận, xử lý và thông đạt các sự kiện qua sử dụng các phương pháp riêng để đạt mục tiêu. Những mục tiêu này sẽ xác định phạm vi của hệ thống và bản chất các sự kiện kinh tế.

Phạm vi của hệ thống thông tin kế toán phải tuân thủ các nguyên tắc kế toán chung của quốc tế và của quốc gia nhằm tạo ra các báo cáo tài chính cung cấp cho các tổ chức bên ngoài đơn vị đó để nắm bắt thực tế hoạt động đã qua cũng như dự báo, nhận ra trước các nghiệp vụ tương lai và ước tính sự ảnh hưởng của nó. Từ đó, phục vụ cho việc thiết lập kế hoạch ngân sách, kế hoạch lợi nhuận,

thống kê, phân tích các tình hình kinh doanh nên hệ thống thông tin kế toán có hệ thống thông tin kế toán tài chính và hệ thống thông tin kế toán quản trị.

1.3.4 **Hệ thống thông tin kế toán tài chính**

Kế toán tài chính được xây dựng trên cơ sở những nội dung chung nhất của mọi hoạt động kinh doanh của đơn vị. Đó là sự tích tụ các nguồn tài chính từ các nhà đầu tư, cho vay, lợi nhuận …, từ các nguồn này tạo nên các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tạo ra lãi lỗ của hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ. Nếu có thu nhập thì phần giữ lại sẽ được chia cho các cổ đông, trả lãi vay và nộp thuế.

Do đó , hệ thống thông tin kế toán tài chính là hệ thống ghi nhận các sự kiện, các nghiệp vụ kinh tế, tổng hợp, phân tích số liệu và truyền thông báo cáo để cung cấp thông tin cho người sử dụng.

a. Mục tiêu

Hệ thống thông tin kế toán tài chính cung cấp báo cáo về thông tin tài chính chủ yếu cho ngươi sử dụng ngoài doanh nghiệp. Các thông tin báo cáo được thiết lập trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực, các nguyên tắc, các thông lệ kế toán của nhà nước và bị chi phối bởi pháp luật quốc gia. Các báo cáo tài chính thường hướng tới số đông ngoài doanh nghiệp như các chủ đầu tư, tổ chức cung cấp tín dụng, các nhà phân tích tài chính, các cơ quan quản lý nhà nước. Các thông tin trong báo cáo tài chính cũng được các nhà quản trị doanh nghiệp sử dụng nhưng vẫn chủ yếu là hướng tới bên ngoài.

b. Môi trường hoạt động và vận hành

Các qui định về kế toán của nhà nước, môi trường pháp lý, chuẩn mực kế toán chi phối (VAS, IAS, GAAP)

Hệ thống thông tin kế toán tài chính được xây dựng trên cơ sở nhiều hệ thống ứng dụng:

- Hệ thống ứng dụng cho chu trình doanh thu: chu trình doanh thu gồm các nghiệp vụ kế toán ghi nhận những sự kiện kinh tế phát sinh liên quan đến việc tạo ra doanh thu gồm các bước nhận đặt hàng của khách hàng, giao hàng hóa hoặc dịch vụ cho khách hàng, yêu cầu khách hàng thanh toán tiền và nhận tiền thanh toán.
- Hệ thống ứng dụng cho chu trình chi phí: chu trình chi phí bao gồm các sự kiện liên quan đến hoạt động mua hàng hay dịch vụ và thanh toán tiền. Có bốn sự kiện kinh tế được ghi chép và xử lý trong chu trình chi phí gồm : doanh nghiệp đặt hàng hay dịch vụ cần thiết, nhận hàng hay dịch vụ yêu cầu, xác định nghĩa vụ thanh toán, doanh nghiệp thanh toán tiền.
- Hệ thống ứng dụng cho chu trình chuyển đổi bao gồm các thủ tục, chương trình xử lý tài sản cố định, tiền lương, tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm…
- Hệ thống ứng dụng cho chu trình tài chính: gồm các thủ tục, hoặc chương trình xử lý các nghiệp vụ ghi nhật ký, các bút toán điều chỉnh, khóa sổ và soạn thảo các báo cáo tài chính, quản trị…

Luồng thông tin: xử lý bằng tay và xử lý bằng máy

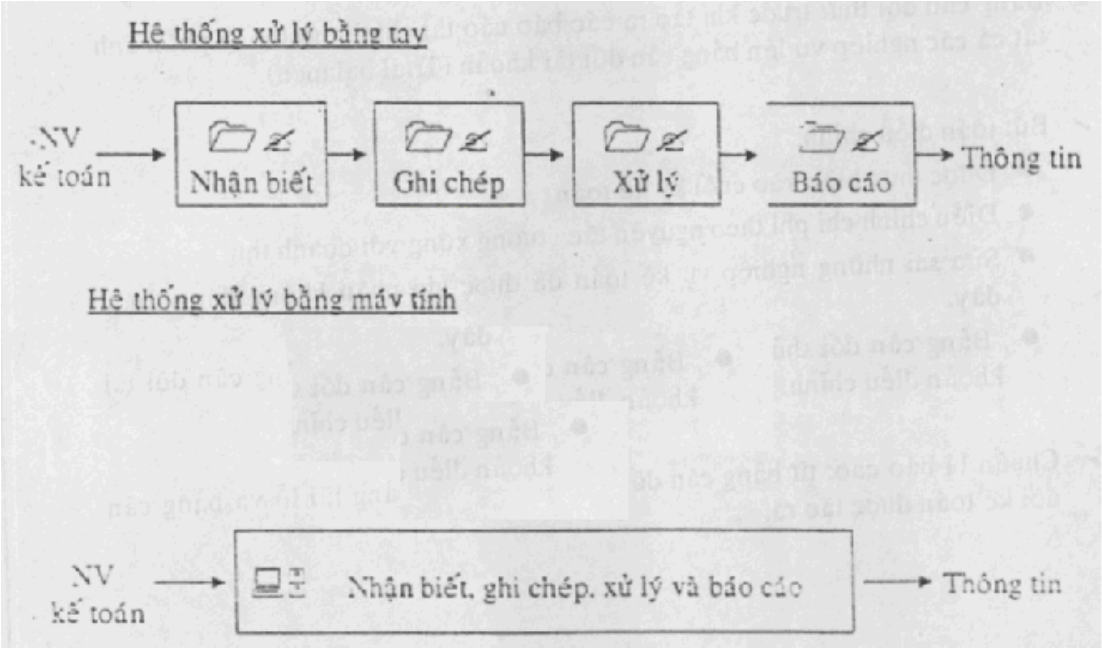

c. Cấu trúc

Bao gồm nhiều hệ thống xử lý ứng dụng (mua hàng, bán hàng, sản xuất, tài chính) được gọi là các chu trình kế toán như chu trình doanh thu, chu trình chi phí, chu trình tài chính, chu trình chuyển đổi … Mỗi chu trình kế toán cũng là một hệ thống gồm nhiều hệ thống con mà bản thân cũng là một ứng dụng cụ thể.

Thông tin đầu vào là chứng từ của các nghiệp vụ kế toán, thông tin đầu ra là báo cáo bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

d. Qui trình xử lý

Phương pháp xử lý – định khoản, ghi sổ cái

Định khoản: áp dụng phương pháp ghi sổ kép và hệ thống tài khoản kế toán hiện hành.

Ghi vào sổ cái: là chuyển các bút toán vào sổ cái. Sổ cái là tài liệu tổng hợp theo tài khoản theo các nghiệp vụ kế toán ảnh hưởng đến tài khoản đó. Vì vậy

sau khi chuyển vào sổ cái, nghiệp vụ được ghi nhận theo tài khoản, chứ không phải theo trình tự thời gian.

Sổ chi tiết: hệ thống sổ chi tiết để theo dõi từng đối tượng cụ thể, chi tiết của tài khoản tương ứng ví dụ sổ chi tiết tài khoản phải thu khách hàng, sổ theo dõi tài sản cố định.

Các bước trong hệ thống kế toán liên quan đến định khoản và chuyển số liệu vào sổ cái được gọi là hệ thống xử lý nghiệp vụ.

Phương pháp xử lý khóa sổ – chuẩn bị báo cáo tài chính

Bảng cân đối thử: trước khi tạo ra báo cáo tài chính, hệ thống phản ánh tất cả các nghiệp vụ lên bảng cân đối kế toán. Tổng nợ bằng tổng có, điều này giúp cho các định khoản trong hệ thống không bao giờ sai lệch và cũng là điều kiện khi thiết kế phần mềm cho hệ thống.

Bút toán xử lý khóa sổ : được thực hiện vào cuối kỳ kế toán, điều chỉnh chi phí theo nguyên tắc tương xứng với doanh thu, sửa sai những nghiệp vụ kế toán đã được ghi nhận không đúng trước đây. Sau đó, bảng cân đối thử các bút toán xử lý điều chỉnh gọi là bảng cân đối tài khoản thử.

Các bút toán xử lý khóa sổ được ghi trên cơ sở: hệ thống kế toán doanh nghiệp được thực hiện theo cơ sở dồn tích (accrual basic), nguyên tắc kỳ kế toán (accounting period) và nguyên tắc phù hợp (matching principle).

Các bút toán cần phải lập vào cuối kỳ:

Phân bổ khấu hao tài sản cố định : cuối kỳ, kế toán tính ra số khấu hao tài sản cố định phải trích trong kỳ và ghi bút toán phân bổ.

Nợ chi phí khấu hao/ Có hao mòn lũy kế.

Khấu hao tài sản cố định có thể được thực hiện hằng tháng hoặc được ghi 1 lần vào cuối năm tài chính.

Doanh thu nhận trước (doanh thu chưa thực hiện): doanh thu nhận trước phát sinh trong trường hợp doanh nghiệp nhận tiền trước cho việc thực hiện dịch vụ, khoản tiền nhận được thực chất là doanh thu của nhiều kì kế toán tiếp theo, chứ không phải doanh thu của kỳ thu tiền. Do vậy, kế toán phải xử lý nhằm phản ánh chính xác doanh thu đã thực hiện của kỳ này.

Khi phát sinh doanh thu nhận trước : Nợ tiền / Có doanh thu nhận trước.

Bút toán xử lý doanh thu nhận trước, tính vào doanh thu kỳ kế toán hiện thời: Nợ tài khoản doanh thu nhận trước/ Có doanh thu thực hiện kỳ này.

Doanh thu chưa thu: doanh thu chưa phát sinh trong trường hợp doanh nghiệp đã thực hiện việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng nhưng chưa nhận được tiền. Việc thanh toán sẽ được thực hiện tại một thời điểm trong tương lai. Kế toán trích trước doanh thu phải thu bằng bút toán :Nợ phải thu/ Có doanh thu.

Chi phí trả trước :

- Phân bổ chi phí bảo hiểm trả trước:

Khi thanh toán tiền mua bảo hiểm : Nợ bảo hiểm trả trước / Có tiền.

Phân bổ chi phí bảo hiểm tính vào chi phí năm nay : Nợ chi phí bảo hiểm / Có bảo hiểm trả trước.

- Phân bổ chi phí văn phòng phẩm

Khi mua văn phòng phẩm nhập kho, kế toán ghi : Nợ văn phòng phẩm/ Có tiền (nếu tiền đã trả hết) hoặc Có phải trả người bán (nếu chưa trả tiền).

Số dư tài khoản văn phòng phẩm được thể hiện trên bảng cân đối thử . Vào thời điểm lập báo cáo, căn cứ kết quả kiểm kê, kế toán tính ra số văn phòng phẩm đã sử dụng trong kì kế toán và ghi bút toán phân bổ: Nợ chi phí văn phòng phẩm/ Có văn phòng phẩm.

Các loại chi phí phải trả: chi phí phải trả là các loại chi phí thực tế chưa phải chi trả nhưng được tính vào chi phí kinh doanh cho kì hiện hành. Kế toán phải ghi tăng chi phí của kì kế toán hiện hành và tăng nợ phải trả.

Ví dụ: công ty trả lương vào thứ 6 hàng tuần (lương tuần) nhưng ngày kết thúc tháng lại là ngày thứ 3. Như vậy, có 2 ngày (thứ 2 và thứ 3) thuộc tháng này, nhưng tiền lương lại được trả vào thứ 6 trong tuần đầu của tháng tiếp theo. Vậy nên kế toán cần tính tiền lương của 2 ngày đó vào chi phí của tháng này mặc dù chưa thanh toán cho người lao động.

Bút toán xử lý trong trường hợp này phải ghi là : Nợ chi phí lương/ có phải trả nhân viên.

Kế toán xử lý tương tự với các khoản chi phí phải trả khác như :tiền thuê phải trả, lãi vay phải trả …

Chuẩn bị báo cáo: từ bảng cân đối thử điều chỉnh, bảng lãi lỗ và bảng cân đối kế toán được tạo ra.

Phương pháp xử lý – khóa sổ

Sau khi chuẩn bị xong báo cáo tài chính, kế toán sẽ chuyển số liệu liên quan cho kỳ kế toán tiếp theo.

Bút toán khóa sổ sẽ chuyển số dư từ TK doanh thu và chi phí vào tài khoản kết quả hoạt động kinh doanh thuộc bảng cân đối kế toán, đồng thời làm cho các tài khoản này có số dư bằng không. Nguyên nhân là doanh thu, chi phí và việc rút

vốn của chủ sở hữu được lũy kế trong kì kế toán. Cuối kì kế toán, khi tiến hành lập báo cáo, các thay đổi này được chuyển sang ghi nhận trên tài khoản vốn của chủ sở hữu.

Khóa sổ tài khoản doanh thu: Nợ doanh thu / Có xác định kết quả kinh doanh.

Khóa sổ tài khoản chi phí: Nợ xác định kết quả kinh doanh/ Có chi phí.

Khóa sổ tài khoản xác định kết quả kinh doanh : nếu lãi ghi Nợ xác định kết quả kinh doanh / Có lợi nhuận chưa phân phối , nếu lỗ ghi Nợ lợi nhuận chưa phân phối / Có xác định kết quả kinh doanh.

Bút toán đảo ngược được thực hiện để xóa các bút toán trích trước trước đây.

Kết thúc một chu trình kế toán, các sản phẩm thông tin của kế toán tài chính bao gồm :bảng cân đối kế toán, kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, chúng cung cấp thông tin về tình hình tài chính của doanh nghiệp, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và tình hình lưu chuyển tiền. Các thông tin này bắt buộc phải hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu và thường được kiểm toán trước khi công bố.

Bảng cân đối kế toán: báo cáo trình bày về thông tin tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định theo thước đo tiền. Báo cáo xác định một phương trình cơ bản là tài sản bằng nguồn vốn cộng nợ phải trả. Trình tự sắp xếp trong từng phần được căn cứ theo thứ tự giảm dần về khả năng luân chuyển nhanh.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: báo cáo trình bày kết quả doanh nghiệp đã đạt được trong một thời kỳ nhất định từ các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động bất thường cũng như thông tin tình hình thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước. Qua báo cáo người đọc

biết được tổng doanh thu, tổng chi phí và lãi lỗ thuần của doanh nghiệp. Nó cho phép so sánh phân tích nỗ lực với kết quả đạt được sau một kỳ giúp người đọc ước đoán tương lai của doanh nghiệp.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: báo cáo trình bày thông tin về các luồng tiền được tạo ra và sử dụng trong một thời gian nhất định, giúp cho người quản lý có kế hoạch sử dụng tốt hơn số tiền lưu chuyển thừa hoặc có kế hoạch bổ sung lượng tiền lưu chuyển còn thiếu hụt.

Các báo cáo này có quan hệ mật thiết với nhau vì thông qua các khoản mục trên các báo cáo có thể giải thích được quá trình kinh doanh và những biến động của doanh nghiệp.

Tuy nhiên các thông tin trên báo cáo tài chính mặc dù có ý nghĩa quan trọng trong việc giải quyết quan hệ pháp lý trong kinh doanh nhưng nó chỉ mang tính khái quát, xem doanh nghiệp là một thực thể duy nhất có những tình hình và đặc tính chung và các nghiệp vụ kế toán được thực hiện để giải quyết những sự kiện đã xảy ra thuộc về quá khứ.

Với tình hình các doanh nghiệp ngày càng phát triển, với trình độ chuyên môn hóa sâu và đa dạng ngành nghề, cần thiết phải có những chiến lược trong kinh doanh, và giúp ban giám đốc điều hành hiệu quả hoạt động của mình thì cần có thêm những báo cáo nội bộ được thực hiện thông qua hệ thống thông tin kế toán quản trị.

1.3.5 Hệ thống thông tin kế toán quản trị

a. Mục tiêu

Ta thấy rằng bất cứ một nhà quản lý doanh nghiệp nào cũng phải thực hiện chức năng cơ bản là lập kế hoạch, tổ chức, điều hành, kiểm tra và ra quyết định. Cho nên nội dung của kế toán quản trị được xuất phát từ mục đích yêu cầu quản lý và do chức năng quản lý quyết định hơn là các đối tượng bên ngoài doanh nghiệp. Do đó, trong kế toán quản trị, thông tin có thể biểu diễn theo nhiều thước đo khác nhau và không nhất thiết phải tuân theo các chuẩn mực chung như kế toán tài chính mà phải được vận dụng một cách mềm dẻo, linh hoạt. Tóm lại, hệ thống thông tin kế toán quản trị là hệ thống cung cấp các thông tin quản trị chủ yếu cho nội bộ theo yêu cầu quản lý của tổ chức. Kế toán quản trị có 4 mục tiêu sau:

- Cung cấp thông tin cho nhà quản lý để lập kế hoạch và ra quyết định
- Trợ giúp nhà quản lý trong việc điều hành và kiểm soát hoạt động của tổ chức
- Thúc đẩy nhà quản lý đạt được mục tiêu của tổ chức.
- Đo lường hiệu quả hoạt động của các nhà quản lý và các bộ phận, đơn vị trực thuộc trong tổ chức.

b. Môi trường hoạt động và cơ chế vận hành

Hệ thống thông tin kế toán quản trị là hệ thống thông tin kế toán nội bộ, phục vụ chủ yếu cho nhu cầu bên trong nên đa số các báo cáo quản trị đều được thiết kế theo mục tiêu và yêu cầu của nhà quản trị. Sau khi đã hoàn chỉnh hệ thống thông tin kế toán tài chính với các báo cáo theo yêu cầu của bên ngoài, nhà quản trị có một số yêu cầu thêm về thông tin cho doanh nghiệp để từ đó có thể ra các quyết định chính xác. Hệ thống thông tin kế toán quản trị do bộ phận kế

toán quản trị phụ trách, với các công cụ phân tích như biểu đồ, sơ đồ để cho thấy sự biến đổi của số liệu qua các kỳ kế toán. Bên cạnh đó, hệ thống thông tin kế toán quản trị còn giúp cho việc lên kế hoạch, tổ chức điều hành, kiểm soát, ra quyết định.

c. Cấu trúc

Hệ thống ngân sách và hệ thống báo cáo trách nhiệm

Thông tin đầu vào: thông tin tài chính trong doanh nghiệp và thông tin kinh tế liên quan đến môi trường kinh doanh(ví dụ các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô như GDP, lạm phát, các chỉ tiêu về cạnh tranh thị phần…), thông tin đầu ra là các báo cáo và thông tin quản trị cho quá trình ra quyết định.

Luồng thông tin:

- Từ trên xuống: Xuất phát từ tổ chức quản lý cấp cao nhất dần xuống cấp quản lý bên dưới. Hệ thống sẽ ghi nhận các sự kiện, tóm tắt và truyền thông tin từ cấp cao đến cấp thấp. Cụ thể thông tin này sẽ đưa ra các dự án ngân sách định kỳ từ sự thiết lập và phối hợp các mục tiêu cho từng bộ phận để đạt đến mục tiêu chung của tổ chức. Thông tin của hệ thống kế toán quản trị mang tính dự đoán nhiều hơn.
- Từ dưới lên: xuất phát từ các cấp quản lý bậc thấp dần lên cấp quản lý bậc cao nhất. Khi các sự kiện, nghiệp vụ kinh tế phát sinh từ các cấp quản lý thấp hơn, chúng sẽ được ghi nhận, tổng hợp và báo cáo lên quản lý cấp cao hơn. Thông tin được báo cáo phụ thuộc vào giới hạn trách nhiệm do nhà quản lý kiểm soát. Nhà quản lý cấp bộ phận (hoặc trung tâm) sẽ kiểm soát các chi phí, doanh thu, … của bộ phận (trung tâm) thực tế đã thực hiện trong kỳ, chênh lệch giữa thực tế và dự đoán… Tại mỗi bộ phận quản lý cao hơn, các báo cáo sẽ mang tính khái quát hơn. Sau đó, quản lý cấp cao sẽ đánh giá các nhà quản lý ở

cấp thấp hơn thông qua sự khác biệt giữa thực tế và mục tiêu đã dự toán ngân sách.

- Hệ thống ngân sách và hệ thống báo cáo trách nhiệm bao gồm thông tin từ trên xuống và từ dưới lên.

Hệ thống ngân sách và luồng thông tin từ trên xuống

- Hệ thống ngân sách trong một tổ chức cung cấp thông tin từ trên xuống. Bằng việc xác định và kết hợp các mục tiêu của các bộ phận trong tổ chức, ngân sách hỗ trợ cho việc đạt mục tiêu chung của toàn công ty.

- Các yếu tố của một hệ thống ngân sách hiệu quả: cấu trúc của tổ chức, chính sách nêu lên đạo đức nghề nghiệp, mục tiêu của công ty.

- Cấu trúc của tổ chức:

➢ Cấu trúc của tổ chức cung cấp môi trường cho thông tin được truyền đi.

➢ Các yếu tố của môi trường tổ chức để cho chức năng truyền thông tin hoạt động gồm có: phân biệt rõ ràng các thành phần trong tổ chức, phải có văn bản cụ thể nêu rõ quyền hạn và trách nhiệm của các trưởng phòng ban, mỗi một nhân viên chỉ báo cáo cho một trưởng bộ phận, ban lãnh đạo phải xác định rõ ràng mối quan hệ giữa nhân viên cấp trên và nhân viên cấp dưới.

- Qui định về đạo đức nghề nghiệp:

➢ Qui định về đạo đức nghề nghiệp nêu lên yêu cầu của công ty đối với hành vi của nhân viên trong công ty.

➢ Tuân theo pháp luật và qui định của nhà nước

➢ Mối quan hệ với các quan chức nhà nước

➢ Phản ánh trung thực tài sản của doanh nghiệp

➢ Mâu thuẫn trong lợi ích nghề nghiệp

➢ Hoạt động của công ty con

➢ Báo cáo trung thực.

- Mục tiêu hoàn thành

➢ Mục tiêu chung của tổ chức và mục tiêu của từng bộ phận: hệ thống ngân sách biên dịch các mục tiêu chung của tổ chức thành các mục tiêu chi tiết, cụ thể của từng bộ phận.

➢ Các phương pháp phát triển mục tiêu của các phòng ban: bao gồm hệ thống mệnh lệnh là các chỉ tiêu được cấp trên phân xuống cấp dưới dựa vào quyền lực của cấp trên, và hệ thống tham gia cho phép nhân viên cấp dưới tham gia vào quá trình xây dựng mục tiêu của chính bộ phận mình. Kết hợp giữa mệnh lệnh và tham gia, ta có thương lượng giữa cấp trên và cấp dưới để thỏa mãn mục tiêu của công ty.

<u>Hệ thống kế toán trách nhiệm và luồng thông tin từ dưới lên</u>

- Khái niệm : hệ thống báo cáo trách nhiệm ghi nhận thông tin của các nghiệp vụ xảy ra ở cấp cơ sở thấp hơn trong cấu trúc của tổ chức và báo cáo đến cấp quản lý cao hơn.

- Trung tâm trách nhiệm:

➢ Trung tâm chi phí: nơi tập trung chi phí của hoạt động, một bộ phận có thể có nhiều trung tâm chi phí, tùy thuộc vào tính chất của cách thức quản lý chi phí.

➢ Trung tâm lợi nhuận: một trung tâm lợi nhuận có nhiều trung tâm chi phí, hoặc có thể ứng với một trung tâm chi phí, từ đó có thể xác định được hiểu quả công việc của từng trung tâm.

- Trung tâm đầu tư

- Tổng hợp báo cáo hoàn thành công việc
- Mã số trách nhiệm
- Mã số trong hệ thống kế toán trách nhiệm

d. Qui trình xử lý

Tùy vào yêu cầu của nhà quản lý mà qui trình xử lý của hệ thống thông tin kế toán quản trị hoàn toàn khác nhau.

Đối với mục tiêu lập kế hoạch, kế toán quản trị sẽ sử dụng thông tin kế toán tài chính sau đó thiết lập nên số liệu kế hoạch tương ứng với số liệu đã xảy ra.

Cũng có thể là việc quyết định giá bán của một sản phẩm mới, tất cả việc định giá phụ thuộc vào phần trăm lợi nhuận mà hệ thống thông tin kế toán quản trị xử lý số liệu cho phù hợp để ra mức giá bán phù hợp cho doanh nghiệp.

Nếu là việc phân tích chi phí của các trung tâm trách nhiệm, hệ thống thông tin kế toán quản trị có thể cung cấp thông tin theo từng trung tâm và đánh giá lợi nhuận đạt được theo từng trung tâm cụ thể, từ đó có thể phân tích được hiệu quả của các trung tâm.

Vì sự linh hoạt trong các dạng báo cáo và sự đa dạng trong yêu cầu của nhà quản trị nên qui trình xử lý của hệ thống thông tin kế toán quản trị cũng phức tạp để tương thích với các yêu cầu đó.

Kết luận chương 1

Tóm lại, hệ thống thông tin kế toán là một phần tất yếu của doanh nghiệp. Doanh nghiệp càng muốn quản lý tốt hiệu quả của mình thì doanh nghiệp càng phải có một hệ thống thông tin kế toán phù hợp với doanh nghiệp của mình. Hệ thống thông tin kế toán của một doanh nghiệp thông thường bao gồm hệ thống thông tin kế toán tài chính và hệ thống thông tin kế toán quản trị. Tuy nhiên, đa phần là hệ thống thông tin kế toán tài chính bởi vì hiện nay không phải doanh nghiệp nào cũng có nhu cầu về kế toán quản trị mặc dù đó là bộ phận kế toán cực kỳ quan trọng cho một doanh nghiệp. Với các mục tiêu, môi trường vận hành, cấu trúc và qui trình xử lý của hệ thống thông tin kế toán giúp chúng ta có một số khái niệm cũng như hiểu biết sơ bộ về hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp và sự cần thiết của nó. Áp dụng các lý thuyết hiện có của hệ thống thông tin kế toán của một doanh nghiệp, chúng ta tìm hiểu đến mô hình hệ thống thông tin kế toán của một công ty đa quốc gia để có thêm nhận thức về cách thức mà một công ty đa quốc gia vận dụng hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp của mình. Đó cũng là phần tìm hiểu tiếp theo của luận văn trong chương 2.

Chương 2 : Hệ thống thông tin kế toán tại công ty Maersk Việt Nam

2.1 *Giới thiệu tổng quát về công ty Maersk*

Công ty TNHH Maersk Việt Nam là công ty con của tập đoàn AP. Moller Maersk và là công ty đầu tiên có 100% vốn đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực vận tải tàu biển tại Việt Nam với lịch sử hình thành như sau:

1991 : văn phòng đại diện Maersk Line được thành lập.

1993: công ty APM Saigon Shipping thiết lập (hình thức EAC - Saigon Shipping)

1995: Mercantile thiết lập (trở thành Maersk Logistic trong năm 2000)

1999: Maersk Line mua hoạt động của Sea Land tại Việt Nam.

Mercantile hợp nhất với Sealand Logistics

2001: Maersk Logistics mua DSL. Maersk Sealand và Maersk Logistics dời về cùng một văn phòng.

2004: Maersk Line, Maersk Logistics và APM Saigon Shipping dời về chung 1 trụ sở.

2005: Thành lập Công ty TNHH Maersk Việt Nam, trở thành công ty vận tải đường biển đầu tiên 100% vốn nước ngoài.

2006: Maersk Line mua P&O Nedlloyd.

Hiện nay Maersk Việt Nam đang hoạt động trong 2 loại hình :đại lý cho Maersk Line với hoạt động chính là vận tải đường biển, và hoạt động Logistics. Với 2 loại hình hoạt động như trên, cơ cấu tổ chức của Maersk Việt Nam cũng được chia thành 2 nhánh độc lập.

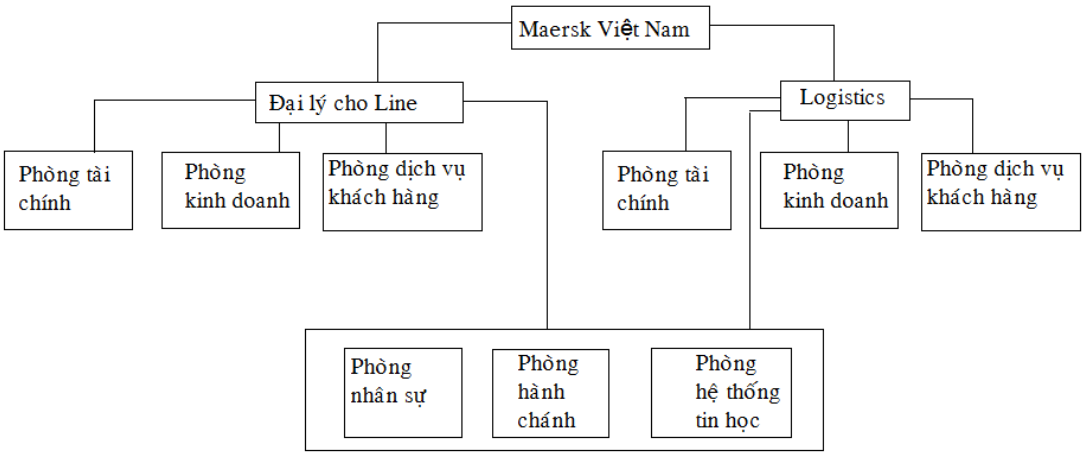

Cùng với hai loại hình hoạt động riêng biệt và việc trực thuộc tập đoàn cũng chia ra làm 2 nhánh riêng biệt nên tất cả các báo cáo đều chia làm hai loại hình hoạt động này và hệ thống thông tin kế toán cũng được phân biệt rõ cho cả hai loại hình hoạt động. Tuy nhiên về cơ bản, việc áp dụng chung 1 phần mềm và các ứng dụng của phần mềm là như nhau cho tất cả các loại hình hoạt động. Việc báo cáo của từng loại hình hoạt động thì được chia ra và báo cáo theo từng loại hình trong tập đoàn. Tuy nhiên, Maersk Việt Nam là công ty 100% vốn của Maersk A/S nên lợi nhuận tạo ra tại Maersk Việt Nam được chuyển về Maersk A/S. Thông qua 2 loại hoạt động này, chúng ta có thể biết hoạt động đại lý chỉ thu tiền hoa hồng từ Line và hoạt động Logistics là hoạt động tạo ra doanh thu và chi phí tại Việt Nam. Hoa hồng được ấn định là 1,5% toàn bộ chi phí trước chi phí tài chính, 1,5% là mức lợi nhuận tối thiểu để có thể giảm thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam.

Với loại hình hoạt động như thế nên hệ thống kế toán của một công ty đa quốc gia, công ty Maersk Việt Nam hiện đang sử dụng phần mềm SAP, đây là phần mềm với cơ sở dữ liệu đồ sộ và chuyên nghiệp nhất trong thời điểm hiện tại. Tuy nhiên, để thích ứng với tính chất kinh doanh của Maersk nên SAP đã được

chuyển đổi và có thêm một tên gọi khác là FACT (Financial Accounting Container Transportation)

Tổng quan về FACT

FACT Scope

- Financials (Tài chính)
  - -FI – Financials (Tài chính)
  - -CO – Controlling (Kiểm soát)
- Logistics (Kho vận)
  - -MM - Materials Management (Quản lý mua hàng)
  - -SD – Sales and Distribution (Bán hàng và p. phối)
- Human Resources (Nhân sự)
  - -Travel Management (Quản lý c.phí công tác)
- New Dimension Products (Sản phẩm mới ứng dụng)
  - -Business Warehouse (Kho dữ liệu)
  - -Strategic Enterprise Management
  - Supplier Relationship Management
  - -Enterprise Buyer Professional

Đề tài chỉ giới hạn trong hệ thống thông tin kế toán của Maersk Việt Nam, SAP là hệ thống được sử dụng cho toàn bộ công ty nên ở đây chỉ nghiên cứu về phần tài chính và các phần liên quan đến hệ thống thông tin kế toán.

2.2 Hệ thống thông tin kế toán tại công ty Maersk Việt Nam

2.2.1 Hệ thống thông tin kế toán tài chính

Hệ thống thông tin kế toán tài chính tại Maersk Việt Nam bao gồm kế toán phải trả nhà cung cấp, phải thu khách hàng, kế toán tổng hợp và kế toán tài sản cố định để cuối cùng có thể ra các báo cáo tài chính thông thường phục vụ cho bên ngoài sử dụng. Toàn bộ hệ thống thông tin kế toán tài chính chịu sự quản lý của kế toán trưởng.

a. Chu trình phải trả nhà cung cấp

Khái niệm

Phải trả khách hàng, ghi chép và quản lý dữ liệu kế toán cho tất cả các nhà cung cấp. Các bút toán tạo công nợ và khoản phải trả được đăng ký trong tài khoản nhà cung cấp.

Các bút toán được tạo với tài khoản chi tiết (tài khoản nhà cung cấp), các tài khoản nhà cung cấp được thiết lập trong hệ thống dữ liệu tài khoản nhà cung cấp. Tất cả các nhà cung cấp mới đều được cập nhật vào hệ thống này và tạo ra một tài khoản nhà cung cấp tương ứng.

Với thứ bậc các nghiệp vụ, các bút toán tạo ra được đối chiếu với sổ cái. Thông thường tất cả các tài khoản chi tiết theo từng nhà cung cấp luôn luôn bằng tài khoản tổng hợp trên sổ cái.

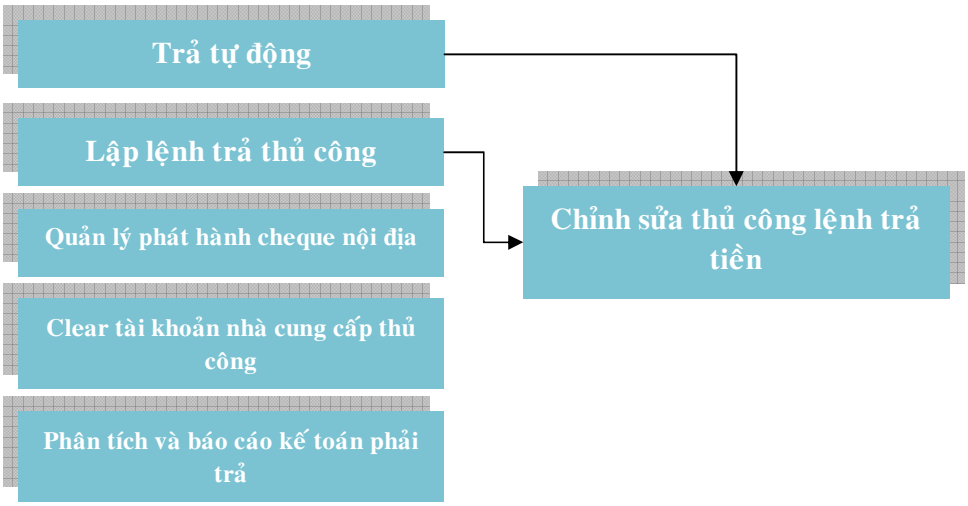

Sự khác biệt giữa trả tự động và lập lệnh trả thủ công là với sự áp dụng phần mềm SAP, tất cả các khoản chuyển khoản qua ngân hàng đều được tập trung cho GSC trung tâm dịch vụ trả tiền, trung tâm được đặt tại Ấn Độ và làm việc theo thời gian biểu chặt chẽ, nếu như tất cả các khoản thanh toán đều được tạo đơn đặt hàng và tuân thủ một qui trình đặt hàng đầy đủ thì khi nhận được phiếu giao

hàng và hóa đơn bán hàng , tất cả các chứng từ này làm cơ sở cho việc hạch toán vào sổ sách kế toán, theo phương pháp 3-match (PO-GR-IR), dựa vào đó GSC tự động chuyển khoản cho khách hàng, qui trình này gọi là tự động trả theo ngày hạn thanh toán (due date). Tuy nhiên một số loại chi phí không thể tạo đơn đặt hàng hoặc không thể chờ GSC thanh toán thì nhân viên kế toán lập lệnh trả tiền tại Việt Nam và hạch toán trực tiếp vào tài khoản chi phí hoặc tài khoản trả trước để làm lệnh thanh toán thì gọi là "lập lệnh trả thủ công".

Nếu như không trả qua chuyển khoản ngân hàng thì công ty cũng tạo séc và trả cho nhà cung cấp, đây cũng là trường hợp trả thủ công. Hiện tại Maersk Cambodia đang áp dụng phương pháp này đối với các khoản trả thủ công.

Sau khi trả tiền cho nhà cung cấp, hạch toán vào tài khoản nhà cung cấp để xóa công nợ, như vậy với nhà cung cấp đó không còn công nợ cần phải trả. Đây cũng là cách để kiểm tra công ty còn phải trả cho nhà cung cấp nào và nợ bao lâu.

Dựa vào tài khoản chi tiết của nhà cung cấp, bộ phận kế toán phải trả có thể phân tích công nợ và thời hạn nợ, từ đó phân tích đươc tình hình chiếm dụng nợ đối với nhà cung cấp, cũng như có khả năng phát hiện những sai sót trong quá trình kế toán phải trả.

Vai trò của GSC : đối với kế toán phải trả thì trách nhiệm của GSC rất lớn, đa phần các thao tác thực hiện theo đúng một qui trình đều do GSC thực hiện với một thời gian biểu chính xác, ví dụ sau khi các hóa đơn đã được scan, GSC sẽ trả tự động vào ngày thứ 3 hằng tuần cho các nhà cung cấp. Việc tập trung thanh toán thông qua GSC với lý do muốn quản lý nguồn tiền tập trung tại một điểm, để thiết lập được việc thanh toán qua GSC, tập đoàn cần phải liên kết với một ngân hàng cho toàn bộ các công ty của tập đoàn và GSC chỉ thực hiện các thao tác của mình thông qua ngân hàng đó. Đó cũng là một điểm lợi nếu như ở trung

tâm muốn biết luồng tiền từ các công ty con thì có thể thông qua sự tập trung thanh toán này để nắm được.

Phát hành séc : sau khi đã xác định thông tin nhà cung cấp cùng các chứng từ phù hợp, séc được phát hành trả cho nhà cung cấp thông qua IHB làm trung gian sau đó cấn trừ vào ngân hàng của công ty hoặc trực tiếp trừ vào tài khoản ngân hàng của công ty.

Thanh toán sau khi nhận hóa đơn: có 3 trường hợp, trả tự động, trả trước cho nhà cung cấp hoặc thanh toán từ kế toán phải trả thì tất cả các nghiệp vụ đều được thông qua IHB làm trung gian nếu như công ty có thiết lập IHB và sau đó được trừ vào ngân hàng chính của công ty.

Kế toán phải trả

Quá trình thanh toán của công ty tùy thuộc vào từng loại đơn đặt hàng hoặc theo tính chất của chi phí mà có thể chia ra làm nhiều loại:

- Chi phí công tác : hệ thống TEM được áp dụng
- Chi phí quản lý : hệ thống SSP được áp dụng
- Chi phí hoạt động: hệ thống SAP được áp dụng

Tuy nhiên dù cho ở hệ thống và phần mềm hỗ trợ nào thì cuối cùng dữ liệu cũng được chuyển vào SAP để thực hiện quá trình thanh toán, khác nhau là công đoạn tạo đơn đặt hàng cho từng loại chi phí.

Thanh toán chi phí công tác (TEM – travel expense management)

Khái niệm TEM

TEM là một trong những ứng dụng của hệ thống SAP toàn cầu được áp dụng cho doanh nghiệp dùng để thanh toán chi phí công tác, và sẽ thay thế tất cả các thủ tục qui trình thanh toán trước đây áp dụng cho loại chi phí này.

Tất cả các phi phí liên quan đến quá trình công tác đều được tạo và theo dõi thông qua người được giao trách nhiệm của mỗi phòng ban. Người này có trách nhiệm tạo yêu cầu thanh toán sau khi đã thu thập đầy đủ chứng từ liên quan đến chuyến công tác, tuy nhiên trưởng phòng của từng bộ phận là người có trách nhiệm quản lý chi phí của bộ phận của mình.

Thông thường tất cả các chuyến công tác đều được nhân viên ứng tiền của công ty, khi nhận tiền ứng trước (nghĩa là đã được trưởng phòng duyệt việc ứng tiền) thì trong hệ thống TEM đã phát sinh một chi phí ứng trước với số tiền nợ của nhân viên đó, sau khi thanh toán chi phí công tác thì chi phí ứng trước được đóng vì tất cả các chi phí được giải quyết.

Nếu như sử dụng thẻ tín dụng đi công tác thì trong TEM chưa hình thành chi phí ứng trước nào cả, chỉ khi chuyến công tác kết thúc, mọi chi phí được hạch toán thông qua TEM.

Chu trình quản lý chi phí công tác (TEM)

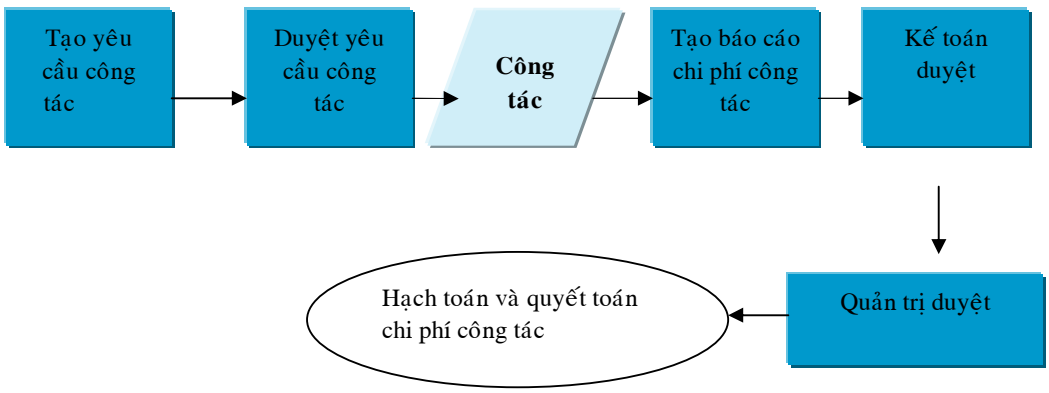

Mục tiêu và lợi ích của TEM

Kết hợp chặt chẽ chính sách quản lý chi phí công tác, là một quá trình tự động hạch toán cho chi phí công tác. Nhân viên có thể hoàn lại chi phí công tác đã tiêu cũng như chi phí cho hoạt động giải trí. Đây là công cụ đảm bảo tất cả các trưởng phòng đều duyệt trước khi các chuyến công tác được thực hiện, đây là yêu cầu của bất kỳ loại hình kinh doanh nào. TEM là quá trình tự động làm giảm việc kiểm tra hoàn thành và việc hoàn chỉnh các báo cáo chi phí công tác. Hệ thống dễ dàng cho việc tìm lại thông tin, bên cạnh đó là một công cụ theo dõi chi phí công tác hiệu quả và do đó nhận ra những khả năng có thể xảy ra một cách khách quan và kịp thời.

Các loại chi phí được sử dụng TEM

- Chi phí công tác: chi phí vé máy bay, khách sạn, thuê xe, các loại chi phí trong quá trình công tác …
- Chi phí giải trí: tiếp khách, các loại chi phí công tác khác

Khi có nhu cầu đi công tác, thường là nhân viên được yêu cầu từ trưởng phòng trực tiếp hoặc là vùng quản lý để đi công tác nếu như là đi để họp, thảo luận, học tập. Để ứng được tiền, nhân viên phải tạo yêu cầu công tác, có thể người đi công tác tự làm hoặc là thông qua nhân viên hỗ trợ công tác phí từng bộ phận, thường là như thế, người đi công tác cần phải điền vào mẫu yêu cầu công tác để từ đó để "nhân viên hỗ trợ công tác" tạo yêu cầu trong hệ thống, tại bước này thì có thể tạo, thay đổi, hoặc xóa yêu cầu công tác, tất cả đều được thông qua SAP. Yêu cầu công tác tự động chuyển tới trưởng phòng của nhân viên đó hoặc người có thẩm quyền duyệt loại chi phí này, hiện tại là trưởng phòng ban. Sau khi yêu cầu công tác được duyệt, nhân viên được ứng tiền cho chuyến công tác.

Sau khi đi công tác hoặc tiếp khách, tất cả các hóa đơn, phiếu chi liên quan đến chuyến công tác cần phải được liệt kê trong biểu mẫu chi phí công tác cùng với việc tính chi phí là công ty cần phải hoàn lại cho nhân viên đi công tác hoặc là nhân viên đi công tác phải hoàn lại khoản tiền tạm ứng còn thừa. Nếu như đi công tác về quá 1 tuần không nộp bảng kê chi phí thì sẽ được hệ thống nhắc nhở yêu cầu thanh toán. Khi chi phí được tạo trong TEM để thanh toán thì tất cả các chi phí hợp lệ sẽ được đưa vào chi phí công tác, với chi phí không hợp lệ thì nhân viên phải tự thanh toán và sau đó hoàn tất phần thanh toán chi phí công tác. Kế toán thanh toán có nhiệm vụ kiểm tra chi phí hợp lệ và không hợp lệ.

Hạch toán

Nếu nhân viên ứng tiền

- Quá trình ứng tiền: khi nhận được yêu cầu ứng tiền.

  NỢ tài khoản nhân viên

  CÓ tài khoản tiền

- Khi bảng kê chi phí được lập và được duyệt

  - Trường hợp tiền tạm ứng vừa đủ chi phí

    NỢ tài khoản chi phí

    CÓ tài khoản nhân viên

  - Trường hợp tiền tạm ứng ít hơn chi phí

    NỢ tài khoản chi phí

    CÓ tài khoản nhân viên

    CÓ tiền (khoản chi phí chênh lệch)

  - Trường hợp tiền tạm ứng nhiều hơn chi phí

NỢ tài khoản chi phí

NỢ tiền (khoản tiền còn dư nộp lại)

CÓ tài khoản nhân viên

Nếu nhân viên sử dụng thẻ tín dụng

- Sau khi chi phí được duyệt

NỢ chi phí

CÓ tài khoản ngân hàng

<u>Thanh toán chi phí hành chính qua hệ thống quản lý mua hàng SSP (Self Service Procurement)</u>

<u>Khái niệm SSP</u>

SSP là hệ thống SAP R/3 toàn cầu áp dụng cho việc mua hàng hóa dịch vụ mà loại hàng hóa dịch vụ này không thuộc về chi phí trực tiếp tạo ra doanh thu. Thực tế, SSP là module hỗ trợ cho SAP R/3, khi tạo đơn đặt hàng và phiếu nhận hàng trong SSP, hệ thống tự động kết nối với SAP R/3 để tạo thành chi phí.

<u>Mục tiêu của hệ thống:</u>

Hệ thống hỗ trợ cho việc mua hàng hóa dịch vụ cần thiết phục vụ cho công việc, tiết kiệm thời gian mua hàng, cho phép bộ phận mua hàng tập trung vào nguồn lực hơn là nhận diện những yêu cầu, cải tiến báo cáo chi phí hàng hóa dịch vụ ở mức độ trung tâm chi phí, từ đó có thể xác nhận rõ chi phí của từng phòng ban và báo cáo mua hàng tổng hợp (nhà cung cấp, loại hàng hóa),quá trình cụ thể cho phép người sử dụng chuyển từ phiếu mua hàng đến việc xem xét hóa đơn, nhân viên có thể xem chi tiết phiếu nhận hàng, và các phiếu thu của việc thực hiện

dịch vụ mua hàng. Cung cấp điều kiện sử dụng danh mục hàng hóa tổng hợp dành cho sử dụng trong tương lai. Yêu cầu duyệt trước khi xảy ra nghiệp vụ.

Các loại chi phí được sử dụng SSP

Vật liệu làm sạch, giấy và văn phòng phẩm, mặt hàng liên quan đến IT và in ấn, trang trí nội thất văn phòng, dao kéo và sành sứ, y tế, điện thoại, đồ ăn uống, thiết bị và áo quần cho việc an toàn lao động, thiết bị máy móc cho việc sửa chữa, thiết bị lưu trữ, mặt hàng sản phẩm tương tự như trên…

Cách tạo trong SSP

Qui trình mua hàng trong SSP

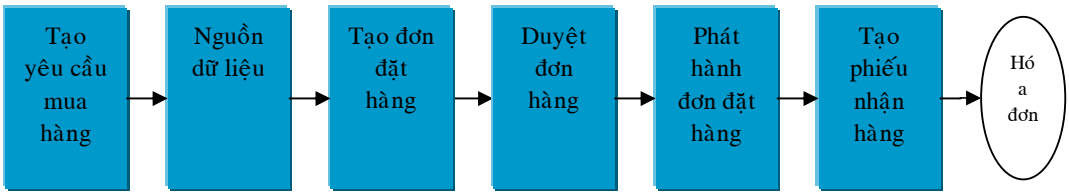

Khi nhận được yêu cầu mua hàng, người làm lệnh có thể chọn các nhà cung cấp với mặt hàng cần thiết trong cơ sở dữ liệu sẵn có, sau đó tạo đơn đặt hàng, đơn đặt hàng được chuyển tới cho cấp trên duyệt. Với đơn đặt hàng đã được duyệt, cùng phiếu nhận hàng sau khi hàng được giao, người mua hàng có thể nhận luôn hóa đơn để thanh toán cho nhà cung cấp.

SSP là một module phụ được kết nối với SAP, chính vì thế tất cả các bước tạo trong SSP điều được chuyển tải vào SAP đầy đủ để kế toán kiểm tra và thanh toán.

Hạch toán:

- Khi nhận hàng, bộ phận mua hàng tạo phiếu nhận hàng thì bút toán mới được ghi nhận :

NỢ chi phí

CÓ tài khoản tạm (phiếu nhận hàng)

- Sau khi xem xét hóa đơn, hạch toán tài khoản phải trả cho người bán

NỢ tài khoản tạm

CÓ phải trả người bán (chi tiết từng nhà cung cấp)

- Thanh toán cho khách hàng

NỢ phải trả người bán

CÓ tiền/ tiền gửi ngân hàng

Lý do để có tài khoản tạm: thật vậy, đây là một tài khoản để theo dõi những đơn đặt hàng đã có phiếu nhận hàng nhưng chưa có hóa đơn, và ngược lại, từ đó kiểm tra những đơn đặt hàng bất thường và yêu cầu người tạo phải giải quyết những trường hợp như thế.

Thanh toán cho loại chi phí hoạt động

Maersk VN có 2 loại hình kinh doanh: đại lý cho AP Moller vận tải hàng hóa , có nhiệm vụ thu hộ và chi hộ cho công ty mẹ không có doanh thu và chi phí hoạt động, chỉ có hoa hồng đại lý. Bên cạnh đó, chức năng Logistic là loại hoạt động tạo ra doanh thu tại Việt Nam. Vì lẽ đó, kế toán phải trả của 2 loại hình này hoàn toàn khác nhau, vì một loại đi thẳng vào chi phí của công ty, và loại khác thì là chi hộ.

Thanh toán cho Line

Với loại chi phí của Line thì có 2 dạng, một dạng được chuyển trực tiếp từ một hệ thống khác đó là METS+ hệ thống này dùng để cập nhật chi phí liên quan đến công tai nơ và cảng cho Maersk, chi phí được nhập vào METS+, sau khi được bộ

phận Hoạt động kiểm tra và duyệt thì sẽ tự động chạy vào SAP R/3 với số PO và GR tự động tạo. Bên cạnh đó, từ những yêu cầu của lệnh bán hàng, các chi phí như nâng hạ công tai nơ tại cảng, lưu kho bãi,…phù hợp với lệnh bán hàng đó sẽ được yêu cầu, bộ phận Hoạt động tạo PO và GR. Cả 2 loại này sau khi được xác nhận hóa đơn bộ phận thanh toán sẽ trả tiền cho nhà cung cấp.

Đây là nghiệp vụ chi hộ, mọi thanh toán đều được treo vào một tài khoản trên bảng cân đối kế toán sau đó cấn trừ với tài khoản thu hộ vì khoản chi hộ sẽ được thu lại và thu hộ sẽ phải trả lại cho công ty mẹ, khoản tiền còn lại sẽ được thanh toán chuyển về cho công ty mẹ vì khoảng thu hộ luôn luôn cao hơn khoảng chi hộ.

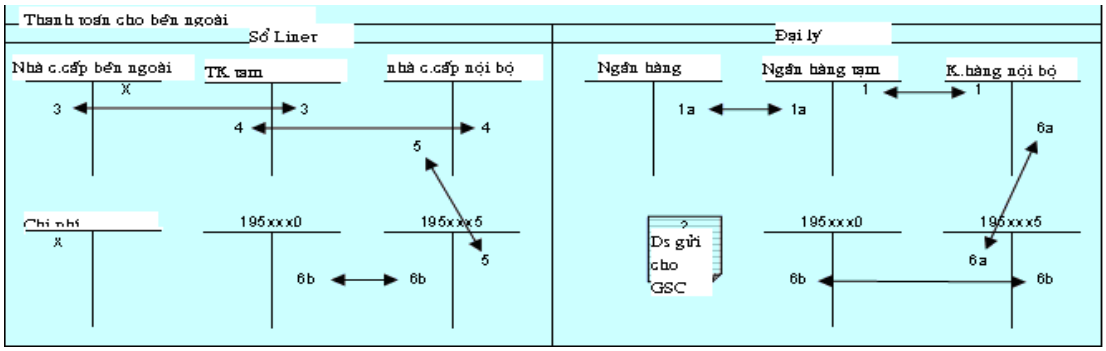

Qui trình đặt hàng, chi phí vận chuyển, kho bãi, …, tất cả các loại chi phí liên quan đến tàu bè đều được tạo đơn đặt hàng, qui trình tạo đơn đặt hàng tương tự như các loại thanh toán trên, tuy nhiên, kế toán phải hạch toán khác các nghiệp vụ trên vì ở đây kế toán phải hạch toán song song 2 sổ.

Khi thanh toán cho nhà cung cấp, trừ tiền ngân hàng, hạch toán vào sổ của khách hàng nội bộ, khách hàng ở đây được hiểu là Line, vì phải thu lại của Line. Tương tự như vậy bên sổ của Line, bút toán được hạch toán chi phí và nhà cung cấp nội bộ, ở đây được hiểu là đại lý. Để kết sổ khách hàng nội bộ thì chuyển phần tiền phải thu lại qua sổ của ngân hàng nội bộ phải thu từ Line. Tương ứng như vậy để

kết sổ của nhà cung cấp nội bộ trên sổ của Liner thì phần tiền được chuyển vào ngân hàng nội bộ phải trả cho đại lý.

Thanh toán cho hoạt động Logistics

Hoạt động trực tiếp tạo ra doanh thu ở Việt Nam của Maersk là Logistic, với hoạt động này, chi phí được hình thành thông qua quá trình mua hàng tạo đơn đặt hàng, phiếu nhận hàng, …, tương tự như các qui trình trên, ghi bộ phận Operation của Logistic nhận được lệnh bán hàng, họ sẽ tìm nguồn cung cấp các nhu cầu thiết yếu để hoàn thành lệnh bán hàng gồm các chi phí liên phí liên quan như vận tải, phí hải quan, phí làm chứng từ …, các chi phí này được tạo lệnh đặt hàng và chi phí được ghi nhận trực tiếp vào sổ của Maersk Việt Nam với hoạt động kinh doanh là Logistic ngay khi phiếu nhận hàng được tạo. Sau khi đã có hóa đơn và hóa đơn được xác nhận thì thanh toán được thực hiện cho nhà cung cấp.

Qui trình mua hàng và thanh toán của Maersk Logistic

MODS (Maersk operating data and Documentation System) và METS+ cũng tự động chuyển qua SAP khi dữ liệu được cập nhật và duyệt, tiếp theo đó tương tự các qui trình khác, đi từ bộ phận mua hàng đến thanh toán cho nhà cung cấp, và bất cứ bộ phận Hoạt động nào dù cho là của Logistic hay Line đều cần có dữ liệu mua hàng được cập nhật thường xuyên trong hệ thống.

Những hoạt động của Maersk Logistic bao gồm: vận chuyển bằng đường bay (Air Freight), Kho bãi và phân phối (Warehousing and Distribution), dịch vụ mặt đất (Land side service), Xuất nhập khẩu (Land side service), vận tải bằng đường biển (Ocean). Trong đó, xuất nhập khẩu, vận tải đường biển và một phần dịch vụ mặt đất sử dụng MODS để từ đó tự động chuyển vào hệ thống. Còn lại là tạo thủ công trong hệ thống.

Thanh toán thủ công (manual outgoing payment)

Bên cạnh tất cả các loại chi phí và qui trình thanh toán trong hệ thống SAP như trên, vẫn có một số chi phí không tạo đơn đặt hàng, ví dụ như chi phí điện thoại, điện nước, vì tất cả những chi phí đó phải thanh toán trước khi nhận được hóa đơn. Và một số hóa đơn không tạo đơn đặt hàng thì kế toán hạch toán thẳng chi phí và tài khoản phải trả người bán, từ đó trả tiền, không thông qua tài khoản tạm và tạo phiếu nhận hàng. Tuy nhiên, SAP không ủng hộ cách làm này bởi vì trưởng bộ phận không nắm được các chi phí của bộ phận mình nếu họ không duyệt đơn đặt hàng, các nghiệp vụ hạch toán không có đơn đặt hàng đều do phòng kế toán duyệt, chính vì thế, phương thức thanh toán này được hạn chế.

Loại thanh toán này chỉ áp dụng cho 2 loại:

Trả trước cho người bán

Trả trước cho người bán áp dụng khi nhà cung cấp yêu cầu công ty trả trước một phần.

Tài khoản trả trước cho người bán là tài khoản đặc biệt hiển thị phải trả và phải thu trên bảng cân đối kế toán. Phải trả hiển thị đây là tài khoản nhà cung cấp, phải thu là tài khoản trả trước cho người bán, nên bút toán này không liên quan đến việc ghi nhận chi phí trong kỳ.

Khoản trả trước được ghi nhận bên phần tài sản trên bảng cân đối kế toán.

Khi hàng hóa dịch vụ của giao dịch trả trước này được nhận, việc cần thiết tiếp theo là phải đóng giao dịch trả trước này bằng cách thủ công hoặc là dùng chương trình. Điều này giúp cho ngăn chặn việc trả 2 lần cho nhà cung cấp.

Quá trình duyệt phải trả cho người bán

Các yêu cầu trả trước sau khi được đánh dấu "khóa thanh toán" có nghĩa là thanh toán tự động qua trung tâm thanh toán được khóa, sau đó chương trình tự nhận biết để chuyển tới cho cấp có thẩm quyền duyệt thanh toán thông qua mã số thuế công ty, báo cáo và nhà cung cấp thuộc vào đất nước nào, có thể nhận biết rõ hơn thông qua sơ đồ sau.

Hạch toán:

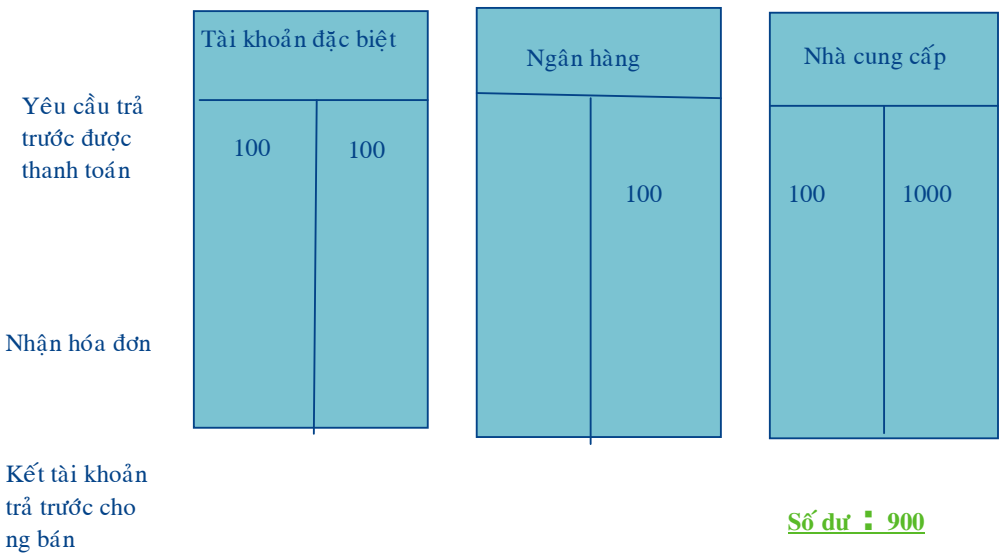

Kế toán phải trả cho những hóa đơn không có đơn đặt hàng, hạch toán trực tiếp vào chi phí:

Thanh toán thủ công do kế toán thực hiện là một chu trình đơn giản tuy nhiên nó là một phương pháp hỗ trợ cho việc thanh toán, nên chỉ dùng trong trường hợp ngoại lệ. Phương pháp này có thể thanh toán bằng tiền mặt hoặc séc và tiền gửi ngân hàng.

Sau khi kế toán hạch toán chi phí và phải trả người bán, trong hệ thống chưa ghi nhận chi phí, chỉ khi nào được duyệt thì mới chuyển qua chi phí và phải trả người

bán. Thông thường, các trưởng phòng của bộ phận kế toán duyệt bút toán này. Đây là hạn chế của việc thanh toán thủ công không qua đơn đặt hàng, nên phương pháp này bị hạn chế tối đa.

b. Chu trình phải thu khách hàng

Khái niệm

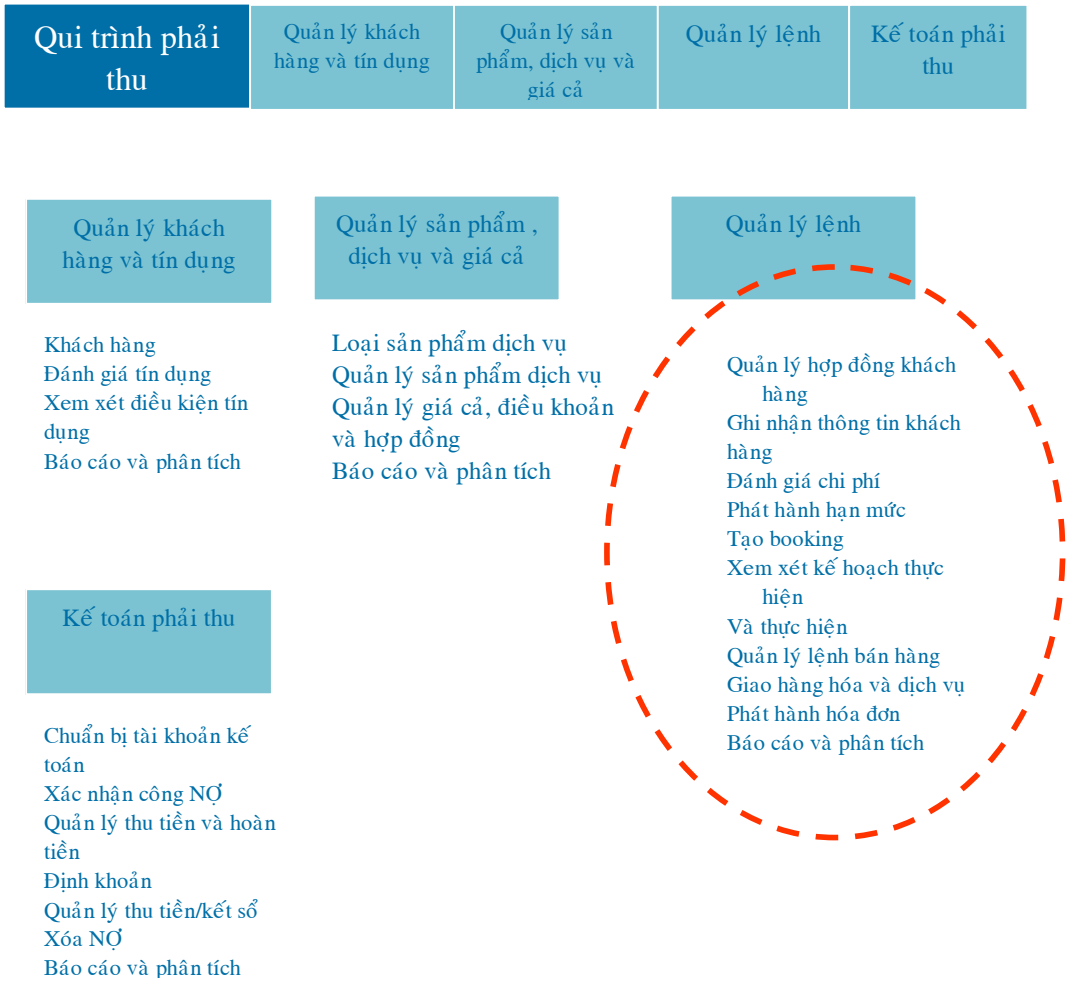

Hình trên thể hiện toàn bộ một qui trình phải thu trong công ty Maersk Việt Nam, công việc quản lý khách hàng và tín dụng; quản lý sản phẩm dịch vụ và giá cả do bộ phận kinh doanh đảm nhận, phần lệnh đặt hàng thì do bộ phận dịch vụ khách

hàng phục vụ, giai đoạn cuối cùng là kế toán phải thu đảm nhận nhiệm vụ theo dõi và đòi nợ khách hàng.

Đây là qui trình kế toán phải thu khách hàng, đi từ bộ phận bán hàng, lệnh đặt hàng được tạo, dịch vụ được hoàn tất thì billing được tạo trong hệ thống, khi tạo billing tương ứng hóa đơn được xuất cho khách hàng, với những khách hàng không đóng tiền tại quầy thì phải có hạn tín dụng cho các loại khách hàng đó. Với khách hàng có hạn mức tín dụng thì bộ phận kế toán phải thu có nhiệm vụ phải thu khách hàng sao cho trước hạn mức tín dụng họ được cấp. Khi billing được tạo, hệ thống tự động cập nhật nợ phải thu cho các tài khoản chi tiết, kế toán phải thu có trách nhiệm yêu cầu các bộ phận liên quan, cụ thể là bộ phận bán hàng yêu cầu khách hàng trả tiền. Có 2 trường hợp xảy ra: hoặc là giao dịch bị hủy thì cần phải hủy billing và hủy hóa đơn, hoặc là đòi được tiền để kết khoản phải thu khách hàng.

Tất cả các khách hàng đều được nhập thông tin đầy đủ vào dữ liệu khách hàng(customer master data) bao gồm tên khách hàng, địa chỉ liên hệ, hạn thanh toán… Thông tin trong dữ liệu khách hàng được mặc định trong chứng từ bán hàng, dịch vụ và kế toán, những bộ phận có liên quan. Những thông tin được tạo trong dữ liệu khách hàng sẽ được cập nhật thường xuyên cho phù hợp với nhu cầu của qui trình bán hàng.

Quản lý tín dụng

Việc quản lý tín dụng được theo dõi chặt chẽ, tất cả các hạn mức tín dụng của khách hàng được Giám đốc tài chính duyệt, và đó cũng là một trong những mục tiêu của Giám đốc tài chính. Mỗi tuần trưởng phòng kế toán phải thu có trách nhiệm báo cáo tình hình thu nợ khách hàng thông qua DSO (days sales

outstanding), DSO hằng năm được tập đoàn ra số liệu kế hoạch cho toàn bộ các quốc gia, và theo đó các nước phải thực hiện đạt kế hoạch đã đề ra.

Phân loại kế toán phải thu

Vì tính chất hoạt động của Maersk Việt Nam nên kế toán phải thu được chia làm 2 mảng:

Hoạt động đại lý – thu hộ cho Line

Doanh thu không phải của Maersk Việt Nam, tiền thu được phải trả về Liner.

Bộ phận kinh doanh cập nhật giá cả và hạn mức trong MARS (Maersk Automatical Rating System), dựa vào đó khách hàng có thể đến bộ phận dịch vụ khách hàng đặt chỗ cho việc vận chuyển của mình, các booking được cập nhật trong GCSS (Global Customer Service System), đồng thời các booking được tính toán xem xét để chuyển vào SAP sau khi trừ số tiền được giảm, tạo lệnh bán hàng với số tiền đã giảm, phát hành hóa đơn ghi nợ và ghi có vào sổ kế toán.

Mối tương quan giữa GCSS và SAP: vì đây là hệ thống chuyển dữ liệu trực tiếp vào SAP nên mỗi bước trên GCSS sẽ được tương ứng với một bước trong SAP.

Khi hóa đơn được tạo thì khoản phải thu khách hàng và kế toán phải thu có nhiệm vụ theo dõi và thu nợ khách hàng.

Toàn bộ số tiền thu được chuyển vào tài khoản phải trả cho Line thông qua hệ thống ngân hàng nội bộ (IHB), tương tự như phải trả hộ thì Maersk sẽ được thu lại từ Line, đây là khoảng thu hộ nên phải trả cho Line.

Khoản thu hộ và phải trả hộ được cấn trừ trong IHB, số tiền còn lại sẽ được chuyển trả về công ty mẹ.

Kế toán phải thu phức tạp do đa hệ thống, và các hệ thống được nối kết với nhau một cách chặt chẽ phần nào cũng giúp cho kế toán kiểm soát tốt công nợ.

Hạch toán

Khi khách hàng trả tiền ghi nhận tài khoản ngân hàng đồng thời phải trả nội bộ là Line trên sổ của đại lý, để kết số dư trên tài khoản nhà cung cấp nội bộ thì phải chuyển số dư về ngân hàng nội bộ là số phải trả cho Line. Đồng thời trên sổ của Line ghi nhận số tiền phải thu từ đại lý và cũng hạch toán vào ngân hàng nội bộ chờ thu lại của đại lý. Qui trình này ngược lại với qui trình trả hộ cho nhà cung cấp vì đây là nghiệp vụ thu hộ của đại lý.

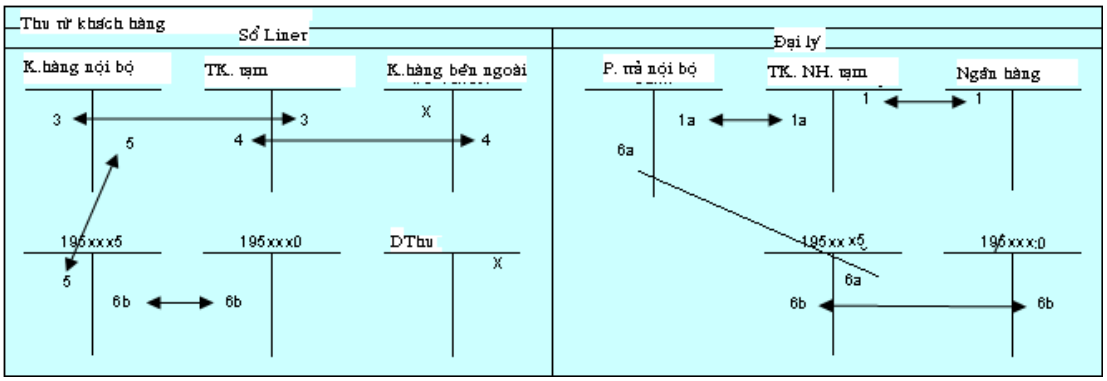

Hoạt động của Logistics

Doanh thu được ghi nhận là của Maersk Việt Nam, toàn bộ hoạt động bán hàng của Logistic đều phải có lệnh bán hàng, khi khách hàng cần cung cấp dịch vụ, bộ phận Operation của Logistic tạo lệnh bán hàng trong hệ thống, sau khi lệnh bán hàng được kiểm tra thì hóa đơn được xuất cho người mua và ghi nhận doanh thu.

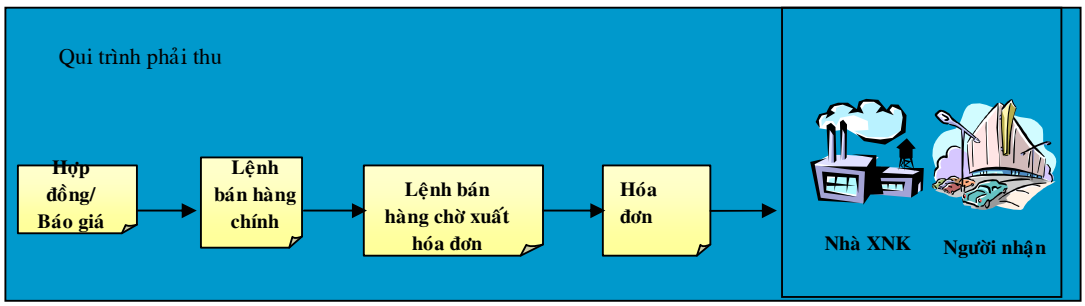

Hợp đồng/ báo giá trong SAP không phải là chứng từ pháp lý giữa người mua và người bán mà chỉ là diễn giải sự thỏa thuận giữa khách hàng và Maersk Logistic.

Lệnh bán hàng chính (MSO – Master Sales Order) là sự liên kết giữa dữ liệu của hoạt động và những thỏa thuận xác định rõ của khách hàng (vd: hợp đồng/ báo giá). Nó được dùng như là cơ sở cho sự phân bổ chi phí và việc mua hàng. Tuy nhiên nó không là cơ sở để ra hóa đơn vì nó được tạo ra đầu tiên sau khi có thỏa thuận hợp đồng trên SAP. Đó là lý do vì sao có thêm lệnh bán hàng chờ ra hóa đơn.

Lệnh bán hàng chờ ra hóa đơn (DSO – Document Sales Order) là cơ sở để ra hóa đơn. Nó được tạo sau MSO khi vận đơn được phát hành và số lượng đã được biết chính xác.

Hóa đơn: sau khi DSO được tạo, để xuất hóa đơn cần phải tạo bill trong hệ thống SAP, và bill được in ra hóa đơn xuất cho khách hàng, một khi DSO được tạo bill thì doanh thu được ghi nhận.

Hach toán:

Ngay sau khi doanh thu được ghi nhận tương ứng khoản phải thu khách hàng cũng được ghi nhận trong tài khoản khách hàng. Khi nhận được tiền từ khách hàng thì kế toán có nhiệm vụ kết toán tài khoản khách hàng. Với những khách hàng nợ dài hạn, kế toán có nhiệm vụ theo dõi và mỗi tuần báo cáo tình hình công nợ cho trưởng phòng để tích cực đòi nợ khách hàng. Tuy nhiên, chỉ có những khách hàng được cấp tín dụng mới có số dư cần phải thu trên tài khoản khách hàng và cần phải đòi nợ. Với những khách hàng thu tiền mặt, hằng ngày kế toán phải thu dựa vào danh sách đóng tiền từ thu ngân tại quầy gửi lên để clear công nợ khách hàng.

Nghiệp vụ thu tiền, kết tài khoản khách hàng

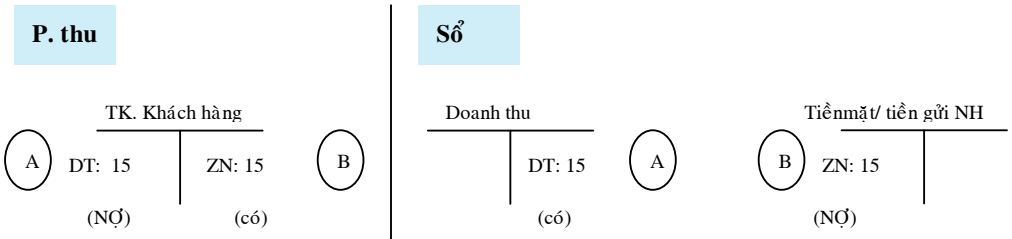

Nghiệp vụ xóa nợ do không đòi được khách hàng.

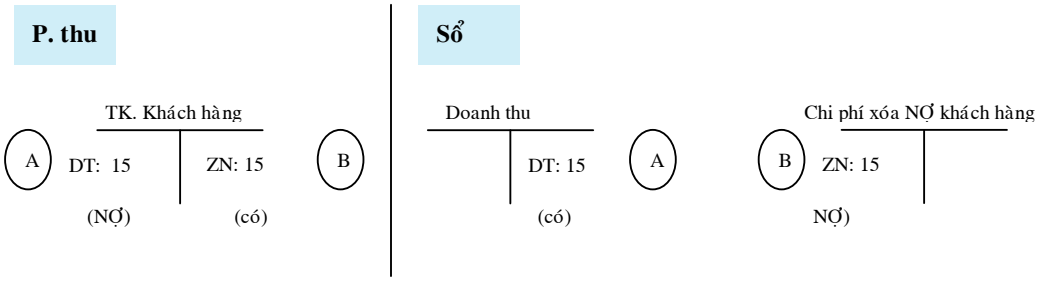

Nghiệp vụ hoàn tiền thanh toán thừa hoặc tiền cọc của khách hàng

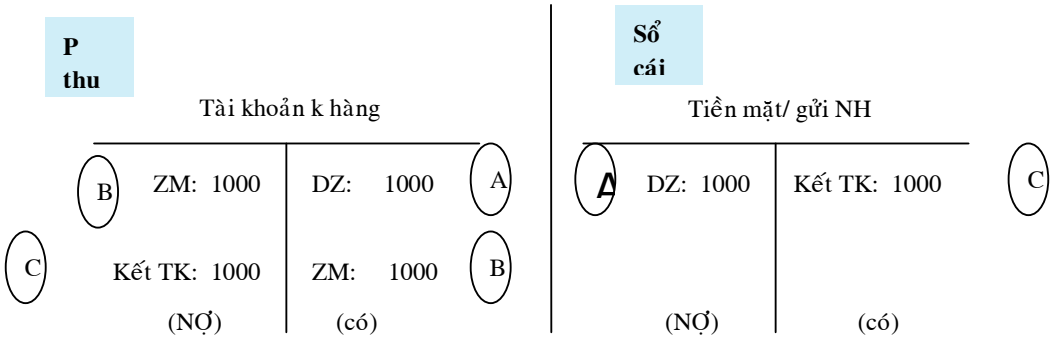

Ví dụ ở đây A là khoản trả thừa của khách hàng, B là hoàn tiền cho khách hàng và C là kết tài khoản khách hàng với khoản trả thừa.

c. Hệ thống thông tin kế toán tổng hợp

Hệ thống thông tin kế toán tổng hợp bao gồm: hạch toán tài khoản kế toán tổng hợp để chỉnh sửa các nghiệp vụ trong kỳ, quản lý việc tính trước chi phí và doanh thu cho những chi phí doanh thu đã xảy ra trong kỳ nhưng chưa vào sổ sách kế

toán, quản lý sổ tiền chi vặt, quản lý nội bộ, tính chi phí sang các công ty trong nội bộ tập đoàn, kế toán tài sản cố định.

Hạch toán tài khoản tổng hợp để chỉnh sửa các nghiệp vụ trong kỳ.

Sau khi qua phần phải trả và phải thu, kế toán tổng hợp có nhiệm vụ hợp nhất số liệu dựa vào các báo cáo kế toán trong SAP. Trong khi kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, chỉnh sửa cho hợp lý về khoản chi phí và doanh thu, cũng như kiểm tra tính chất đúng của các nghiệp vụ. SAP hỗ trợ cho người làm kế toán tổng hợp một nghiệp vụ có thể hạch toán trực tiếp từ tài khoản này qua tài khoản khác, nhưng chỉnh sửa ở mức độ tài khoản tổng hợp. Nghiệp vụ kế toán tổng hợp đơn giản được hiểu là chuyển từ tài khoản này qua tài khoản khác. Với loại nghiệp vụ này là nghiệp vụ kiểm soát cho nên chỉ có người làm kế toán tổng hợp mới có quyền được sử dụng loại nghiệp vụ này, và vì nghiệp vụ này không qua sự kiểm tra của các cấp cao nên cũng hạn chế người sử dụng nó.

Quản lý việc tính trước chi phí và doanh thu đã phát sinh nhưng chưa ghi nhận và phân bổ chi phí trong kỳ.

Mỗi cuối tháng, kế toán tổng hợp có nhiệm vụ tính trước chi phí và doanh thu chưa thực hiện, tuy nhiên chi phí hoạt động và doanh thu thì bộ phận kế toán tổng hợp yêu cầu bộ phận Operation chuyển số liệu, dựa vào đó kế toán tổng hợp mới tính trước chi phí và doanh thu cho hợp lý. SAP hỗ trợ các nghiệp vụ tính trước bằng cách tự động đảo lại bút toán vào đầu tháng sau, có nghĩa là khi hạch toán nghiệp vụ này, kế toán phải chọn ngày để bút toán được đảo lại vào đầu tháng sau. Và việc tính trước chi phí doanh thu là số liệu dồn tích vì báo cáo của tập đoàn là báo cáo dồn tích. Bên cạnh đó, với các chi phí nhiều kỳ thì hệ thống tự động phân bổ theo yêu cầu của kế toán với bút toán đặc biệt đươc phần mềm hỗ trợ, mỗi tháng nghiệp vụ tự động này tự phân bổ chi phí.

Quản lý sổ tiền chi vặt (petty cash)

Các nghiệp vụ liên quan đến tiền chi vặt đều được sử dụng bút toán chuyên dùng cho việc chi tiền mặt, bút toán này được kế toán tiền mặt sử dụng nhưng được kế toán tổng hợp kiểm tra quản lý vì tính chất của tiền mặt. Sổ tiền mặt lúc nào cũng phải được đối chiếu với tài khoản tiền mặt vào bất cứ lúc nào và bắt buộc phải khớp nhau.

Quản lý nội bộ (IO - internal order)

Có thể hiểu đây giống như một mật mã cho một nhân viên hay một con số để chi tiết hóa nghiệp vụ ,dễ dàng hơn cho việc kiểm soát chi phí và doanh thu. Ví dụ, tất cả các người nước ngoài làm việc tại Việt Nam đều có một IO cho họ, tất cả các nhân viên kinh doanh đều được tạo IO để khi cần có thể kiểm tra chi phí của từng người sử dụng bao nhiêu trong kỳ. Và người tạo IO là kế toán tổng hợp.

Tính chi phí cho các công ty khác trong tập đoàn (recharge expense)

Vì là công ty đa quốc gia nên có những cuộc đi lại giữa các quốc gia của các nhân viên cao cấp hội họp hoặc huấn luyện, có thể chi phí phát sinh tại nước này vào được công ty tại đó trả hộ, tuy nhiên sau đó công ty sẽ tính lại cho nước mà nhân viên đó làm việc gọi là "tính lại", các khoản "tính lại" sẽ hình thành công nợ nội bộ giữa các công ty trong tập đoàn, kế toán tổng hợp có nhiệm vụ kiểm tra các khoản tính lại để báo cáo công nợ nội bộ khi lên bảng cân đối kế toán. Để quản lý các khoản chi phí "tính lại", kế toán tạo trung tâm chi phí "tính lại", tất cả các chi phí "tính lại" được hạch toán vào trung tâm chi phí này, và trung tâm chi phí này không được tính vào báo cáo kết quả kinh doanh nhưng nó được chuyển sang tài khoản trên bảng cân đối kế toán chờ kết toán vào mỗi cuối kỳ. Khi nhận được thanh toán từ các nước, kế toán sẽ kết toán tài khoản trên bảng cân đối kế toán.

Tài sản cố định

Trong phần kế toán tổng hợp bao gồm cả phần tài sản cố định, toàn bộ hạch toán về tài sản cố định đều được sử dụng bằng những bút toán đặc biệt, thông qua sự đồng ý của trưởng bộ phận có muốn đưa tài sản đó vào tài sản cố định hay không.

Tài sản cố định được chia thành nhiều loại, mỗi loại có nhiều tài sản cố định, mỗi loại tài sản tương ứng với một tài khoản nguyên giá và tài khoản khấu hao trên bảng cân đối kế toán cũng như tài khoản chi phí khấu hao trong báo cáo kết quả kinh doanh.

Tài sản giá trị thấp là loại tài sản có giá trị trên mười triệu đồng đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định theo luật Việt Nam nhưng dưới 2500 USD không được ghi nhận tài sản cố định theo qui định của tập đoàn thì được đưa vào tài sản giá trị thấp.

Khi hạch toán một tài sản, tất cả các thông tin liên quan đến tài sản đều được điền đầy đủ để từ đó tài sản được xác định giá trị thích hợp vào đúng tài khoản trên báo cáo.

Tất cả các nghiệp vụ mua bán trong SAP đều yêu cầu làm lệnh mua hàng để đến qui trình thanh toán, tuy nhiên sau khi thanh toán, tài sản cố định được vốn hóa và theo dõi khấu hao hằng tháng, và cuối cùng là tài sản sử dụng hết được bán cho nhân viên hoặc bán cho bên ngoài thì bộ phận kế toán phải thu có nhiệm vụ thu tiền.

Khấu hao tài sản cố định: tùy vào từng loại tài sản mà có một mức khấu hao riêng được qui định bởi tập đoàn trên toàn cầu. Khi cập nhật loại tài sản thì số năm khấu năm tự động được cập nhật và chia đều cho từng tháng. Mỗi tháng bút toán chạy khấu hao được GCS chạy cho toàn bộ các nước, kế toán cần phải kiểm

tra xem xét khấu hao đúng hay chưa nhưng đa phần là chính xác nếu như loại tài sản được phân loại đúng.

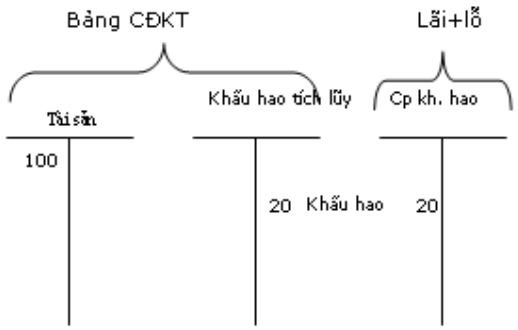

Thanh lý, bán tài sản cũng theo nguyên tắc như chuẩn mực kế toán Việt Nam, phần thu được cấn trừ với giá trị còn lại để xác định lời lỗ nghiệp vụ mua bán tài sản cố định.

Tất cả các dữ liệu trong hệ thống thông tin kế toán tài chính làm cơ sở cho việc ra các báo cáo tài chính.

1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
2. Bảng cân đối kế toán

2.2.2 Hệ thống thông tin kế toán quản trị

Hệ thống kế toán quản trị của Maersk Việt Nam là một qui trình dựa trên thông tin kế toán tài chính được hạch toán và xử lý thông tin trên SAP, tất cả các thông tin kế toán phải thu, phải trả, kế toán tổng hợp được thể hiện trên SAP. Từ SAP, dữ liệu được đổ qua Business Warehouse (BW) với số liệu thực tế, và số liệu kế hoạch được xử lý trong BPS (Business Planning Simulation), số liệu thực tế và kế hoạch được tổng hợp trên BCS (Business Consolidation System) và chuyển vào HFM (Hyperion Financial Management). HFM là hệ thống cuối cùng kế toán quản trị phải hoàn thành.

Để có được số liệu chạy vào BW hợp lý để chuẩn bị cho báo cáo, SAP phải được hạch toán chính xác. Thông tin từ GCSS và MODS giúp cho việc tạo PO và SO trong MM, MM thuộc về bộ phận Hoạt động, qui trình tiếp nối qua hệ thống thông tin kế toán tài chính với kế toán phải thu, phải trả cho việc tổng hợp của kế toán tổng hợp. Chi phí và doanh thu được tạo trong PO và SO được kiểm soát thông qua trung tâm chi phí CC và trung tâm lợi nhuận PC. Kế toán quản trị có nhiệm vụ kiểm soát, phân tích chi phí CCA và lợi nhuận PCA và tập trung vào PA. Số liệu từ CC và PC sẽ được chuyển vào BW cho ban quản trị kiểm tra nếu họ có yêu cầu.

a. Trung tâm chi phí và trung tâm lợi nhuận

Nhiệm vụ của kế toán quản trị là phải kiểm soát được chi phí và lợi nhuận, nên khi thiết lập SAP, việc cần thiết là phải tạo CC và PC cho toàn bộ các bộ phận, chi phí và lợi nhuận các bộ phận được hạch toán vào CC và PC của bộ phận đó. Mỗi một PC có thể có nhiều CC nhưng một CC chỉ là con của một PC. Các bộ phận phục vụ không trực tiếp tạo ra lợi nhuận ví dụ như tài chính, nhân sự, ban quản trị, IT và hành chánh, mỗi bộ phận có một trung tâm chi phí, CC của các bộ phận này gọi là CC chức năng, nên các CC này cuối kỳ sẽ được phân bổ cho các CC trực tiếp tạo ra doanh thu. Tùy vào mức độ kiểm soát của nhà quản lý mà CC được tạo ra nhiều hay ít để phục vụ cho nhu cầu kiểm soát, mỗi trưởng bộ phận có nhiệm vụ kiểm tra chi phí của bộ phận mình. Đó cũng là lý do để kế toán quản trị gửi báo cáo chi phí cho các bộ phận vào mỗi tháng với dữ liệu tổng hợp từ BW. Với bộ phận hoạt động, chi phí và doanh thu của lô hàng hoặc dịch vụ sẽ được xác định ngay trên trung tâm lợi nhuận của loại hình hoạt động đó, chi phí và lợi nhuận của bộ phận tạo ra doanh thu được thiết lập với CC và PC trực tiếp, nghĩa là nhận phân bổ chi phí từ các bộ phận chức năng cộng với chi phí của hoạt động tại bộ phận, từ đó suy ra được lợi nhuận của bộ phận hoạt động.

Tỉ lệ phân bổ được xác định dựa trên thời gian trung bình mỗi một nhân viên phục vụ cho các bộ phận trực tiếp, tỉ lệ phân bổ được Giám đốc tài chính duyệt vì nó ảnh hưởng đến tính hợp lý của lợi nhuận được tạo ra của từng bộ phận.

b. BW (Business Warehouse): kho dữ liệu

Tất cả các dữ liệu trong SAP được đổ vào BW ngày 2 lần, BW là nơi chứa dữ liệu từ SAP và hỗ trợ báo cáo cho việc quản lý. Tùy vào từng bộ phận, BW phục vụ cho các mục tiêu khác nhau. Tất cả các báo cáo trong BW được kết nối với những phần hành cụ thể trong quy trình như là qui trình mua, qui trình bán, trung tâm lợi nhuận, trung tâm chi phí và những cái khác…

BW hỗ trợ nhiều trong các báo cáo tự chọn cho từng qui trình, với nhiều trường chọn lựa như mong muốn, điều này có lợi cho việc phân tích số liệu.

Về cấu trúc, BW là một excel cao cấp với nhiều điều kiện chọn lọc. Ví dụ báo cáo lãi lỗ được chọn theo hoạt động kinh doanh.

Tùy vào mục tiêu mà người sử dụng có thể chọn lựa và có thể lưu lại dưới dạng excel.

c. BPS (Business Planning Simulation) : hoạch định số liệu kế hoạch

Với SAP là số liệu thực tế theo từng CC và PC, để có một báo cáo hoàn chỉnh và có thể so sánh được, số liệu kế hoạch đáp ứng được điều đó và được nhập trong BPS. Các số liệu kế hoạch như dự toán ngân sách hằng năm và các số liệu ước tính hằng quí đều được cập nhật vào BPS, số liệu trong BPS sẽ được chuyển qua BW. Tại BW, SAP sẽ chuyển qua số thực tế và BPS sẽ chuyển qua với số liệu ước tính.

Cấu trúc BPS: BPS là một chương trình phụ giống như SAP chuyên dụng để nhập số liệu kế hoạch.

Các dự toán doanh thu và chi phí hoạt động được nhập số liệu theo từng trung tâm chi phí và trung tâm lợi nhuận, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh sẽ được kiểm tra với các trưởng bộ phận kinh doanh của từng hoạt động kinh doanh. Chi phí cố định cũng được nhập vào BPS. Dựa vào tỉ lệ phân bổ như trên SAP, chi phí tại các trung tâm chi phí chức năng cũng được phân bổ như trên SAP, từ đó ra báo cáo tài chính kế hoạch.

d. BCS (Business Consolidation System): hệ thống hợp nhất

Việc tổng hợp số liệu thực tế và số liệu kế hoạch được chuyển sang một hệ thống khác gọi là BCS. BCS là bước chuyển tiếp để số liệu được đổ qua HFM tự động mà không cần nhập thủ công.

Lý do sử dụng BCS là vì đây là chương trình phụ hỗ trợ cho việc sửa đổi và kết nối với các tài khoản trên hệ thống của HFM, chính vì thế, trước khi chuyển số liệu lên HFM, người sử dụng cần phải kéo báo cáo tổng hợp và cần thiết trong BCS.

e. HFM (Hyperion Financial Management): quản trị tài chính cấp cao

Sau khi đã qua các chương trình phụ hỗ trợ cho hệ thống kế toán quản trị, sản phẩm cuối cùng của hệ thống kế toán quản trị là báo cáo trên HFM.

Khái niệm

HFM là hệ thống chủ yếu được dùng cho báo cáo quản trị của tập đoàn AP Moller. Nó là công cụ giúp cho hợp nhất báo cáo của tập đoàn, riêng ở cấp độ công ty con thì cần phải cập nhật số liệu và có thể kéo các báo cáo theo yêu cầu của nhà quản lý.

Mục đích

Mỗi quốc gia sử dụng phần mềm kế toán khác nhau, SAP chưa được sử dụng cho toàn bộ các quốc gia trên thế giới. Tại các quốc gia, tài khoản đượcc cập nhật dưới góc độ chi tiết và được thiết lập dựa trên tiêu chí chuẩn mực của từng quốc gia. Vì lẽ đó, tập đoàn cần số liệu ở mức độ tổng quát theo cách thiết lập các thông tin mà công ty mẹ cần quản lý, HFM được sử dụng cho mục đích này, tất cả các quốc gia cập nhật như nhau về tài khoản, dễ dàng cho việc kiểm soát của công ty mẹ và sự hợp nhất báo cáo tài chính của tập đoàn.

Đặc điểm của HFM

- Thông tin tài chính tổng hợp với các điểm chủ yếu ở mức độ toàn cầu chạy trên nền web.
- So sánh đối chiếu số liệu công nợ nội bộ của các công ty trong tập đoàn và hợp nhất dữ liệu cho các hoạt động kinh doanh.
- Cung cấp thông tin phân tích dữ liệu ở các cấp độ khác nhau.
- Báo cáo quản trị linh hoạt so sánh số liệu thực tế và số liệu kế hoạch.
- Cho phép tạo nhiều báo cáo theo yêu cầu quản lý nội bộ cụng như cho bên ngoài.
- Đặc điểm chủ yếu của HFM là hợp nhất báo cáo tài chính.

Qui trình báo cáo trong HFM

SAP bao gồm hệ thống tài khoản chi tiết đến từng loại chi phí giúp cho kế toán dễ dàng chọn tài khoản hợp lý. Tuy nhiên, ở mức độ kiểm soát báo cáo của tập đoàn, vấn đề quan tâm ở khía cạnh nhà quản trị theo từng loại chi phí, một tài khoản trong HFM tương ứng với nhiều tài khoản trong SAP. Và qui tắc nhóm các

tài khoản SAP thành một tài khoản trên HFM được hướng dẫn từ tập đoàn và cứ thế các công ty tại các quốc gia tuân theo nguyên tắc đó.

Tập đoàn được chia thành nhiều nhánh với các hình thức kinh doanh, mỗi nhánh tương ứng với một con số trên HFM, mỗi nhánh có nhiều công ty, mỗi một công ty được mã hóa với một số, và mỗi hoạt động kinh doanh trong công ty cũng tương ứng với một mã số trên HFM.

Mỗi công ty nằm trong một nhánh nhỏ, cấu trúc này có ích cho việc hợp nhất báo cáo ở các cấp bậc khác nhau. Tại Việt Nam, Maersk nằm trong hai nhánh 1 và 5, là do hoạt động đại lý và hoạt động Logistic.

Ở mức độ quốc gia, các nước chỉ báo cáo số liệu trên HFM các loại báo cáo tài chính đảm bảo sao cho không có sự sai biệt về báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Và công nợ giữa các nước cũng được báo cáo lên HFM ở gốc độ có thể so sánh được, được kiểm soát thông qua mã số của tưng quốc gia trên HFM và tài khoản công nợ phải thu phải trả với các nước trong tập đoàn.

Ở gốc độ tập đoàn, HFM như là công cụ cho việc hợp nhất báo cáo tài chính bởi vì tập đoàn có thể xem xét trên mức độ tổng thể nhất. Tùy vào vốn chủ sở hữu của tập đoàn tại các công ty mà có các cách hợp nhất khác nhau.

2.3 Một số nhận xét và đánh giá về hệ thống thông tin kế toán tại Maersk Việt Nam

2.3.1 Nhận xét về phần mềm

Phần mềm sử dụng FACT, HFM

Ưu điểm:

Xử lý tập trung: tất cả các số liệu tại chi nhánh đều được tập trung về trụ sở chính thành phố Hồ Chí Minh để tổng hợp ra báo cáo, tuy nhiên việc tập trung số liệu là nhờ phần mềm kết nối online nên dù bất cứ đâu cũng có thể thấy được

toàn bộ số liệu kết quả của sổ sách kế toán tùy vào mức độ phân quyền của từng người sử dụng. Vào cuối tháng, bộ phận báo cáo sẽ tổng hợp số liệu để ra các báo cáo kế toán dù cho bút toán được thực hiện tại đâu.

Giảm công việc thủ công: đây là ưu điểm phổ biến nhất của việc sử dụng phần mềm vì đa phần các phần mềm đều được thiết kế. Với SAP, mức độ tự động hóa càng được nâng cao cụ thể là tất cả các đơn đặt hàng, phiếu nhận hàng, lệnh bán hàng, ngay cả việc ký duyệt cũng được sử dụng trên phần mềm, vì điều đó giúp cho giảm được tối đa các công việc thủ công cho kế toán viên.

Xem và kiểm tra báo cáo nhanh: hệ thống dữ liệu khổng lồ, với các kiểu báo cáo được thiết kế trực tiếp theo yêu cầu và có nhiều field để lựa chọn, nên người sử dụng dễ dàng kéo báo cáo theo ý muốn. Một phần các báo cáo được dùng trên phần mềm FACT, các dữ liệu của FACT được đổ vào BW, tại đây, có thể nói tùy từng bộ phận và mục tiêu người sử dụng mà có các dạng báo cáo phù hợp cho các mục đích khác nhau.

Tra cứu dữ liệu quá khứ dễ dàng: vì phần mềm với sự thiết kế chi tiết với nhiều mức độ khác nhau và nhiều tiêu chí lựa chọn về mặt thời gian, tại thời điểm và khoảng thời gian cho phép người sử dụng có thể tìm lại các dữ liệu trong quá khứ với ngày tháng cụ thể.

Quy trình được chuẩn hóa, dễ dàng trong việc chuyển giao và hướng dẫn sử dụng: trước khi sử dụng, mỗi người đều được thực hành qua các chương trình chạy thử gọi là pre production, chương trình này giống như 1 chương trình thực sự tuy nhiên nó chỉ là bản mô phỏng để cho mọi người sử dụng thử, sau đó mới vào production là chương trình thực sự kế toán viên làm việc với số liệu và báo cáo.

Cơ sở dữ liệu khổng lồ, tra cứu dễ dàng, lưu trữ dữ liệu rõ ràng hỗ trợ tốt cho công tác kiểm tra kiểm soát, qui trình bảo mật và dữ liệu được chuẩn hóa và

kiểm soát chặt chẽ .Xử lý dữ liệu tập trung tại trung tâm, dễ dàng kiểm tra báo cáo hợp nhất giữa công ty mẹ và công ty con.

Khuyết điểm: bên cạnh các ưu điểm trên thì phần mềm cũng có một số khuyết điểm như là chi phí quá lớn,hơi phức tạp vì nhiều báo cáo và nhiều chọn lựa nên nếu như chưa được hướng dẫn rõ ràng cụ thể thì rất khó cho người mới vào sử dụng phần mềm,tất cả các bút toán đều được mã hóa bằng các code khác nhau nên đôi khi phải dùng một thời gian hoặc phải nhớ các mã đó thì mới có thể làm việc với phần mềm, giao diện phức tạp và quá nhiều phần mềm hỗ trợ làm cho nhân viên khó thích ứng kịp thời. Vì xử lý tập trung nên bỏ qua lợi thế cạnh tranh địa phương, vì đây là phần mềm sử dụng toàn cầu và thiết kế giống nhau cho tất cả các quốc gia, do đó đôi khi có nhiều chi tiết bất cập do không phù hợp với chính sách kế toán hoặc chuẩn mực kế toán tại từng quốc gia nhất là về phần thuế, đó là phần rắc rối nhất vì mỗi quốc gia có một chính sách thuế khác nhau và cách tính thuế cũng khác nhau.

Khó khăn trong việc triển khai và sử dụng vì hệ thống lớn, nhiều chức năng, nhìn chung không phải đây là vấn đề khó khăn lớn, tuy nhiên rất cần nhiều thời gian cho việc triển khai phần mềm ở từng quốc gia, cần đào tạo nhân viên, cử các chuyên gia đi đào tạo cho các quốc gia, các quốc gia cử người đi học tại các nước đã sử dụng phần mềm, và sau khi đưa vào sử dụng thì vẫn có các trung tâm trợ giúp các quốc gia bằng cách khi gửi mail hay yêu cầu để thực hiện theo yêu cầu của từng nước. Bởi vì, ai cũng biết là FACT là cả một kế hoạch dài hạn của tập đoàn nên dù có khó khăn thì mọi người vẫn cũng nhau cố gắng.

Yêu cầu cao trong việc phối hợp công việc giữa các bộ phận khác nhau trong một qui trình.

2.3.2. Nhận xét hệ thống thông tin kế toán

Kế toán phải trả

Thanh toán chậm: nguyên nhân của việc thanh toán chậm là do tất cả các giao dịch thanh toán qua ngân hàng đều được thanh toán thông qua trung tâm dịch vụ toàn cầu GSC (Global Service Center), sau khi lệnh đặt hàng, phiếu nhận hàng và hóa đơn đầy đủ thì GSC sẽ thực hiện công tác chuyển tiền, nên đôi khi không có sự hiểu rõ nghiệp vụ hoặc hiểu sai bản chất của nghiệp vụ gây ra sự đình trệ cho việc thanh toán. Các lệnh chuyển tiền được GSC thực hiện vào 1 thời điểm trong ngày vì GSC là bộ phận dịch vụ làm thay các nước nên đôi khi họ được xem như một cái máy, giờ nào việc đó.

Thanh toán trùng: với một số lệnh chuyển tiền đặc biệt như trả trước cho người bán, đặt cọc hoặc đã trả tiền mặt rồi thì đôi khi GSC thanh toán lần 2 cho nhà cung cấp, với các trường hợp như vậy kế toán phải trả phải gọi điện thoại yêu cầu nhà cung cấp trả tiền lại cho công ty. Mặc dù có cách để ngăn chặn việc trả trùng là dùng một dấu hiệu để khóa các lệnh chuyển tiền trước hoặc các lệnh thanh toán một phần, tuy nhiên các trường hợp này cũng có khi xảy ra.

Do sử dụng GSC nên tất cả các hóa đơn đều phải scan đính kèm vào đơn đặt hàng, đây là một điểm lợi cho quá trình lưu trữ thông tin trên mạng, tuy nhiên tạo ra sự nhàm chán cho kế toán phải trả vì nhiệm vụ chính của kế toán phải trả là scan hóa đơn và theo dõi việc thanh toán của GSC. Bên cạnh đó, các hóa đơn đa phần là tiếng Việt, GSC của bộ phận thanh toán ở Ấn Độ nên đôi khi gây sai sót trong quá trình thanh toán. Tất cả các nhà cung cấp, chi tiết của người bán đều được cập nhật trong hệ thống và sau đó GSC dựa vào đó để thanh toán cho nhà cung cấp. Đây là ưu điểm của phần mềm vì cho phép so sánh trên từng chi tiết để một người không cần hiểu tiếng bản địa cũng có thể thanh toán cho các nhà cung cấp ở nước khác, tuy nhiên, chỉ cần 1 sai sót nhỏ thì GSC cũng từ chối thanh toán

nếu như có một điểm gì đó không phù hợp, nếu là kế toán phải trả thì có thể thông qua vì hiểu ngôn ngữ của hóa đơn nhưng GSC thì không thông qua gây nên việc mất thời gian cho quá trình thanh toán, tuy vậy, đây không phải là trường hợp thường xuyên.

Đó là những nhận định chung về kế toán phải trả tại Maersk Việt Nam, thật vậy, đi sâu vào chi tiết, còn nhiều vấn đề tồn tại trong hệ thống kế toán phải trả, vì kế toán phải trả còn liên quan đến tất cả các phòng ban khác hay là bộ phận hoạt động khi họ vì chính những bộ phận đó là người tạo đơn đặt hàng và ghi sổ phiếu nhận hàng. Trong quá trình tạo đơn đặt hàng thì đơn đặt hàng phải đảm bảo tạo trước khi nhận hóa đơn, đó là qui trình căn bản và hoàn hảo của hệ thống và hầu như người sử dụng cũng như người quản lý hệ thống hay một cách đơn giản của qui trình mua hàng là như thế, tuy nhiên, tại Maersk Việt Nam việc nhận hóa đơn sau đó mới tạo đơn đặt hàng là việc thường xuyên, và đó là tình hình thực tế, điều này dẫn điều này cho thấy việc đánh giá điểm mua hàng ở các phòng ban còn kém và làm cho việc ghi nhận chi phí và việc thanh toán hầu như cùng một thời điểm.

Tạo trùng đơn đặt hàng, với hoạt động của Logistic, vì đơn đặt hàng là tạo hàng loạt theo đơn hàng nên chỉ cần không kiểm soát tốt thì việc tạo trùng là có thể xảy ra, hậu quả của việc này là sau khi ghi nhận phiếu nhận hàng cho tất cả các đơn hàng này thì chi phí sẽ bị trùng, chỉ phát hiện khi kiểm tra những phiếu nhận hàng mà không có hóa đơn, tình huống này vẫn xảy ra làm cho chi phí không đúng về mặt thời điểm, phản ánh không đúng tình hình chi phí của hoạt động. Để khắc phục việc này thì việc theo dõi báo cáo phiếu nhận hàng chưa có hóa đơn là việc thực hiện thường xuyên cho các trung tâm chi phí.

Đơn đặt hàng chưa có phiếu nhận hàng, trường hợp này là do đơn đặt hàng chưa được duyệt, đơn đặt hàng chưa được duyệt thì phiếu nhận hàng không tạo được,

gây ra chậm trễ cho quá trình ghi nhận chi phí, chi phí không kịp thời. Tất cả các đơn đặt hàng tạo ra cần phải được duyệt đúng thời điểm.

Để dễ dàng cho việc thanh toán thì điều cần thiết là hóa đơn có số đơn đặt hàng, việc này giúp ích cho GSC trong quá trình thanh toán tự động, và cũng dễ dàng cho kế toán trong việc thanh toán, tuy nhiên việc này chưa làm được với tất cả các khách hàng.

Chưa sử dụng hết chức năng của hệ thống OCR, một hệ thống tiên tiến giúp cho GSC hiểu được nội dung của hóa đơn, chỉ cần mẫu hóa đơn scan đến GSC thì tự động nhận diện, nếu như việc này được thực hiện thì giảm bớt công việc của kế toán phải trả trong vấn đề tự nhập dữ liệu thủ công về thông tin hóa đơn nếu đó là hóa đơn đầu tiên của nhà cung cấp lần đầu tiên giao dịch.

Với trường hợp trả chậm, bộ phận mua hàng cần làm việc với nhà cung cấp để có được thời hạn thanh toán tốt nhất và thời hạn thanh toán được cập nhật theo từng loại nhà cung cấp, điều này giúp cho việc thanh toán đảm bảo đúng hạn. Bên cạnh đó, nếu hạn thanh toán càng lâu thì càng lợi dụng được nợ của nhà cung cấp cho các việc khác, giúp cho việc quản lý dòng tiền có lợi hơn.

Dựa vào thời hạn thanh toán được cập nhật trên mỗi chi tiết của nhà cung cấp nên việc thanh toán đúng hạn là điều đương nhiên, tuy nhiên chỉ bị trễ hạn trong trường hợp hóa đơn bị thất lạc, nếu thanh toán đúng hạn thì tạo được uy tín với khách hàng giúp cho việc gia hạn thanh toán được thuận lợi.

Đối chiếu công nợ thường xuyên với khách hàng từ đó biết được những hóa đơn nào khách hàng đã giao nhưng chưa nhận được hoặc do các bộ phận khác không tạo đơn đặt hàng và phiếu nhận hàng hoặc thiếu thông tin nhà cung cấp nên không thanh toán được, không giao cho bộ phận kế toán kịp thời để thanh toán.

Kế toán cần phải theo dõi và cập nhật thông tin nhà cung cấp thường xuyên để đảm bảo mức độ lưu trữ thông tin tốt và tránh xảy ra các trường hợp quá hạn nợ chỉ do thông tin không đầy đủ.

Kế toán thanh toán cần phải kiểm tra khi chọn mã thuế bởi vì thuế trong SAP là thuế tự tính tùy vào từng loại thuế và từng mức thuế, và người tạo đơn đặt hàng là người chọn mức thuế do đó kế toán cần kiểm tra lại để báo cáo thuế giá trị gia tăng đầu vào chính xác. Vì việc chọn thuế trong SAP là các bộ phận tạo đơn đặt hàng nhưng báo cáo thuế là bộ phận kế toán làm một cách thủ công từ các hóa đơn thanh toán trong tháng chính vì thế có sự chênh lệch giữa báo cáo thuế trong hệ thống và báo cáo thuế khai báo trên tờ khai thuế, và cũng có trường hợp là chênh lệch thời điểm giữa người tạo đơn đặt hàng và thời gian thanh toán. Đây là một hạn chế của hệ thống do thuế là thuộc về quản lý và theo chính sách của quốc gia nên mỗi nước đều có vấn đề về thuế.

Đó là một số hạn chế của kế toán phải trả, tuy nhiên, tất cả các vấn đề và các rủi ro có thể xảy ra đều được chương trình đánh giá hằng tháng được thiết lập từ công ty mẹ đưa xuống cho các nước để quản lý rủi ro tốt hơn.

Kế toán phải thu:

Đa số tiền cước phí tàu bằng tiền USD nhưng theo luật mới ban hành của ngân hàng nhà nước thì tất cả các công ty trong nước không được chuyển tiền bằng USD. Do đó, tất cả các khoản thu đều bằng tiền Việt, nhưng sau đó lại chuyển tiền về cho công ty mẹ là USD nên gây ra sự chênh lệch tỉ giá khá lớn với loại giao dịch này.

Vì hóa đơn của mỗi nước là hóa đơn đặc thù đặc biệt là Việt Nam nên việc in hóa đơn trực tiếp từ hệ thống ra rất khó khăn trong quá trình thiết kế mẫu hóa đơn vì nó vừa phải phù hợp với luật Việt Nam vừa phải phù hợp với phần mềm, thiết kế các trường hợp sao cho hóa đơn được in đúng nhất. Tuy nhiên, với loại

giao dịch thu hộ tiền cho Line, hóa đơn vẫn chưa được in từ hệ thống mà phải thông qua một chương trình hỗ trợ khác do nội địa thiết kế, nên tất cả các hóa đơn được in ra đều phải được cập nhật lại trong hệ thống SAP, tạo thêm công việc thủ công cho kế toán phải thu.

Khi hóa đơn được tạo, doanh thu được ghi nhận đồng thời khoản phải thu khách hàng cũng được ghi nhận, và mỗi khách hàng có một thời hạn thanh toán riêng, để tránh thanh toán chậm của khách hàng, tất cả các khách hàng trả tiền sau đều phải có thỏa thuận thanh toán do giám đốc tài chính ký với khách hàng để đảm bảo các khoản nợ đều được thanh toán.

Hệ thống dữ liệu khách hàng thường xuyên được cập nhật dữ liệu để đảm bảo hóa đơn in ra không bị lỗi, tránh tối thiểu trường hợp điều chỉnh hóa đơn ở mức thấp nhất.

Để tránh trường hợp nợ quá hạn, kế toán phải thu cần phải theo dõi công nợ hằng ngày, gửi thư điện tử nhắc nhở khách hàng cũng như xác nhận việc gửi hóa đơn cho khách hàng là đúng hạn tránh trường hợp thất lạc hóa đơn.

Bên cạnh đó, kế toán phải thu kết hợp với phòng kinh doanh quan tâm đến khách hàng để biết tình hình khách hàng đang giao dịch như thế nào nhằm cập nhật hạn mức tín dụng cho phù hợp. Việc đối chiếu công nợ thường xuyên với khách hàng cũng là vấn đề quan tâm hàng đầu nhằm tránh bỏ sót các khoản phải thu.

Thật vậy, thao tác trên hệ thống về việc ghi sổ các tài khoản công nợ khách hàng khi khách hàng trả nợ là việc của GSC, hằng ngày kế toán phải thu theo dõi luồng tiền đi vào của ngân hàng để từ đó gửi dữ liệu theo mẫu của GSC để họ cập nhật vào tài khoản khách hàng, kế toán phải thu có nhiệm vụ xóa các khoản NỢ tương ứng giữa tiền vào và khoản tiền ra. Đó là công việc thủ công, nhưng kế toán phải thu phải thực hiện vì trên sổ phụ ngân hàng không có mã số từng khách hàng.

Việc phát hành hóa đơn là của bộ phận kinh doanh nhưng việc theo dõi công nợ và xóa công nợ là của bộ phận kế toán, chính vì thế cần sự phối hợp giữa bộ phận kế toán và bộ phận kinh doanh. Người phát hành hóa đơn cũng là người chọn mã thuế, nhưng kế toán phải thu là người khai thuế, do đó cần có sự đối chiếu giữa thuế trong hệ thống tương ứng với billing và việc khai thuế.

Rủi ro nhất của kế toán phải thu là không thu được nợ , vì lẽ đó việc theo dõi công nợ khách hàng là việc cần thiết và phải chặt chẽ.

Kế toán tài sản cố định

Một hạn chế của hệ thống trong kế toán tài sản cố định là tài sản cố định phải được vốn hóa bằng tiền đồng, báo cáo thì theo USD nên phải có sự cập nhật tỷ giá vào thời điểm vốn hóa tài sản cố định để biết được giá trị tài sản theo USD và theo dõi khấu hao theo USD hằng tháng. Các tài khoản khác đều được lựa chọn hoặc là USD hoặc là VND.

Kế toán tổng hợp và báo cáo

Vì báo cáo theo USD nên cuối tháng tất cả các tài khoản phải thu phải trả đều được đánh giá lại tỉ giá cuối kỳ và thường xuyên chạy sai vì việc đánh giá tỉ giá được thực hiện bởi GSC, và cái sai này thường là sai do lỗi hệ thống, kế toán cần phải kiểm tra lại và yêu cầu được chạy lại cho lãi lỗ về phần đánh giá lại tỉ giá cuối kỳ được đúng trên báo cáo kết quả kinh doanh. Tuy nhiên, quá trình kiểm tra không tốn nhiều thời gian nhưng quá trình giải thích và yêu cầu chạy lại là quá trình tốn thời gian vào mỗi cuối kỳ.

Thật vậy, chương trình hỗ trợ BPS giúp cho việc ra báo cáo kế hoạch vẫn chưa chạy hoàn chỉnh vì hệ thống mắc nhiều lỗi nên chưa giúp nhiều được cho công tác kế toán, và với BPS thì hạn chế của tài sản cố định sử dụng tiền đồng càng rõ nét vì khi sao chép khấu hao tài sản cố định từ thực tế vào kế hoạch thì không

thể sao chép tiền USD và khi kéo báo cáo tiền USD sẽ lấy tỉ giá qui đổi của tháng nên lệch so với thực tế là điều hiển nhiên, để sửa lỗi này thì kế toán phải nhập thủ công để chỉnh các chi phí khấu hao. Vì BPS chưa hoàn chỉnh nên BCS không sử dụng được để chuyển dữ liệu trực tiếp lên HFM mà không cần phải nhập thủ công.

Tuy nhiên, HFM là một chương trình chạy tốt, tất cả các lỗi của kế toán, những lỗi cơ bản đều được sửa trên HFM thông qua một chương trình gọi là xác nhận số liệu, ví dụ bảng cân đối kế toán không cân thì không thể promote số liệu, tài sản cố định khấu hao vượt quá nguyên giá, nếu báo cáo là khoản phải thu khác hay khoản phải trả khác thì phải diễn giải chi tiết, …, tất cả các khả năng có thể xảy ra hoặc cần diễn giải chi tiết thì HFM đều đòi hỏi người sử dụng phải cho đầy đủ thông tin hoặc sửa toàn bộ các lỗi trước khi promote số liệu.

Kết luận chương 2

Thông qua việc mô tả và một số nhận xét đánh giá về hệ thống thông tin kế toán tại Maersk Việt Nam, chúng ta có thể thấy được toàn bộ hệ thống thông tin kế toán tại Maersk xuyên suốt các qui trình trong bộ máy kế toán với việc ứng dụng phần mềm FACT. Hệ thống thông tin kế toán tại Maersk là một hệ thống tương đối hoàn chỉnh so với mô hình của doanh nghiệp với tất cả các phần hành của kế toán được tin học hóa trong phần mềm FACT. Bên cạnh FACT, hệ thống thông tin kế toán tại Maersk còn ứng dụng một số hệ thống hỗ trợ trong hệ thống thông tin kế toán quản trị vì FACT chỉ ứng dụng chủ yếu cho hệ thống thông tin kế toán tài chính. Với thực trạng hệ thống thông tin kế toán của công ty TNHH Maersk Việt Nam, cùng với những nhận xét đánh giá, luận văn sẽ đưa ra các giải pháp hoàn thiện cho hệ thống thông tin kế toán tại Maersk Việt Nam ở chương 3.

Chương 3 : Các giải pháp hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán tại Maersk Việt Nam

3.1 Quan điểm hoàn thiện

3.1.1 Nâng cao khả năng hội nhập toàn cầu trong môi trường tin học hóa kế toán

Ngày nay, hầu hết các doanh nghiệp đều lựa chọn cho mình một phần mềm kế toán thích hợp để ứng dụng cho hệ thống thông tin kế toán của doanh nghiệp mình. Cùng với sự phát triển kinh tế trong quá trình hội nhập toàn cầu, môi trường tin học hóa cũng được ứng dụng trong lĩnh vực kế toán để giảm bớt các công việc thủ công và giảm thiểu việc lưu trữ dữ liệu thủ công. Việc sử dụng phần mềm kế toán cho hệ thống thông tin kế toán đã được các doanh nghiệp ở các nước phát triển ứng dụng từ lâu và cũng dần dần phát triển tại nước ta trong những năm gần đây. Maersk Việt Nam là một công ty con của một tập đoàn đa quốc gia nên việc ứng dụng phần mềm kế toán là điều hiển nhiên. Tuy nhiên việc ứng dụng phần mềm như thế nào vào hệ thống thông tin kế toán của Maersk Việt Nam là do công ty mẹ quyết định, và toàn bộ các công ty của Maersk trên toàn thế giới ứng dụng chung một hệ thống. Nếu như trước đây, mỗi một công ty trong tập đoàn lựa chọn cho mình một phần mềm phù hợp thì với FACT toàn bộ các qui trình trong hệ thống thông tin kế toán mang tính chất hội nhập toàn cầu, các qui trình đều như nhau và được chuẩn hóa theo đúng một hướng. Chính vì vậy, việc ứng dụng phần mềm FACT trong hệ thống thông tin kế toán tại Maersk giúp cho việc nâng cao khả năng hội nhập toàn cầu trong cùng một tập đoàn trên toàn thế giới trong môi trường tin học hóa kế toán. Tuy nhiên, để có một qui trình chuẩn và thống nhất trong tập đoàn thì việc hòan thiện hệ thống thông tin kế toán cho các doanh nghiệp tại các nước khác nhau cũng đang là tiến trình mà tập đoàn

đang hướng đến. Nâng cao khả năng hội nhập toàn cầu trong môi trường tin học hóa cũng là một trong những lý do FACT được ứng dụng tại Maersk.

3.1.2 Góp phần tăng cường chất lượng và hiệu quả của công tác kế toán

Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán là giúp cho việc xây dựng qui trình hoàn thiện và hiệu quả cũng như hỗ trợ trong công tác kế toán của doanh nghiệp, giúp cho doanh nghiệp có cái nhìn toàn diện và sâu sắc về tình hình hoạt động của công ty từ đó giúp họ hoạt động hiệu quả và nhanh hơn để cạnh tranh với môi trường thế giới.

Hệ thống thông tin kế toán hoàn thiện với các thông tin từ đầu vào cho đến các báo cáo đầu ra giúp cho công tác kế toán hiệu quả và đáp ứng được nhu cầu của người sử dụng. Một hệ thống thông tin kế toán hoàn thiện là hệ thống mà qua đó người sử dụng cũng như người thực hiện hệ thống cảm thấy thân thiện và có thể sử dụng theo các mục đích của mình. Nếu một hệ thống thông tin kế toán có những yếu tố đó thì chất lượng và hiệu quả của công tác kế toán ngày càng phát triển.

Phát huy thế mạnh của phần mềm từ đó có thể ứng dụng phần mềm hiệu quả vào các phần hành kế toán đặc biệt là việc quản lý chi phí cho hợp lý và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

3.1.3 Hỗ trợ tích cực cho việc quản lý và điều hành doanh nghiệp

Một hệ thống thông tin kế toán hoàn thiện sẽ giúp cho các dữ liệu được tận dụng theo nhiều mục đích của ban quản trị từ đó có thể làm cho việc điều hành doanh nghiệp được phát huy thế mạnh tích cực.

Tận dụng hết các tính năng của phần mềm giúp cho người quản lý dễ dàng nắm bắt ưu điểm về báo cáo mà phần mềm mang lại, dễ dàng hơn cho người sử dụng, góp phần hỗ trợ cho công tác quản lý trong doanh nghiệp.

Phần mềm tốt thì hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp sẽ hoàn thiện, giúp cho người sử dụng dễ quản lý công việc của mình và cho ra các báo cáo đáp ứng nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Ứng dụng hiệu quả phần mềm vào hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp cũng là một trong những điểm chính của doanh nghiệp, vì hệ thống thông tin kế toán cần thiết cho toàn bộ doanh nghiệp và phần mềm cũng là một phần trong đó nên việc ứng dụng phần mềm hiệu quả mang lại nhiều kết quả cho một doanh nghiệp nhất là trong việc tổ chức quản lý.

Một khi hệ thống thông tin kế toán hoàn thiện thì vai trò của lao động giản đơn và thao tác kế toán đơn giản cũng được phần mềm hóa và do đó có thể quản lý nguồn nhân lực một cách hiệu quả với số liệu nhân viên hợp lý nhưng vẫn mang lại kết quả như mong đợi.

3.2 Các giải pháp hoàn thiện

3.2.1 Hoàn thiện các bộ phận cấu thành hệ thống thông tin kế toán

a. Hệ thống thông tin đầu vào

Để hình thành hệ thống thông tin kế toán tại Maersk Việt Nam, với một số nhận xét như chương 2 trong các phần hành kế toán thì hệ thống thông tin đầu vào của hệ thống thông tin kế toán tại Maersk cũng như tất cả các hệ thống thông tin kế toán khác mặc dù đã được chuẩn hóa nhưng vẫn còn nhiều yếu tố cần hoàn thiện.

Kế toán phải trả

Phiếu yêu cầu hàng hoá dịch vụ: chứng từ được gửi từ các bộ phận trong doanh nghiệp khi có yêu cầu về hàng hóa hoặc dịch vụ, phải chi tiết và đầy đủ thông tin

về mục đích yêu cầu. Các yêu cầu mua hàng đều phải được xét duyệt, chấp thuận của người quản lý bộ phận. Nếu như trong trường hợp thông qua thư điện tử thì thư đó cũng phải được duyệt của người quản lý bộ phận.

Đơn đặt hàng: căn cứ vào phiếu yêu cầu mua hàng, bộ phận lập đơn đặt hàng phải kiểm tra toàn bộ thông tin kèm với các yêu cầu cần thiết và mỗi một đơn đặt hàng có một số riêng biệt để dễ dàng cho việc tìm kiếm.

Giấy xác nhận đơn hàng (lệnh bán hàng của người bán): tất cả các đơn đặt hàng cần phải được giấy xác nhận của bên nhà cung cấp, có như vậy mới mọi thông tin về đơn hàng sẽ được đảm bảo.

Phiếu nhập kho; báo cáo nhận hàng, phiếu giao hàng: tất cả đơn đặt hàng đều phải có báo cáo nhận hàng để từ đó làm thông tin để lên chứng từ thanh toán.

Hóa đơn bán hàng: các thông tin liên quan đến nhà cung cấp phải chính xác và đúng với thông tin trong đơn đặt hàng cùng với số lượng đã được đặt trước.

Chứng từ thanh toán: tất cả các đơn đặt hàng, phiếu nhận hàng, và hóa đơn phải đầy đủ, thông tin về chứng từ thanh toán là thông báo chuyển khoản hoặc lệnh chuyển tiền mặt cho khách hàng. Tất cả các chứng từ thanh toán đều được giữ chung với đơn đặt hàng, phiếu nhận hàng và hóa đơn.

Theo qui trình là bộ phận mua hàng sau khi nhận được yêu cầu mua hàng hoặc dịch vụ tại các phòng ban thì bộ phận mua hàng phải đặt hàng, thông tin đặt hàng được chấp nhận , sau đó nhận hàng và nhận hóa đơn và thanh toán. Đó là một qui trình chuẩn, cần phải được thực hiện theo các bước như vậy. Tuy nhiên, hiện nay một số lệnh mua hàng được thực hiện sau khi đã nhận hóa đơn, đó là việc đợi cho đến khi có hóa đơn mới lập lệnh mua hàng và làm ngược lại. Việc thực hiện ngược qui trình tạo ra những rủi ro là việc thanh toán sẽ bị chậm.

Thông tin đầu vào phải chính xác thì việc thanh toán mới được hoàn thiện. Để thực hiện được việc này, tất cả các yêu cầu về thông tin của nhà cung cấp đều

được yêu cầu nhà cung cấp gửi thông tin có chữ ký của giám đốc với các thông tin hoàn chỉnh như là tên công ty, mã số thuế, tài khoản ngân hàng…, tất cả các nhà cung cấp mới đều được tạo thông tin trong hệ thống để tránh sai sót cho quá trình thanh toán với mỗi một nhà cung cấp là một mã số riêng biệt trong hệ thống.

Lệnh mua hàng, phiếu nhận hàng và hóa đơn phải khớp nhau về số lượng hàng hoặc dịch vụ cung cấp, thông tin phải trùng khớp thì lệnh thanh toán mới được thực hiện.

Tất cả các hóa đơn khi giao cho bộ phận thanh toán đều phải có số lệnh mua hàng và đã được tạo lệnh mua hàng để giúp việc tra cứu thông tin dễ dàng.

Đối với các yêu cầu thanh toán trước hoặc thanh toán không tạo lệnh mua hàng thì thông tin đầu vào là các yêu cầu của các phòng ban gửi chứng từ có chữ ký phê duyệt của trưởng phòng ban yêu cầu thanh toán gấp bởi vì đối với một số dịch vụ hay mặt hàng không tạo lệnh mua hàng thì không qua sự phê duyệt của trưởng phòng trên hệ thống nên cần thiết phải có chứng từ với chữ ký của họ.

Kế toán phải thu

Đơn đặt hàng của khách hàng: vì là công ty vận tải nên tất cả các khách hàng đến với Maersk đều phải đặt hàng qua điện thoại, qua thư điện tử. Mỗi một đơn đặt hàng của khách hàng phải có số đặt hàng, số lượng hàng, ngày vận chuyển và vận chuyển đi đâu hoặc nhận từ đâu.

Lệnh bán hàng: tất cả các lệnh đặt hàng của khách hàng đều được thông qua bộ phận bán hàng để tất cả các đơn hàng được tạo lệnh bán hàng. Trên lệnh bán hàng buộc phải có số đơn đặt hàng để tham chiếu.

Hóa đơn vận chuyển: vì là vận tải đường biển qua các nước với nhau nên hóa đơn vận chuyển là yêu cầu bắt buộc phải có cho tất cả các khách hàng.

Hóa đơn bán hàng: phải được lập căn cứ trên việc kiểm tra đối chiếu chứng từ liên quan đến việc bán hàng như đơn đặt hàng, lệnh bán hàng, hóa đơn vận chuyển.

Phiếu thu, giấy báo có: tất cả các hóa đơn sau khi được phát hành đều phải được phát hành phiếu thu với khách hàng thanh toán tiền mặt. Đối với khách hàng thanh toán qua ngân hàng thì đợi báo có của ngân hàng mới được ghi nhận công nợ khách hàng.

Cũng tương tự như kế toán phải trả, thông tin khách hàng phải được cung cấp chính xác để có thể phát hành hóa đơn cho khách hàng chính xác. Ngay khi phát hành hóa đơn cho khách hàng, khách hàng có nhiệm vụ cung cấp thông tin đầy đủ và thông tin được khách hàng chịu trách nhiệm sau đó mới phát hành hóa đơn, có như vậy mới hạn chế việc hủy hóa đơn.

Kế toán tài sản cố định

Các thông tin liên quan đến tài sản cố định như nhà cung cấp, giá trị, loại tài sản là các thông tin thiết yếu cho kế toán tài sản cố định. Và loại tài sản cũng là yếu tố để khấu hao tài sản nên việc phân định loại tài sản cần phải được thực hiện một cách cân nhắc cho phù hợp với qui định của tập đoàn. Các thông tin này phải rõ ràng và kết nối với kế toán phải trả để dễ dàng cho việc xử lý thông tin về tài sản cố định trong hệ thống.

Kế toán tổng hợp

Hệ thống thông tin đầu vào của kế toán tổng hợp là các bút toán của được xử lý trong hệ thống của kế toán phải thu và kế toán phải trả.

Việc hạch toán phải chính xác để việc xử lý số liệu chính xác, có như vậy thông tin đầu ra mới chính xác.

b. Hệ thống cơ sở dữ liệu

Kế toán phải trả:

Hệ thống thông tin nhà cung cấp: bao gồm mã số nhà cung cấp, chi tiết về địa chỉ, thông tin tài khoản ngân hàng, tên nhà cung cấp… tất cả các thông tin được cập nhật vào hệ thống tạo thành một hệ thống thông tin nhà cung cấp, tất cả các nhà cung cấp đều được tạo trong hệ thống, khi có nhà cung cấp mới thì bắt buộc phải tạo thêm vào hệ thống, điểm cần hoàn thiện là thông tin nhà cung cấp trong cơ sở dữ liệu phải được tạo nhanh tránh mất thời gian làm chậm quá trình thanh toán.

Hệ thống hàng hóa – dịch vụ: mỗi hàng hóa dịch vụ đếu có qui cách, thông tin đầy đủ, giá cả và mỗi một hàng hóa dịch vụ có một mã số để thuận lợi cho quá trình truy tìm thông tin.

Cần phải có sự liên hệ giữa hàng hóa dịch vụ và nhà cung cấp tạo ra một sự kết nối với nhà cung cấp này là mặt hàng này giúp cho việc kiểm soát chính xác hơn.

Hệ thống tài khoản của kế toán phải trả cũng là một cơ sở dữ liệu, mỗi một nhà cung cấp là một mã số, tất cả chi tiết số dư của nhà cung cấp hình thành lên sổ cái với khoản dư phải trả cho người bán.

Kế toán phải thu:

Hệ thống thông tin khách hàng: tất cả các khách hàng đều được cập nhật thông tin về khách hàng với đầy đủ chi tiết từ địa chỉ, mã số thuế, hạn mức tín dụng …, cũng như hệ thống thông tin nhà cung cấp, dữ liệu khách hàng mới cũng được tạo tương đối lâu nên cần phải khắc phục để thông tin khách hàng được tạo chính xác và nhanh chóng.

Mỗi khách hàng được cấp một hạn mức tín dụng nợ nên cần phải có một hệ thống cơ sở dữ liệu riêng biệt cho những khách hàng có tín dụng với công ty vì khách hàng này sẽ được theo dõi đặc biệt để có thể thu hồi nợ.

Hệ thống dữ liệu về việc bán hàng phát hành hóa đơn, chỉ cần một kết nối giữa khách hàng và hệ thống bán hàng thì sẽ dễ dàng hơn cho việc khai thuế.

Tất cả các dữ liệu trong hệ thống cần phải được mã hóa với ngôn từ dễ hiểu ví dụ dịch vụ nhập hay xuất, đất nước nhận hàng…, tất cả các thông tin này được lưu trữ trong hệ thống đặt dịch vụ và bán dịch vụ.

Kế toán tài sản cố định:

Mỗi một tài sản cố định là một con số, đó là số thứ tự trong hệ thống, không phải là số do người tạo tài sản cố định tự đặt, và tài sản cố định được phân loại theo từng loại hình phục vụ cũng như thời gian trích khấu hao khác nhau cho các tài sản cố định khác nhau.

c. Hệ thống thông tin đầu ra

Kế toán phải trả:

Bảng kê nghiệp vụ: đây là báo cáo liệt kê tất cả các nghiệp vụ phát sinh trong một kiểu nghiệp vụ nào đó trong suốt một kỳ xử lý như 1 tuần, 1 tháng, … Ví dụ báo cáo liệt kê tất cả các hóa đơn bán hàng, tất cả các chứng từ trả tiền, tất cả tiền thanh toán… báo cáo này nhằm kiểm soát xem dữ liệu có được cập nhật, xử lý chính xác, đầy đủ hay không. Với báo cáo này, tất cả các thông tin đều phải được sắp xếp theo một thứ tự nhất định và có thể thay đổi đơn giản hóa hoặc là đa dạng theo yêu cầu của mình với các thông tin phục vụ yêu cầu sử dụng.

Báo cáo kiểm soát, là báo cáo trong hệ thống xử lý bằng máy tính với mục đích tổng hợp tất cả các thay đổi trong một tập tin dữ liệu, để đảm báo tất cả dữ liệu đều được cập nhật và xử lý đầy đủ. Với Maersk, báo cáo kiểm soát muốn được hoàn thiện cần phải có đầy đủ dữ liệu thông tin đầu vào được cập nhật. Ví dụ báo cáo tổng chi phí mua hàng.

Báo cáo theo dõi công nợ khách hàng cũng là hệ thống thông tin đầu ra của hệ thống thông tin kế toán này. Một báo cáo hoàn chỉnh là có đầy đủ thông tin nhà

cung cấp với thời hạn thanh toán đã được cập nhật trước đó. Các thông tin có thể được sắp xếp và chỉnh sửa theo yêu cầu của người sử dụng. Báo cáo này phải được gửi cho nhà cung cấp để đối chiếu công nợ hằng tháng với đầy đủ các thông tin cần thiết để cho nhà cung cấp cũng như kế toán phải trả hoặc là việc theo dõi chi tiết như vậy giúp cho đối chiếu công nợ nhà cung cấp dễ dàng hơn.

Kế toán phải thu:

Hệ thống thông tin kế toán phải thu cần phải có báo cáo phân tích khoản phải thu theo thời hạn nợ bên cạnh báo cáo công nợ khách hàng, báo cáo phải thống nhất để dễ dàng cho việc chuyển giao giữa các bộ phận. Và phần mềm chưa hỗ trợ báo cáo này một cách chi tiết.

Kế toán tổng hợp

Dữ liệu thông tin đầu vào phải phù hợp với thông tin đầu ra như các báo cáo phân tích chi phí, doanh thu, lãi lỗ, với kế toán tổng hợp, tất cả các thông tin này cần phải được chính xác, có chính xác tại khâu dữ liệu vào thì thông tin trong báo cáo tổng hợp sẽ được hoàn thiện.

Hệ thống đang yếu kém về khoản hàng tồn kho vì hàng tồn kho không theo dõi theo từng khách hàng hoặc tuổi của hàng tồn kho, hiện nay nhiều hàng tồn kho đã cũ nhưng không xác định được thời gian nên không thể đưa vào chi phí. Việc hoàn thiện là có thể viết thêm phần mềm hỗ trợ cho hệ thống thông tin kế toán để phân loại hàng tồn kho theo nhà cung cấp và theo thời gian nhập hàng để đảm bảo điểm đặt hàng chính xác.

Vì là công ty dịch vụ nên việc lãi lỗ có thể được đánh giá theo từng đơn hàng, mỗi một đơn hàng đều có chi phí và doanh thu của đơn hàng đó, nếu được như vậy thì việc phân tích cho các dịch vụ cung cấp sẽ được chính xác hơn.

d. Hệ thống kiểm soát nội bộ

Kế toán phải trả

Tất cả các đơn hàng khi đến kế toán phải trả phải được duyệt của trưởng bộ phận và đều phải có phiếu nhận hàng kèm theo đơn hàng đó.

Với các khoản thanh toán trước cũng cần có yêu cầu thanh toán gửi qua thư điện tử hoặc chứng từ thanh toán có trưởng bộ phận duyệt.

Các nghiệp vụ thanh toán trước phải lưu ý để ngăn chặn việc trả trùng từ trung tâm dịch vụ toàn cầu.

Với các nghiệp vụ thanh toán từ trung tâm dịch vụ toàn cầu thì thông tin về nhà cung cấp phải hoàn toàn chính xác với đầy đủ thông tin để tránh sai sót nhầm lẫn trong quá trình thanh toán.

Tuy nhiên, không phải tất cả các thanh toán đều có thể thực hiện từ trung tâm này, một số thanh toán phải được thực hiện bởi kế toán phải trả như là thanh toán lương, thuế…, với những thanh toán này thì các lệnh thanh toán được duyệt bởi 2 chữ ký của người có thẩm quyền trong công ty là kế toán trưởng và giám đốc tài chính.

Tất cả các bút toán của kế toán thanh toán phải được duyệt khi họ hạch toán trực tiếp vào chi phí, cần phải phân quyền cho bộ phận kế toán tổng hợp kiểm tra các bút toán của kế toán phải trả để đảm bảo chi phí được hạch toán chính xác.

Bộ phận kế toán phải trả có nhiệm vụ kiểm quỹ tiền mặt và phải bảo đảm cho quỹ lúc nào cũng bằng với trong sổ sách thu chi tiền mặt.

Cuối tháng, kế toán phải trả cần phải đối chiếu số dư tài khoản ngân hàng và sao kê của ngân hàng để đảm bảo các không bị thanh toán trùng, tất cả các tài khoản có số dư trên bảng cân đối kế toán phải được đối chiếu để tránh sai sót.

Kế toán phải thu

Tất cả các hóa đơn đều được ghi nhận doanh thu, và ngược lại, làm cơ sở cho việc ghi nhận nợ phải thu khách hàng.

Tất cả các khách hàng yêu cầu được tín dụng cũng phải được duyệt bởi giám đốc tài chính. Tùy vào báo cáo tài chính của khách hàng mà hạn tín dụng được duyệt.

Với những khoản chiết khấu, giảm giá cho khách hàng hoặc hoàn tiền lại cho khách hàng cũng phải được duyệt bởi kế toán trưởng hoặc giám đốc tài chính.

Cuối tháng, các tài khoản phải thu khách hàng cũng được so sánh đối chiếu với các tài khoản chi tiết và phải gửi báo cáo công nợ cho các khách hàng để đảm bảo các khoản nợ phải thu được ghi nhận chính xác.

Kế toán tài sản cố định

Tất cả các mã số của mỗi một tài sản cố định phải được in ra làm phiếu tài sản cố định cho mỗi loại tài sản, điều này dễ dàng cho việc kiểm kê tài sản cố định.

Kế toán tổng hợp và kế toán quản trị

Tùy vào các loại công việc mà phân quyền xem bộ phận nào được kéo báo cáo cần thiết, với kế toán tổng hợp, các loại báo cáo mang tính chất phân tích lãi lỗ của từng bộ phận hay từng đơn hàng và các thông tin này cũng là thông tin cần được bảo đảm tránh cho số liệu được an toàn.

Tất cả các số liệu được lưu trữ trên mạng hệ thống nên cần phải có một cơ sở dữ liệu dự trữ để đảm bảo lúc nào cũng không bị tình trạng không rút được báo cáo hoặc số liệu.

Tất cả các bút toán chỉnh sửa đều phải được xem qua bởi trưởng phòng để đảm bảo dữ liệu được chỉnh sửa đúng và không bị sai lệch.

3.2.2 Các giải pháp nhằm ứng dụng hiệu quả phần mềm FACT vào hệ thống thông tin kế toán tại Maersk Việt Nam

a. Vài nét khái quát về việc sử dụng phần mềm FACT tại Maersk Việt Nam

Maersk là công ty đa quốc gia nên toàn bộ các phần mềm đều được chuẩn hóa và áp dụng cho toàn bộ các nước trên thế giới, vì lẽ đó việc phát triển phần mềm

cho phù hợp là một việc luôn được xem xét và cải tiến dần dần tại Maersk. Với công ty hàng đầu như Maersk cùng với sự phức tạp và đồ sộ của hệ thống dữ liệu thì SAP là lựa chọn đương nhiên.

Tuy nhiên SAP là một hệ thống phù hợp cho các doanh nghiệp sản xuất vì SAP xuyên suốt từ bộ phận hoạt động kinh doanh đến tài chính kế toán, từ những đơn đặt hàng cho đến báo cáo tài chính, vì thế Maersk đã thiết lập một đội gồm các chuyên gia để cải thiện phần mềm giúp cho phù hợp với loại hình kinh doanh vận tải như Maersk.

FACT viết tắt của Finance & Accounting for Container Transport, FACT được nghiên cứu từ 2002 với mục tiêu là cải thiện hệ thống phần mềm và ứng dụng phần mềm tốt hơn , giúp cho việc ra các báo cáo chính xác, từ đó các quyết định được hợp lý. Hơn thế nữa, FACT giúp cho các quá trình và thủ tục tài chính trong tập đoàn nhất quán trong việc xử lý kế toán và báo cáo cho kinh doanh vận tải. Một qui trình hoàn thiện sẽ có tác động tích cực lên hiệu quả của công ty.

SAP viết tắt của Systems, Application, Products in data processing, SAP là sản phẩm lớn nhất của hệ thống ERP (Enterprise Resouce Planning) trên thế giới, cải thiện hiệu quả sự kết nối với khách hàng và nhà cung cấp.

FACT là sự chuyển đổi cho phù hợp với Maersk từ qui trình và công nghệ của SAP. Thật vậy, Maersk chỉ chuyển đổi một số module của SAP bởi vì giá trị của SAP không nằm ở hệ thống mà nằm ở qui trình.

Sau khi chuyển đổi từ SAP thành FACT cho thích hợp với loại hình kinh doanh của mình, Maersk phân vùng để triển khai FACT. Một số nước được chọn trước để làm thí điểm cho phần mềm mới, ngoài ra còn có tác dụng liên kết bộ phận hoạt động và bộ phận kế toán tài chính để thành một qui trình khép kín.

Tại Việt Nam, FACT được triển khai vào tháng 1 năm 2007, tất cả các cơ sở dữ liệu của phần mềm cũ được chuyển sang phần mềm mới. Hệ thống thông tin kế toán phải được chuẩn bị chính xác và đầy đủ vào ngày thực hiện sự chuyển đổi.

Trước khi triển khai hệ thống, tất cả các nhân viên đều được huấn luyện trong việc sử dụng phần mềm, quá trình huấn luyện được phân chia từng cấp và từng phần hành. Mỗi phần hành kế toán sẽ có một người đại diện được cử đi học tại các nước khác, sau đó về huấn luyện lại cho các đồng nghiệp của mình, và người được cử đi học đó sẽ phải theo dõi toàn bộ các vấn đề liên quan đến phần hành đó trong quá trình thực hiện để gửi đến các trung tâm hỗ trợ FACT giải quyết các vấn đề tại phần hành của mình.

Các phòng ban ứng dụng FACT tại Maersk là phòng hoạt động kinh doanh và phòng tài chính kế toán. Đa số là bộ phận hoạt động là người tạo đơn đặt hàng và phiếu nhận hàng, ghi nhận chi phí, đồng thời họ cũng là người tạo các lệnh bán hàng ghi nhận doanh thu. Việc tạo các phiếu nhận hàng và lệnh bán hàng chính là qui trình ghi nhận doanh thu và chi phí.

Khi FACT được ứng dụng thì vai trò của bộ phận kế toán được chuyên môn hóa lên một tầm cao, bởi vì đa số các công đoạn đã được bộ phận khác thực hiện, nên bộ phận kế toán làm việc mang tính chất chuyên môn cao.

Bộ phận bán hàng tạo doanh thu và nợ phải thu thông qua lệnh bán hàng và giao hàng, bộ phận kế toán phải thu có trách nhiệm theo dõi phân tích công nợ khách hàng và liên hệ với khách hàng để thu tiền từ khách hàng, giảm số dư nợ phải thu một cách hợp lý.

Bộ phận mua hàng tạo chi phí và nợ phải trả thông qua lệnh mua hàng và phiếu nhận hàng, bộ phận kế toán phải trả sau khi nhận hóa đơn thanh toán cho nhà cung cấp, theo dõi số dư nhà cung cấp từ đó phân tích được nhà cung cấp nào cần phải thanh toán khi đến hạn.

Việc theo dõi và kiểm soát phải thu phải trả được FACT hỗ trợ bằng các báo cáo thể hiện hạn nợ, từ đó trưởng phòng của bộ phận này mới xác định được lượng tiền cần thiết cho quá trình này.

Bộ phận báo cáo đánh giá, điều chỉnh thông qua các báo cáo được hỗ trợ từ FACT để từ đó cho ra các báo cáo phù hợp với yêu cầu nội bộ cũng như bên ngoài.

Để làm được tất cả các quá trình như trên, Maersk Việt Nam đã đi từng bước phù hợp cùng với các giải pháp để ứng dụng phần mềm tại công ty:

- Xem xét kỹ hệ thống kế toán công ty trước khi muốn áp dụng một phần mềm mang tầm cỡ toàn cầu, giai đoạn chuẩn bị chạy FACT được thực hiện trong vòng sáu tháng trước khi chạy phần mềm cho toàn bộ công ty. Vì đây là phần mềm dành cho toàn bộ các phòng ban nên mỗi phòng ban đều có người trưởng nhóm dự án cho phần mềm thực hiện một cách hiệu quả.
- Có chuyên viên kỹ thuật giám sát chặt chẽ quá trình triển khai phần mềm tại công ty. Trong giai đoạn đầu khi triển khai, các chuyên viên tại các nước khác phải sang Việt Nam để giúp đỡ, đề phòng khi có sự cố thì chương trình không bị ngưng lại.
- Trưởng nhóm dự án phải là người nắm tất cả các qui trình trong công ty, từ bộ phận hoạt động cho đến phòng kế toán tài chính, không những nắm qui trình mà trưởng nhóm phòng kế toán tài chính phải nắm rõ luật của Việt Nam để yêu cầu thiết kế phù hợp.
- Cần có sự kết hợp chặt chẽ của chuyên gia và nhân viên công ty nhất là bộ phận triển khai phần mềm để cho phần mềm hoạt động hiệu quả.

b. Các giải pháp về nhân sự

Khi áp dụng một chương trình mới thì một những mối quan tâm của các nhà quản trị là về nhân sự, sự phân bổ nhân sự sao cho hợp lý khi hệ thống với phần mềm mới được ứng dụng. Phần mềm càng hiện đại thì sự phân bổ nhân sự càng phải hợp lý, trước khi phần mềm triển khai thì sự tính toán về nhân sự được quan tâm hàng đầu.

Vấn đề đầu tiên được quan tâm là liệu phần mềm mới có giúp cho giảm bớt chi phí hay không? Điều này cũng đồng nghĩa với việc cắt giảm nhân sự, nếu như trước đây phần mềm cũ cần nhiều nhân sự thì khi ứng dụng FACT, một số phần hành đã được thay thế bởi hệ thống nên số lượng người cũng được giảm. Phần mềm càng hoàn thiện thì việc số lượng nhân sự sử dụng sẽ càng ít vì khi đó chỉ có số lượng người kiểm soát các phần hành kế toán. Đó là về phương diện hoàn hảo khi phần mềm được triển khai hoàn toàn và không có bất kỳ vấn đề nào.

Maersk Việt Nam cũng đối mặt với vấn đề đó, vậy việc giảm người thì có ích cho doanh nghiệp nhưng không có lợi cho lực lượng lao động bởi vì họ bị mất việc, nhưng nhìn ở khía cạnh doanh nghiệp đầu tư thì nhà đầu tư thấy đây là một vấn đề mang lại lợi ích rất lớn vì máy móc thì doanh nghiệp kiểm soát được, người lao động cũng là tài sản của công ty nhưng mà là phạm vi mà doanh nghiệp không kiểm soát được.

Tuy nhiên, khi triển khai FACT, sự chuyển đổi nhân sự giữa các phòng ban được diễn ra, vì lúc này tất cả các công việc được phân chia rõ ràng và tách biệt hẳn ở các phòng ban, đa số là sự chuyển người từ bộ phận kế toán sang các bộ phận khác vì trước đây các việc đó là do bộ phận kế toán đảm nhiệm.

Vấn đề quan tâm tiếp theo là huấn luyện các nhân viên, sau khi việc chuyển đổi nhân sự được thực hiện thì việc huấn luyện được tiến hành ngay sau đó. Các nhân viên được gửi đi học tại các nước đã áp dụng FACT, đồng nghiệp dạy đồng

nghiệp. Trong quá trình các nhân viên đi học tại nước ngoài, tất cả vị trí của các nhân viên này được thay thế bởi các nhân viên tạm thời trong 6 tháng, đây cũng là một hạn chế vì số lượng nhân viên sẽ tăng lên đáng kể. Mặt khác, công việc sẽ không bị ảnh hưởng khi các nhân viên đi học, nhưng vẫn không thể trong tình trạng hoàn hảo vì đa số là các nhân viên tạm thời, nên một số người đang đảm nhận công việc chia việc của người khác để cho việc được trôi chảy.

Bên cạnh đó, có sự chuyển đổi nhân sự từ các nước triển khai FACT sớm hơn sang các nước mới bắt đầu trong một thời gian nhất định, sự chuyển đổi này giúp cho quá trình triển khai hiệu quả hơn.

Giải pháp về nhân sự chủ yếu là sự chuyển đổi và xoay sở sao cho hợp lý trong quá trình triển khai. Sau khi mọi thứ đã ổn định như thời điểm hiện tại, các ứng dụng của FACT ngày càng hoàn thiện, số nhân viên ngày càng giảm đi đến nay thì đã trong tầm kiểm soát chi phí hợp lý của doanh nghiệp vì có sự phân chia công việc hợp lý và sự hỗ trợ giữa các phòng ban cũng như các nước khác. Việc áp dụng FACT, một số việc của nội địa chuyển sang cho GSC, đây cũng là một giải pháp về nhân sự nhìn về khía cạnh của toàn bộ tập đoàn, vì họ có thể kiểm soát tập trung và giảm chi phí hiệu quả.

c. Các giải pháp ứng dụng cho một số phần hành kế toán tại Maersk Việt Nam

Kế toán phải trả

Chạy được chương trình OCR giúp cho GSC có thể nhận dạng được kiểu chữ của hóa đơn khi scan để dễ hiểu hơn và thanh toán đúng hơn.

Khi OCR được thực hiện thì xem như bộ phận kế toán phải trả chỉ cần một người scan hóa đơn và một người kiểm tra hạn nợ vì tất cả các quá trình của kế toán phải trả sẽ được chuyển sang GSC, bởi vì nếu như GSC đọc và hiểu hóa đơn

tiếng Việt thì họ có thể hạch toán như một người Việt Nam theo nguyên tắc kế toán cơ bản.

Tuy nhiên cần có người khảo sát, cân đối tài khoản ngân hàng vì tất cả các lệnh chuyển ngân hàng đa phần là lệnh tự động, tránh tình trạng trả 2 lần. Để tránh tình trạng trả 2 lần thì kế toán cần phải thông báo bằng cách khóa các lệnh trả tiền đã được trả thủ công tại nội địa. Đây là một điểm cần phải khắc phục khi sử dụng GSC. Lệnh chuyển tiền nào được trả rồi cần phải khóa lại trong hệ thống, giúp cho GSC biết được là không cần phải trả hóa đơn đó nữa.

Các hóa đơn đều được scan lên chương trình đầy đủ giúp cho bộ phận kế toán lưu chứng từ điện tử, dễ dàng tra cứu khi có kiểm toán. Tuy nhiên, mục đích của việc scan hóa đơn là cho GSC thanh toán nên việc scan hóa đơn là một việc quan trọng trong phần hành kế toán phải trả đối với FACT.

Việc chi hộ phải được theo dõi một cách chặt chẽ để có thể thu lại tiền từ công ty mẹ.

Đối chiếu công nợ thường xuyên với nhà cung cấp dựa trên mẫu biểu kéo từ FACT, có như thế tất cả các rủi ro của việc thanh toán sẽ được hạn chế tối đa.

Thiết kế một mẫu biểu để yêu cầu nhà cung cấp điền đầy đủ thông tin giúp cho việc cập nhật dữ liệu hệ thống được chính xác thì việc thanh toán dễ dàng hơn.

Việc ghi nhận và theo dõi thanh toán từ các loại chi phí thay cho các công ty con cũng cần phải được đối chiếu rõ ràng để cấn trừ trong các nghiệp vụ liên quan. Công việc này ảnh hưởng đến các bên liên quan nên cần phải theo dõi chi tiết để từ đó có thể lên báo cáo các công nợ nội bộ chính xác hơn.

Kế toán phải thu

Thiết kế mẫu hóa đơn một cách chuẩn xác để có thể in ra từ FACT, mẫu hóa đơn có đăng ký và được chấp thuận của cục thuế .

Quá trình ghi nhận doanh thu và phải thu khách hàng được bộ phận kinh doanh thực hiện và qua đó kế toán phải thu phân tích hạn nợ, thu tiền khách hàng, theo dõi các khoản nợ đến hạn. Để thực hiện tốt công việc này, bộ phận kế toán phải kết hợp với bộ phận kinh doanh để cùng nhau thu được nợ của khách hàng đúng hạn .

FACT hỗ trợ phần mềm tự động ghi nhận doanh thu (self billing) khi lệnh bán hàng được thực hiện, tự in hóa đơn và ghi nhận công nợ. Với tính năng này, bộ phận kế toán phải thu giảm được một số lượng nhân sự vì hầu hết các việc của kế toán phải thu được chuyển sang cho GSC, nội địa chỉ phân tích và thu nợ khách hàng.

Hiện thời Maersk Việt Nam đang triển khai module này trên FACT, giúp cho việc ghi nhận doanh thu cước tàu là một qui trình khép kín từ bộ phận bán hàng đến bộ phận kế toán phải thu.

Cần phải cập nhật thông tin khách hàng một cách chính xác để có thể xác nhận tiền vào là của khách hàng nào, tránh tình trạng để tiền vào ngân hàng nhưng không biết nguồn gốc vì không tìm được khách hàng để kết toán.

Kế toán tài sản cố định

Phần mềm nên hỗ trợ 2 loại tiền tệ trên phần hành này ngay cả trong việc vốn hóa, có như thế giúp cho việc theo dõi khấu hao chính xác hơn.

Kế toán thuế

Đây là một trong những bước khó khăn khi áp dụng phần mềm, có lẽ với tất cả các phần mềm nước ngoài đều bị khó khăn này vì luật thuế mỗi nước khác nhau, vì lẽ đó, phần mềm phải được sự tư vấn của nhân viên kế toán Việt Nam mới có thể áp dụng cho phù hợp.

Cần phải so sánh đối chiếu tờ khai thuế với số thuế trong hệ thống, đây là một vấn đề khó khăn cho nhân viên kế toán vì toàn bộ chi phí và doanh thu đều được bộ phận hoạt động kinh doanh thực hiện, quá trình ghi nhận chi phí và doanh thu cũng là quá trình ghi nhận thuế giá trị gia tăng, việc đối chiếu thuế giá trị gia tăng đầu vào đầu ra.

Hiện tại, phần mềm không hỗ trợ cho việc kéo báo cáo thuế từ FACT, đây là một hạn chế của FACT, để khắc phục được tình trạng này, kế toán thuế phải so sánh đối chiếu tìm ra sự chênh lệch giữa tờ khai và hệ thống.

Vì phần mềm thực hiện tự động việc ghi nhận doanh thu nên khi ghi nhận doanh thu thì tự động ghi nhận thuếmặc dù hóa đơn chưa phát hành giao cho khách hàng nên đây cũng là một hạn chế của phần mềm. Hoặc các giao dịch nước ngoài, khách hàng nội bộ không cần lấy hóa đơn, tuy nhiên để tránh sai sót trong vấn đề thuế, tất cả các doanh thu được ghi nhận thuế giá trị gia tăng đầu ra đều được phát hành hóa đơn và hằng tháng kế toán thuế so sánh doanh thu và thuế giá trị gia tăng đầu ra cho khớp với tờ khai thuế.

Bên cạnh đó, thuế nhà thầu thì phần mềm không hỗ trợ vì luật thuế Việt Nam khác với các nước khác, loại thuế này chỉ được thực hiện một cách thủ công, chỉ có phần trả tiền là được thực hiện trên FACT và hạch toán vào chi phí của tàu.

Để có thể đối chiếu số liệu cần phải có sự liên kết giữa bộ phận kế toán và bộ phận hoạt động kinh doanh.

Cần phải triển khai thêm phần hỗ trợ báo cáo các loại thuế trong FACT, từ đó có thể giúp cho kế toán thuế đỡ các giai đoạn thủ công trong quá trình chuẩn bị báo cáo thuế hằng tháng.

Bộ phận báo cáo

Nên có một qui trình chuyển đổi tài khoản từ FACT sang HFM để tránh việc mapping một cách thủ công. Nếu như BPS và BCS hoàn thiện thì lý tưởng là có

thể lấy dữ liệu từ FACT tải lên HFM không cần qua các bước thủ công. Giải pháp cho vấn đề này là toàn cầu của Maersk phải sử dụng SAP thì lúc đó mới có một bộ phận thống nhất thực hiện việc chuyển đổi của BCS được thành công, hiện nay thì chương trình này đang bị lãng quên.

Việc đánh giá tỉ giá cuối kỳ cần được thực hiện tại Việt Nam để tránh nhằm lẩn sai sót như hằng tháng vẫn xảy ra.

Phân chia việc phân bổ chi phí và lợi nhuận ở trung tâm chi phí và trung tâm lợi nhuận cho hợp lý giúp cho việc quản lý chi phí của các phòng ban được chính xác hơn.

Vì là phần mềm được viết cho vận tải nên không hỗ trợ cho hàng tồn kho, tuy nhiên, một số hoạt động kinh doanh của ngành vẫn tồn tại hàng tồn kho. Hàng tồn kho vẫn được theo dõi riêng với phần mềm viết riêng cho khoảng mục này, sau đó hạch toán lại trên FACT cho phù hợp giá vốn hàng bán và chi phí hoạt động trong kỳ.

Cần có sự liên kết giữa phần mềm đang ứng dụng cho hàng tồn kho và FACT để tránh tình trạng tính toán thủ công bên ngoài sau đó hạch toán vào FACT. Hoặc là kích hoạt module sử dụng hàng tồn kho để có thể áp dụng cho tình hình kinh doanh tại Việt Nam.

Một mặt hạn chế của báo cáo là toàn bộ các báo cáo đều được kéo ra từ chương trình với các loại phù hợp nên đôi khi làm cho kế toán viên thụ động trong quá trình phát triển bản thân, vì toàn bộ báo cáo đều sẵn sàng, để giải quyết vấn đề này kế toán cần phải tự học hỏi để phát triển bản thân, phân tích báo cáo là vấn đề quan trọng của bộ phận báo cáo. Bên cạnh các yêu cầu của báo cáo nội bộ, khi viết báo cáo các nhân viên kế toán phải phân tích các số liệu trong báo cáo với tình hình kinh doanh của công ty. Để có được thông tin về thực tế kinh doanh tại công ty, bộ phận soạn báo cáo cũng phải liên hệ với bộ phận kinh doanh nắm

các thông tin kinh doanh từ đó phân tích cho chính xác. Ngược lại, bộ phận kinh doanh cần thông tin từ các báo cáo để có thể kiểm soát chi phí và ra các quyết định kinh doanh đúng đắn.

Bên cạnh việc phân tích báo cáo tài chính và các báo cáo nội bộ, việc chủ yếu của bộ phận báo cáo và kiểm soát còn là kiểm tra các rủi ro trong hệ thống, ví dụ như không được để nợ quá hạn thanh toán, nợ phải thu khách hàng lâu ngày chưa thu được, các khoản mục trên bảng cân đối kế toán phải được theo dõi và đối chiếu hằng tháng, không có tiền ngoài sổ. Tất cả các chỉ tiêu này được liệt kê thành một qui trình mà bộ phận báo cáo phải kiểm soát chặt chẽ sao cho tất cả các điểm này đều được tốt và đây là cơ sở đánh giá tình hình kiểm soát và kinh doanh của toàn vùng. Vì các chỉ tiêu ảnh hưởng đến tiền thưởng của tất cả các nhân viên nên toàn bộ các nhân viên cùng nhau cố gắng để đạt chỉ tiêu cao nhất. Nhờ có các chỉ tiêu này, các lỗi của hệ thống cũng như qui trình ngày càng hoàn thiện hơn. Tuy nhiên, các rủi ro về hệ thống và cách đưa ra các chỉ tiêu là do bộ phận đánh giá rủi ro và hệ thống bên công ty mẹ đề xuất.

d. <u>Các điều kiện để ứng dụng SAP tại công ty Việt Nam</u>

Công ty là doanh nghiệp sản xuất hoặc kinh doanh dịch vụ có qui mô lớn, yêu cầu về lưu trữ thông tin đồ sộ, qui trình cụ thể rạch ròi, đi từ khâu chuẩn bị cho tới khâu báo cáo kết quả.

Hệ thống thông tin kế toán hoàn chỉnh, rạch ròi quyền hạn giữa các bộ phận và các phần hành kế toán.

Doanh nghiệp cần có kế hoạch sản xuất hoặc kinh doanh dài hạn vì SAP là một phần mềm hoàn thiện cho việc hoạch định, đó là cũng là điểm nổi bật của SAP.

Chấp nhận chi phí đầu tư lớn vì để chạy SAP, công ty cần phải thiết lập một hệ thống máy tính hiện đại, cấu hình cao để có thể xử lý nhanh các module của phần mềm.

Chấp nhận chi phí sa thải nhân viên khi phần mềm triển khai vì lúc đó một số công việc được thay thế bằng phần mềm.

Nhân sự trình độ cao, thích nghi hệ thống nhanh chóng, có như thế mới có khả năng cập nhật và đối phó xử lý các sai sót trong phần mềm nếu có thể.

Am hiểu luật thuế, kinh doanh để có thể thiết kế phần mềm phù hợp.

Các doanh nghiệp Việt Nam cần nâng cao kiến thức về phần mềm và cần phải có hệ thống thông tin kế toán hoàn chỉnh với các khâu từ mua hàng cho đến bán hàng, phân định từng khu vực cho các loại hoạt động, phân chia trách nhiệm rõ ràng để có thể tư vấn cho chuyên gia viết chương trình phù hợp.

Cần phải có sự ủng hộ của cấp lãnh đạo : một hệ thống mà cần rất nhiều bộ phận đồng thời sử dụng như : phòng kinh doanh, phòng kế hoạch, phòng thu mua, bộ phận kho … tất cả đều ở giai đoạn ban đầu và không hiểu rõ trong giai đoạn triển khai và trong khi được học chương trình nhân viên vẫn phải làm việc, chính vì thế cần phải có sự ủng hộ của cấp lãnh đạo bỏ chi phí đầu tư thuê những nhân viên tạm thời để có thể làm mọi thay nếu như nhân viên chính đang được huấn luyện.

Ứng dụng được SAP là một hình thức cải thức cách quản lý, biến cách quản lý sơ sài trước kia thành một phương thức quản lý chi tiết nên các doanh nghiệp Việt Nam cần phải thiết lập một hệ thống quản lý chi tiết.

Tố chất của nhân viên rất quan trọng trong việc thích ứng phần mềm mới vì phần mềm càng nhiều tính năng thì nhân viên của phát triển tố chất theo chiều tỉ lệ thuận. Năng lực nhân viên càng tốt, trình độ quản lý hiện đại càng cao thì hiệu quả vận hành phần mềm đạt tốt hơn, để làm được như vậy SAP cần phải thiết lập

các phương án triển khai khác nhau cho những nhân viên, những doanh nghiệp khác nhau. Do đó, tố chất của nhân viên đóng vai trò quan trọng trong quá trình áp dụng phần mềm. Đội ngũ nhân viên càng nhanh tiếp thu thì càng có thể thích ứng được với SAP. Mặt khác, SAP cũng nắm bắt được các yếu tố đòi hỏi của doanh nghiệp Việt Nam nên hiện nay cũng đã hỗ trợ cho doanh nghiệp vừa và nhỏ với chi phí thấp hơn và hệ thống quản lý của doanh nghiệp chặt chẽ hơn.

Một ví dụ điển hình cho doanh nghiệp Việt Nam muốn ứng dụng SAP là công ty Vinamilk, vì sự phát triển ngày càng lớn mạnh của Vinamilk nên công ty đã cùng với FPT chính thức khởi động dự án "Hệ thống thông tin Quản lý kinh doanh – 2nd EPR" nhằm chuyển đổi hệ thống kinh doanh hiện thời của Vinamilk sang giải pháp quản lý dựa trên nền tảng SAP. Vinamilk cần một giải pháp quản lý hệ thống phân phối mạnh, tập trung, phản ánh tức thời hoạt động kinh doanh. Hệ thống ERP – Quản lý tổng thể nguồn lực và qui trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, đã thiết lập và kết hợp các giải pháp tiên tiến cho phép Vinamilk có thể quản lý tất cả số liệu từ hệ thống các nhà phân phối của mình, kể cả online hay offline. *(theo pcword)*

Bên cạnh Vinamilk, tập đoàn Kinh Đô cũng sử dụng rất thành công giải pháp của SAP. Doanh nghiệp đang dự định triển khai mô-đun lên kế hoạch chuỗi cung ứng. Trong giai đoạn 3 của năm 2009, Kinh Đô sẽ ứng dụng mô-đun quản lý nguồn nhân lực và nhà phân phối cấp 2. Vì thế, tất cả các nhà cung cấp lớn của Kinh Đô cũng dự định sẽ ứng dụng một giải pháp nào đó để tương thích với hệ thống SAP.

Qua 2 ví dụ minh họa trên, chúng ta có thể thấy rằng các doanh nghiệp Việt Nam muốn ứng dụng SAP trước tiên phải là doanh nghiệp lớn và có nhiều chi nhánh, hệ thống phân phối đa dạng, thuộc ngành hàng sản xuất và cung ứng, tất cả các

khâu đều được hệ thống hóa, có lẽ điều này dễ hiểu tại sao SAP được chọn tại Kinh Đô và Vinamilk.

3.3 Một số kiến nghị với công ty Maersk

Vì là công ty con nên tất cả các báo cáo mẫu biểu đều được thực hiện theo khuôn mẫu của công ty mẹ nên mất tính linh hoạt trong công việc phân tích các báo cáo, với những báo cáo theo luật Việt Nam thì công ty con phải thực hiện một cách hoàn chỉnh và phần mềm cũng nên hỗ trợ các báo cáo này như báo cáo thuế giá trị gia tăng, báo cáo thuế nhà thầu, tuy nhiên về báo cáo thuế nhà thầu có lẽ như là một dạng báo cáo đặc biệt nên để có thể thiết lập báo cáo này thì chuyên gia phải viết riêng cho Việt Nam thì mới có thể hoàn chỉnh, đây là điều khó thực hiện.

Một hạn chế lớn nhất của công ty đa quốc gia là hệ thống toàn cầu, vì là hệ thống toàn cầu nên tất cả mọi hệ thống đều làm theo một mẫu chung chuẩn hóa và đôi khi không quan tâm đến yêu cầu riêng biệt của một quốc gia nào khác, Maersk Việt Nam lúc nào cũng là công ty nhiều vấn đề nhất trong tập đoàn, chính vì có nhiều vấn đề nên bên cạnh SAP, Maersk Việt Nam luôn luôn tìm cách chạy cách các chương trình hỗ trợ cho hoàn thiện hệ thống. Đó chính là một cách khó khăn của hệ thống thông tin kế toán tại Maersk Việt Nam. Nếu như các quốc gia khác nhà nước không theo dõi theo số hóa đơn thì toàn bộ hóa đơn có thể in từ trong hệ thống, tuy nhiên hiện nay với mẫu hóa đơn không thích ứng hoặc là không giống SAP nên không thể in từ SAP ra được mà phải có phần mềm khác hỗ trợ cho việc ra hóa đơn.

Maersk trụ sở chính vì không hiểu thấu luật và cách kiểm soát của Việt Nam nên nhiều chương trình hoặc nhiều dự án về hệ thống còn bị gián đoạn, không áp dụng được cho Việt Nam trong khi toàn bộ các nước trong khu vực đều áp dụng. Một điểm trong tập đoàn là việc ứng dụng nhiều hệ thống, đó là một điểm thuận

lợi nhưng cũng là một yếu điểm vì chỉ một qui trình trong công ty nhưng thông qua quá nhiều hệ thống và việc này đôi khi gây nên sự khó chịu cho khách hàng cũng như người ứng dụng hệ thống trong công ty.

Bởi vì sự phụ thuộc quá nhiều vào hệ thống nên yêu cầu phải có một người quản lý và xử lý hệ thống giỏi, nhiều hệ thống rời rạc và người này chỉ hiểu được hệ thống của mình nên nhiều khó khăn cho vấn đề cần sự kết hợp của các hệ thống thì không giải quyết được nên vấn đề thì luôn luôn là vấn đề. Người quản lý hệ thống phải hiểu rõ vấn đề của hệ thống thì mới có khả năng giải quyết sự cố khi hệ thống xảy ra. Và cũng vì phụ thuộc nhiều vào hệ thống nên khi vấn đề giải ra cần sự giải quyết kịp thời thì không thể vì đa số những người giải quyết sự cố đều nằm ở các nước khác, đôi khi còn bị lệch múi giờ. Với vấn đề này, cần phải có bộ phận giải quyết vấn đề về hệ thống và việc hoạt động của họ được đánh giá dựa trên cách giải quyết vấn đề, có như thế thì vấn đề mới mau chóng được giải quyết tại các quốc gia.

Kết luận chương 3

Nhìn chung, hệ thống thông tin kế toán tại Maersk là hệ thống hiện đại với phần mềm hàng đầu thế giới. Bên cạnh đó, việc chạy theo các chỉ tiêu của tập đoàn mà quên đi mất các khía cạnh mang tính chất địa phương nên vấn đề của Maersk Việt Nam vẫn tồn tại. Sau một thời gian ứng dụng phần mềm mới thì những thay đổi kèm theo việc hoàn thiện hệ thống ngày càng được các bộ phận của Maersk Việt Nam cũng như trụ sở chính quan tâm và giải quyết cho phù hợp với tình hình của Việt Nam. Những lỗi của chương trình của hệ thống khi còn là một lỗi nhỏ thì không ai quan tâm, nhưng nhiều lỗi nhỏ thành một lỗi lớn thì nhiều lại là vấn đề của toàn Maersk, vì điều đó tất cả các lỗi của hệ thống ngày nay được cả một bộ phận chuyên phụ trách và chỉnh sửa cho phù hợp nên hệ thống thông tin kế toán với việc áp dụng FACT ngày càng hoàn thiện hơn.

Kết luận

Nhìn chung hệ thống thông tin kế toán tại Maersk Việt Nam là một hệ thống đồ sộ vì tính chất của công ty và tập đoàn. Bất cứ hệ thống thông tin kế toán nào cũng được thiết lập trên yêu cầu báo cáo của công ty đó và cũng có ưu điểm và nhược điểm. Mặc dù Maersk Việt Nam là một trong những nước thí điểm của phần mềm FACT nhưng dần dần cũng ổn định và nhân viên cũng thích ứng được phần mềm, khắc phục nhược điểm giúp cho hệ thống thông tin kế toán ngày càng hoàn thiện hơn.

Tất cả các báo cáo của công ty đều nhằm mục đích quản trị, quản lý sao cho điểm số của công ty phải đạt một mức nhất định, điều này sẽ tác động lên điểm số của từng nhân viên và mức thưởng hằng năm của nhân viên. Vì lẽ đó, mọi người phải cùng nhau cố gắng xây dựng để đạt số điểm cao nhất.

Thông qua thực trạng và một số giải pháp hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán của công ty, luận văn cũng giúp được người đọc có cái nhìn chung về một hệ thống thông tin kế toán của một công ty đa quốc gia với nhiều sự khác biệt của nó về cách quản lý cũng như cách sử dụng hệ thống và con người.

Luận văn được nghiên cứu trên cơ sở thực tế của nhân viên công ty, có thể có nhiều điểm chưa hoàn thiện, tuy nhiên, nó cũng thể hiện được một cách tổng thể và chi tiết hệ thống thông tin kế toán của Maersk Việt Nam.

PHỤ LỤC

Sơ đồ các phần hành kế toán

Sơ đồ kế toán phải trả

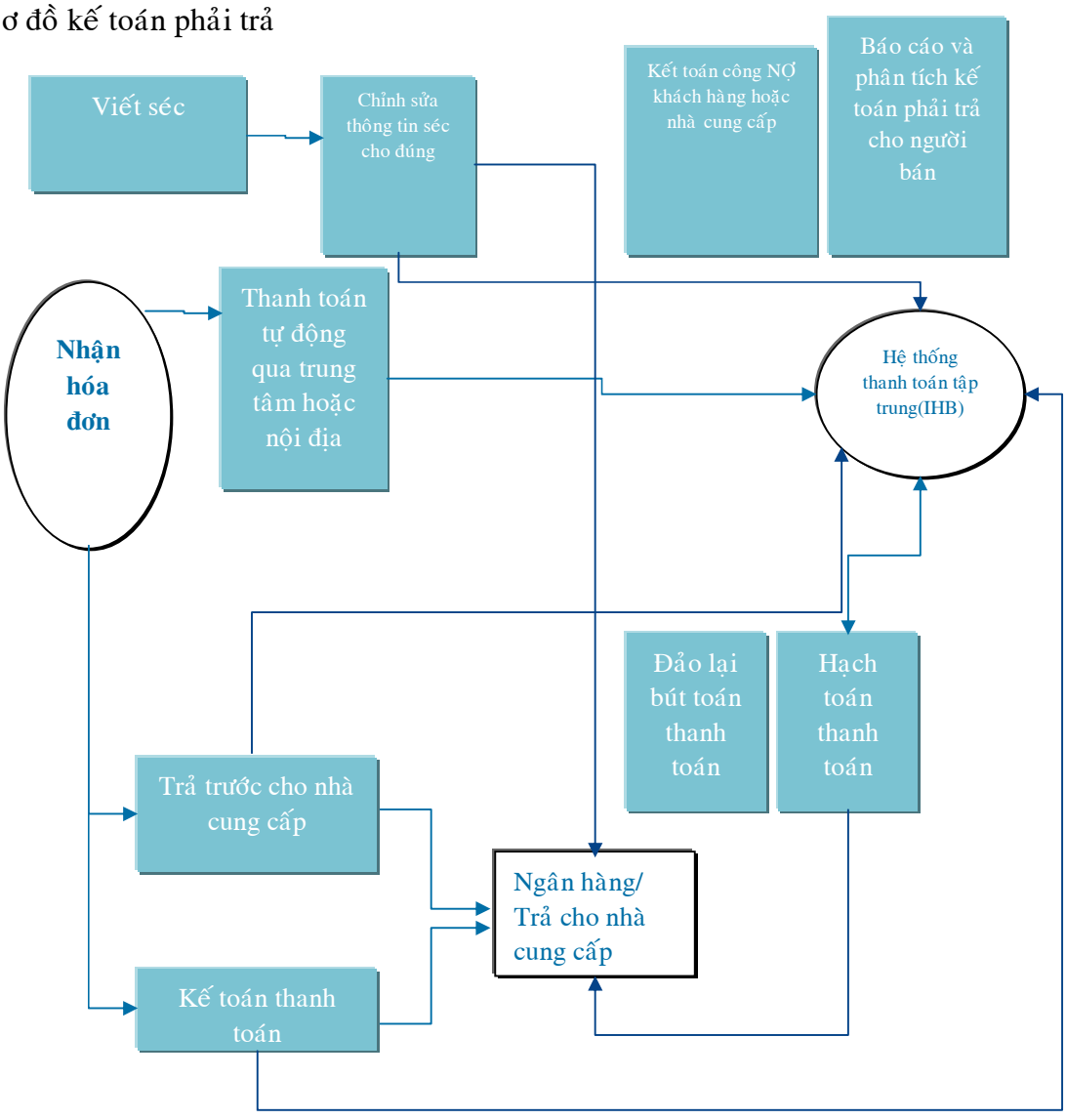

Sơ đồ cách tạo yêu cầu công tác trong TEM

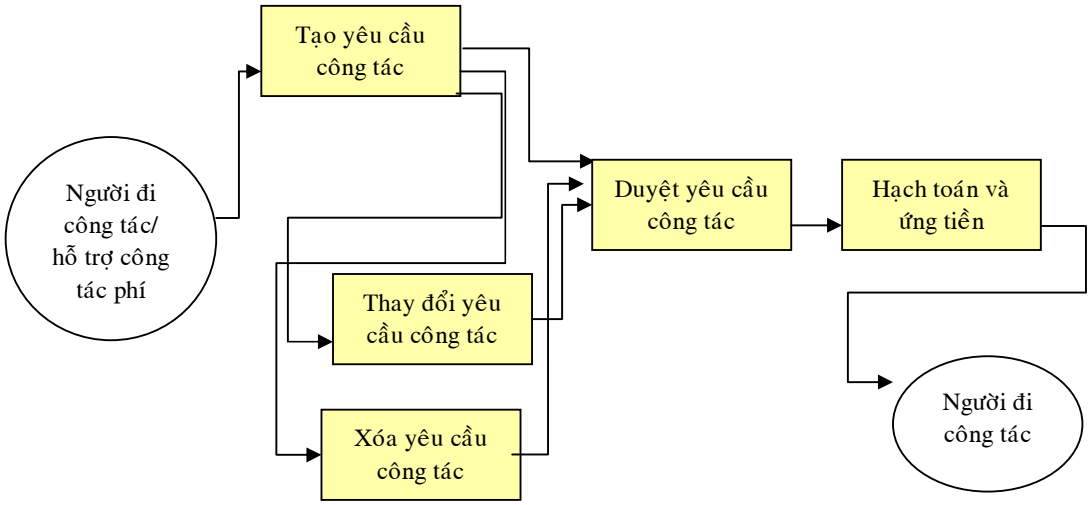

Sơ đồ qui trình mua hàng trong SSP

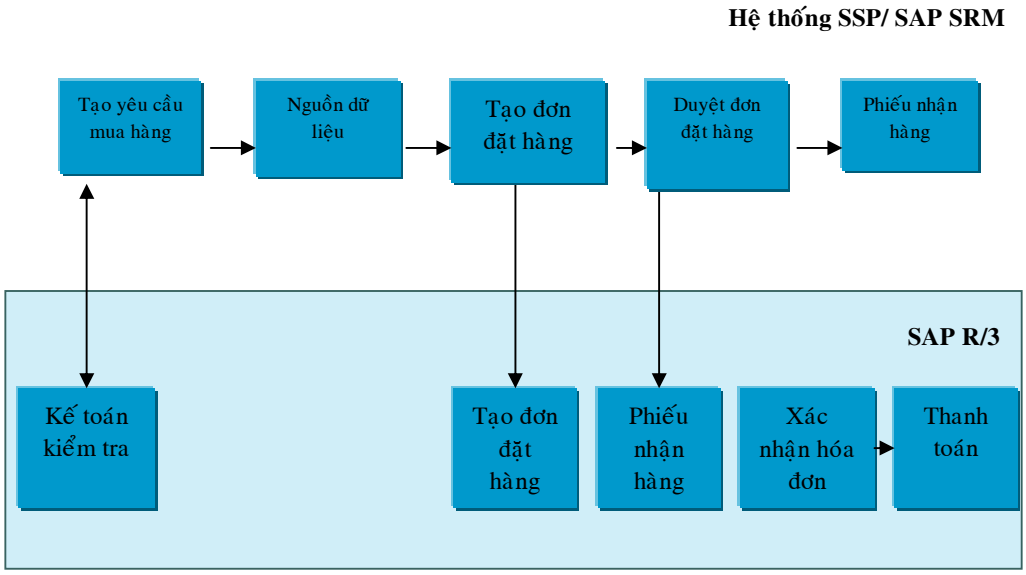

Sơ đồ qui trình thanh toán cho Line

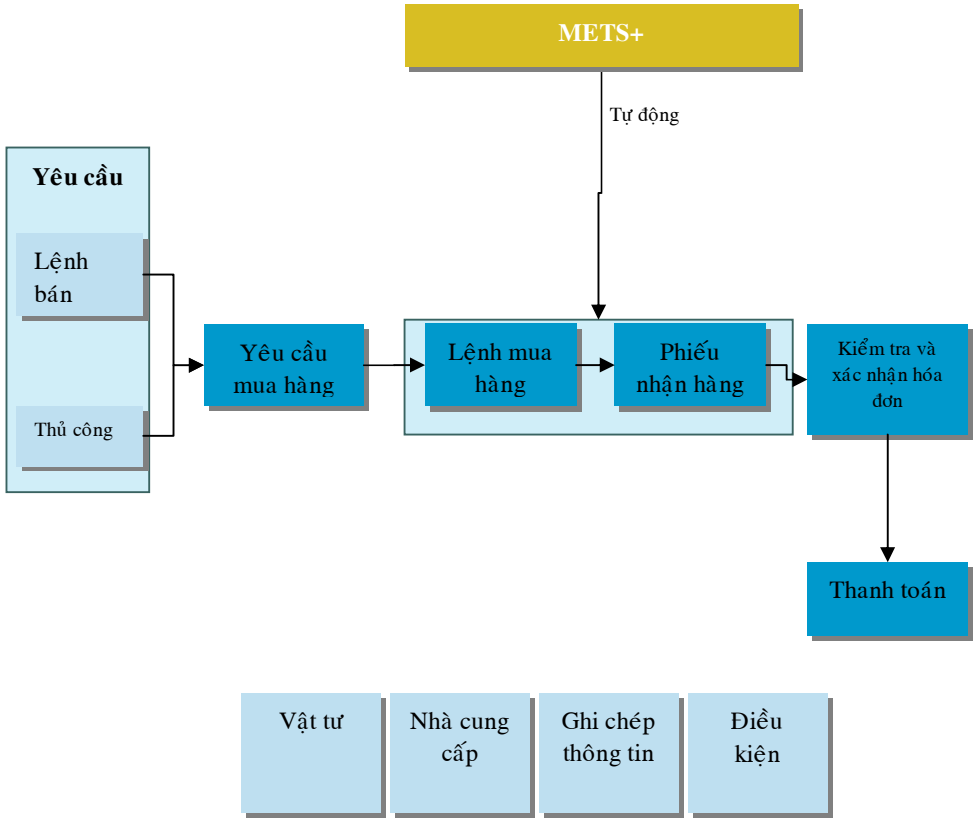

Qui trình mua hàng và thanh toán của Logistic

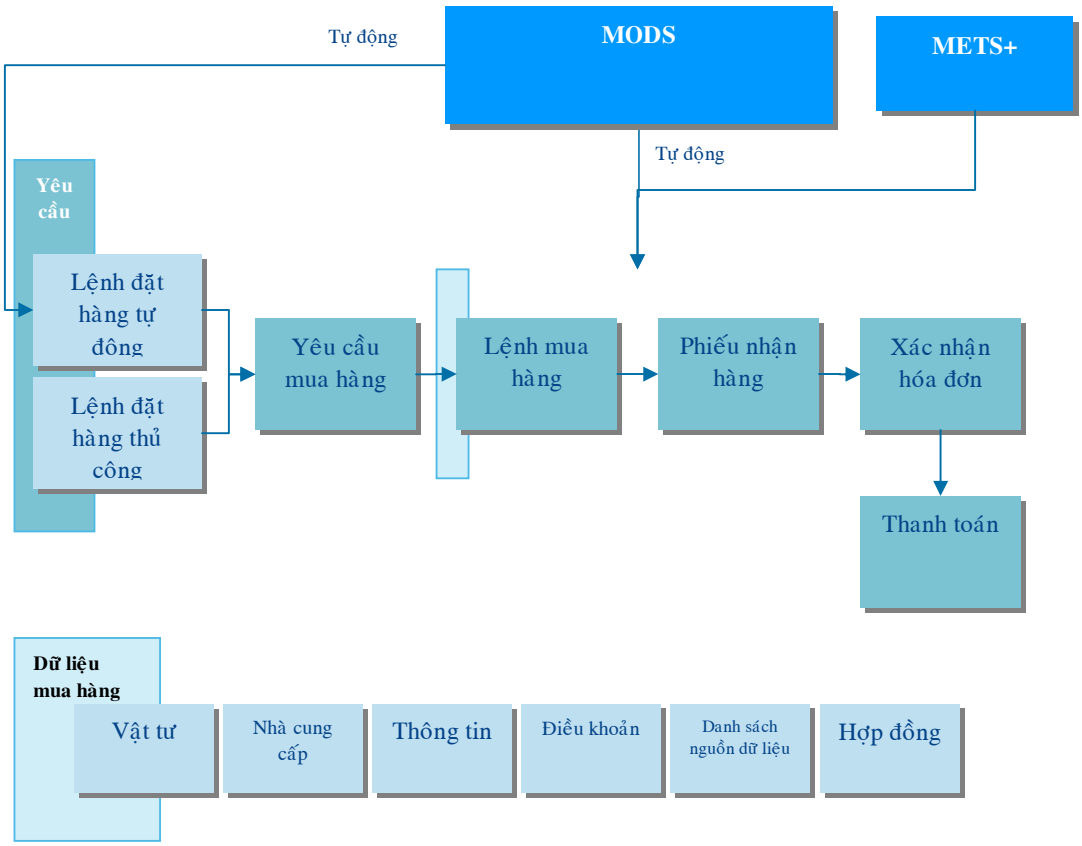

Qui trình trả trước cho người bán

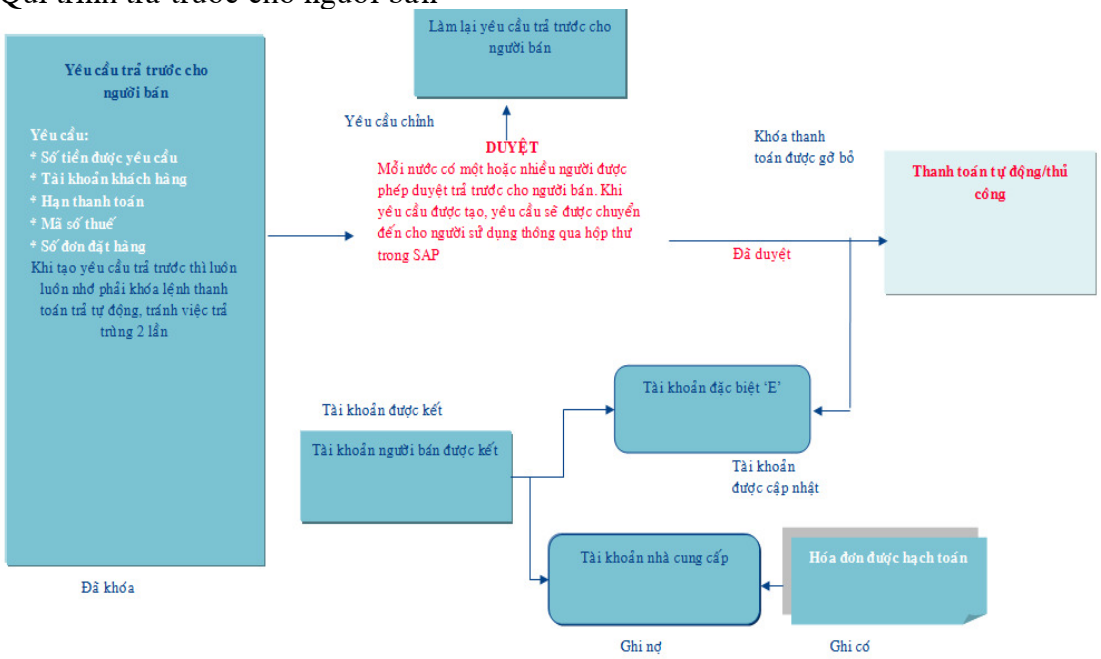

Quá trình duyệt phải trả cho người bán

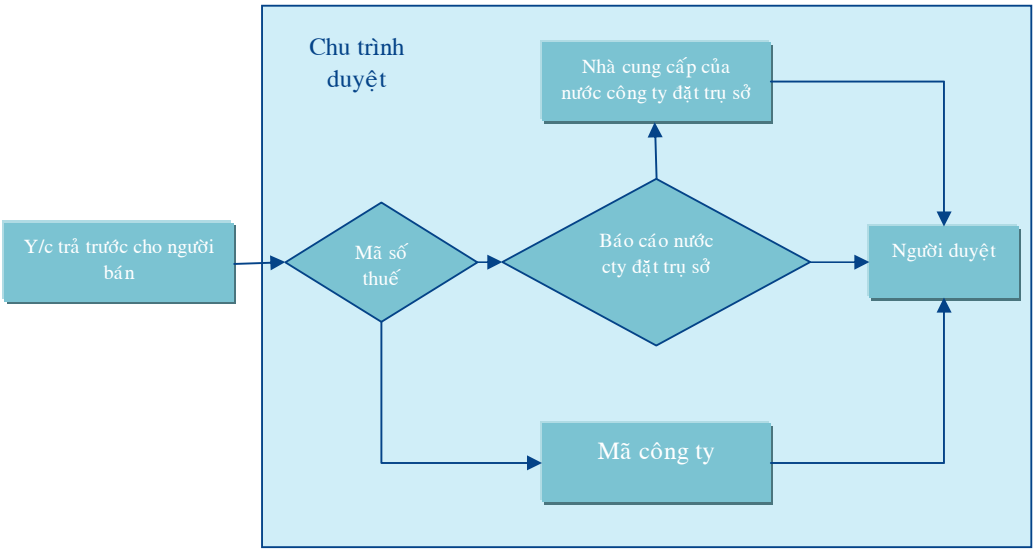

Qui trình thanh toán thủ công

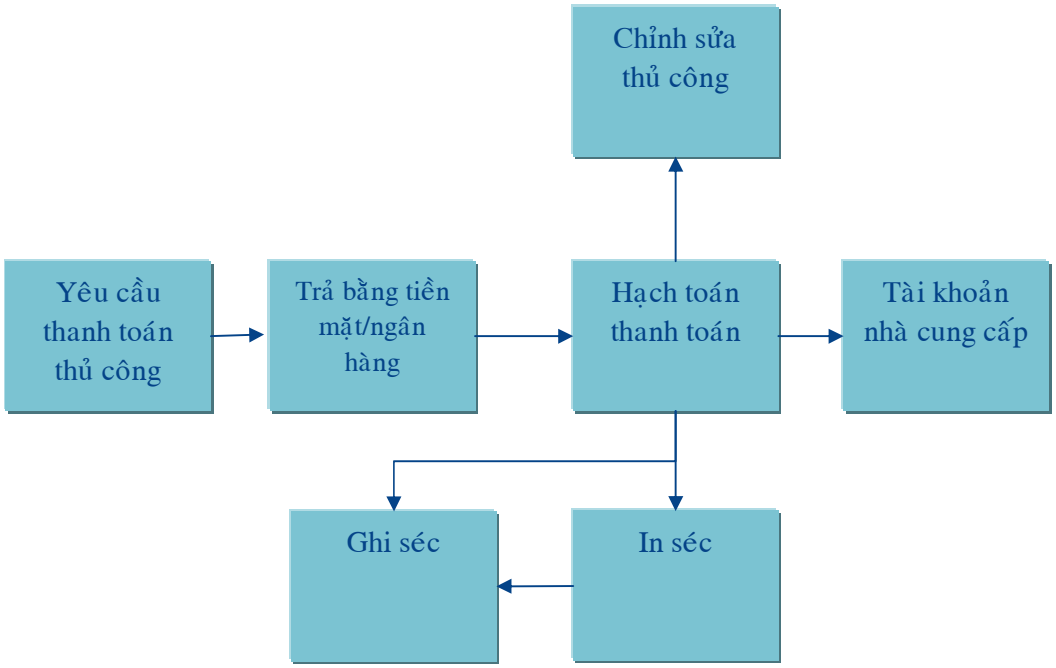

Sơ đồ kế toán phải thu khách hàng

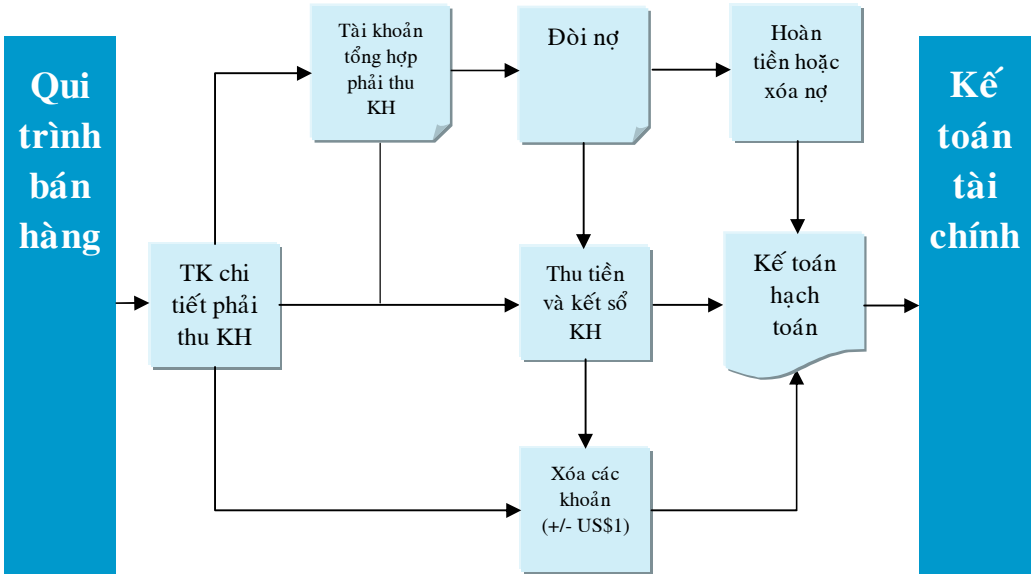

Cấu trúc dữ liệu khách hàng

Thông tin tổng quát	Thông tin mã công ty	Thông tin kinh doanh
Địa chỉ	Điều lệ thanh toán	Kinh doanh
Thông tin kiểm soát (Đối tác kinh doanh)	Quan hệ thư từ	Vẩn chuyển tàu
Tiếp thị – quảng cáo	Người liên hệ khách hàng	Lên hóa đơn
Đăng tải	Quản lý tài khoản	Đầu ra
Ngoại thương	Sức chứa	Chức năng của đối tác
		Thông tin thêm
		Giá cả/ thống kê

Sơ đồ qui trình thu hộ cho Line

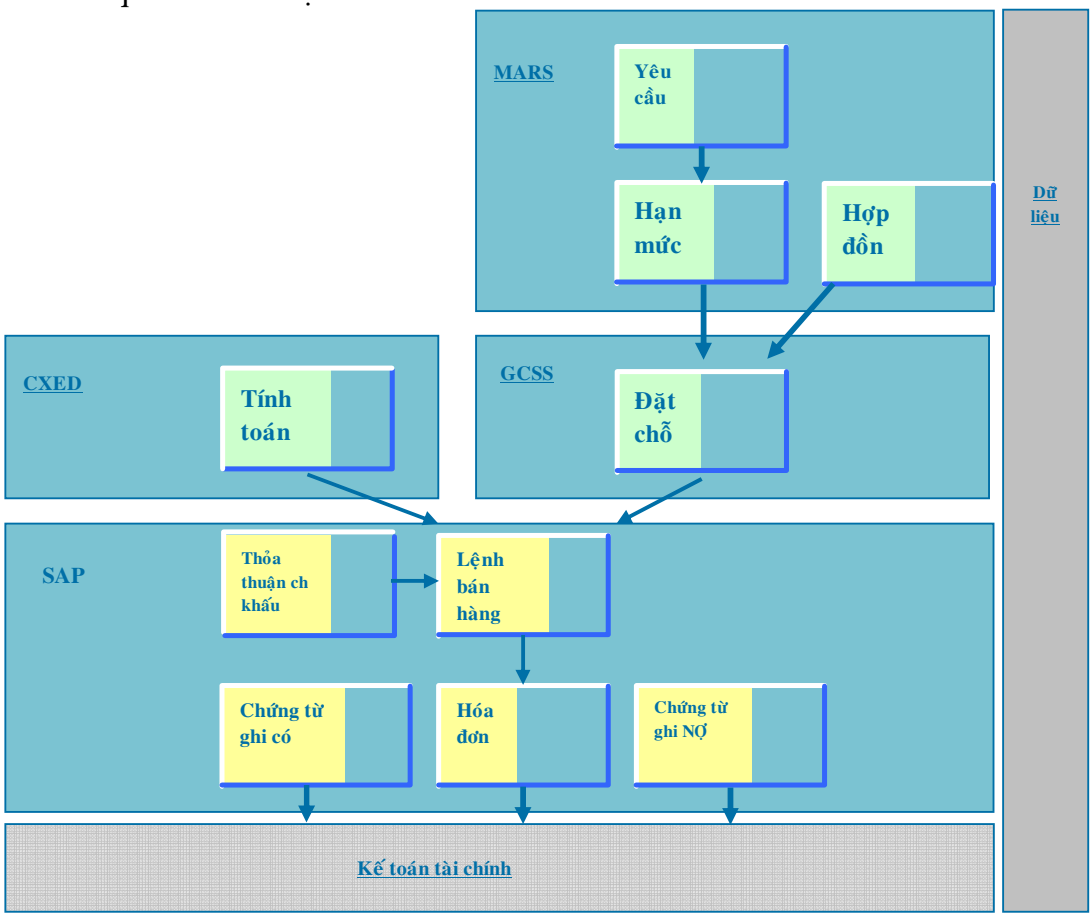

Mối tương quan giữa GCSS và FACT

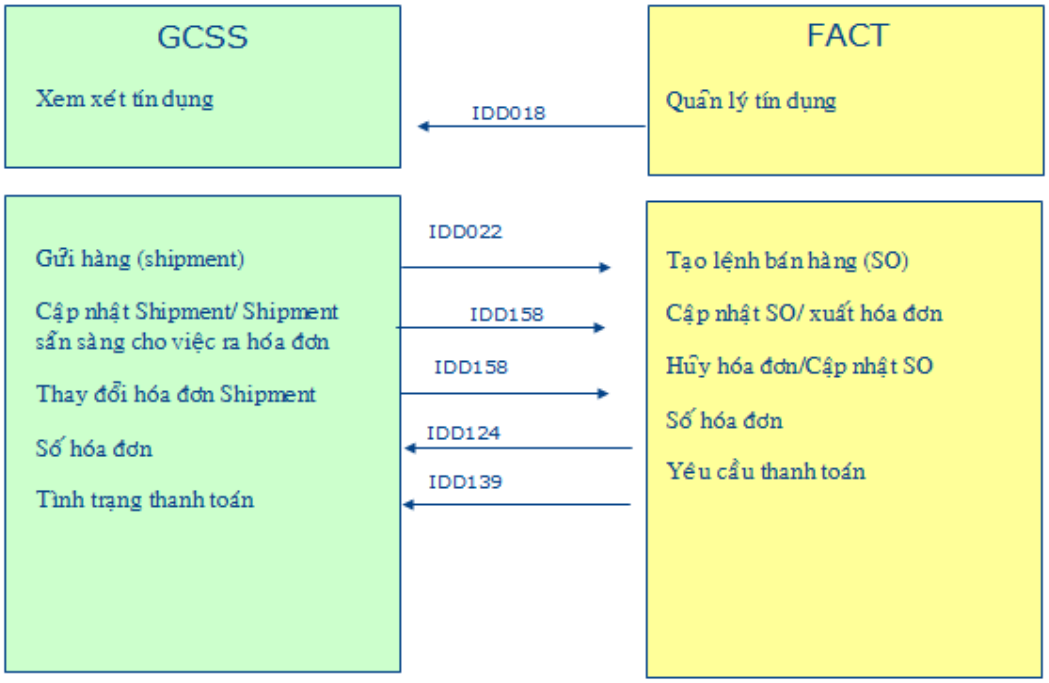

Các loại tài sản cố định

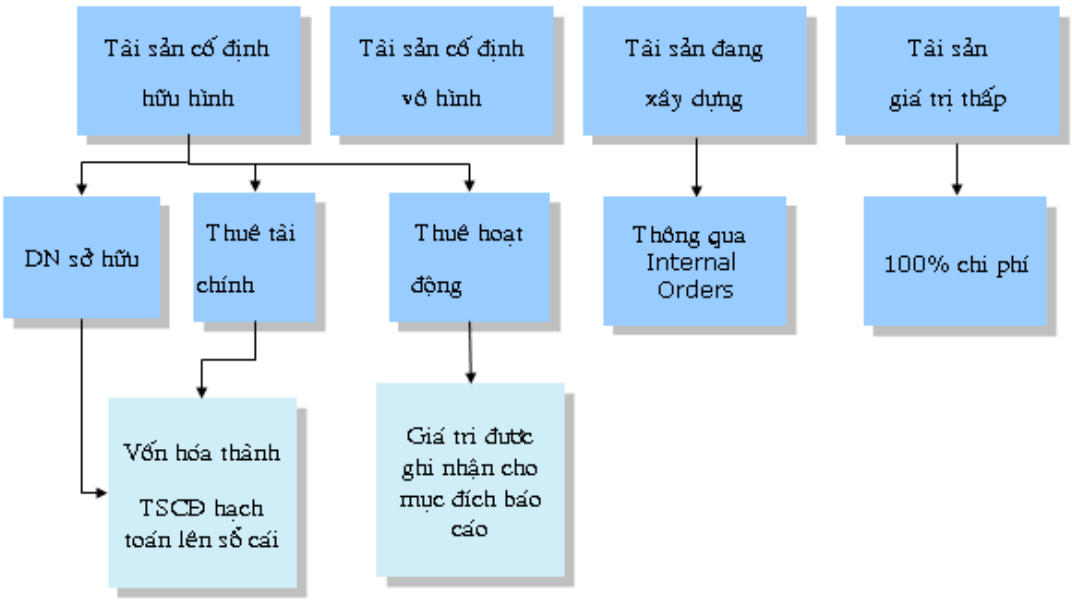

Hệ thống tài sản cố định trong SAP

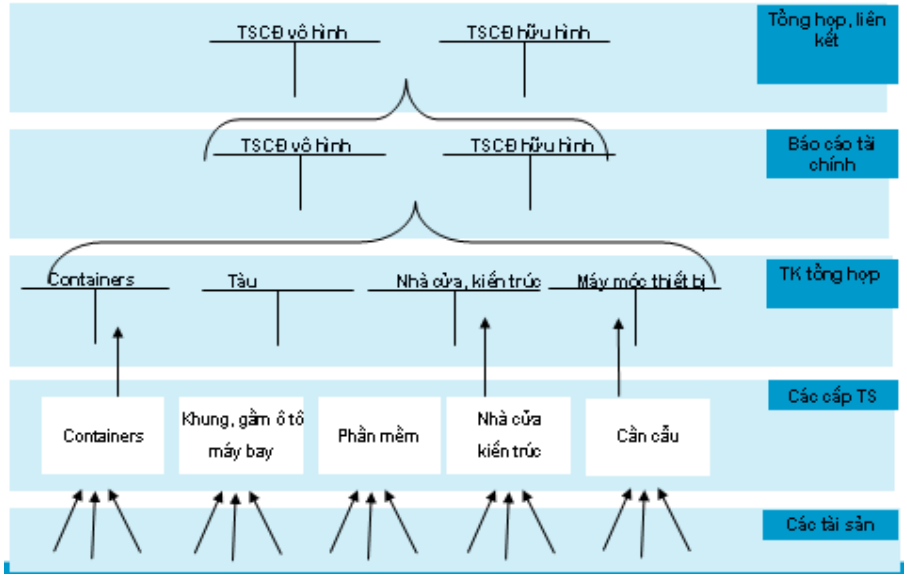

Vòng đời của tài sản cố định trong SAP

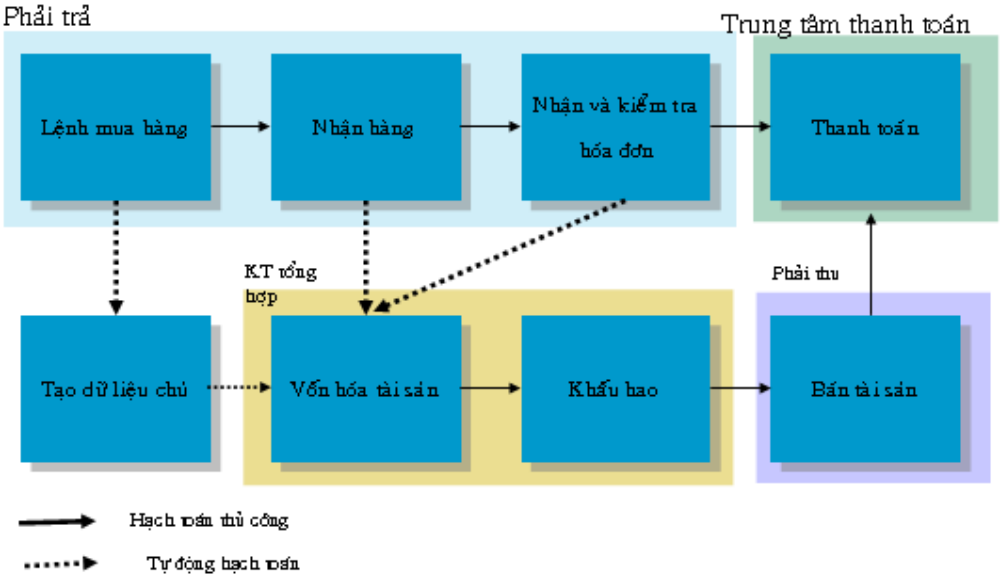

Sơ đồ tổng quát hệ thống thông tin kế toán quản trị

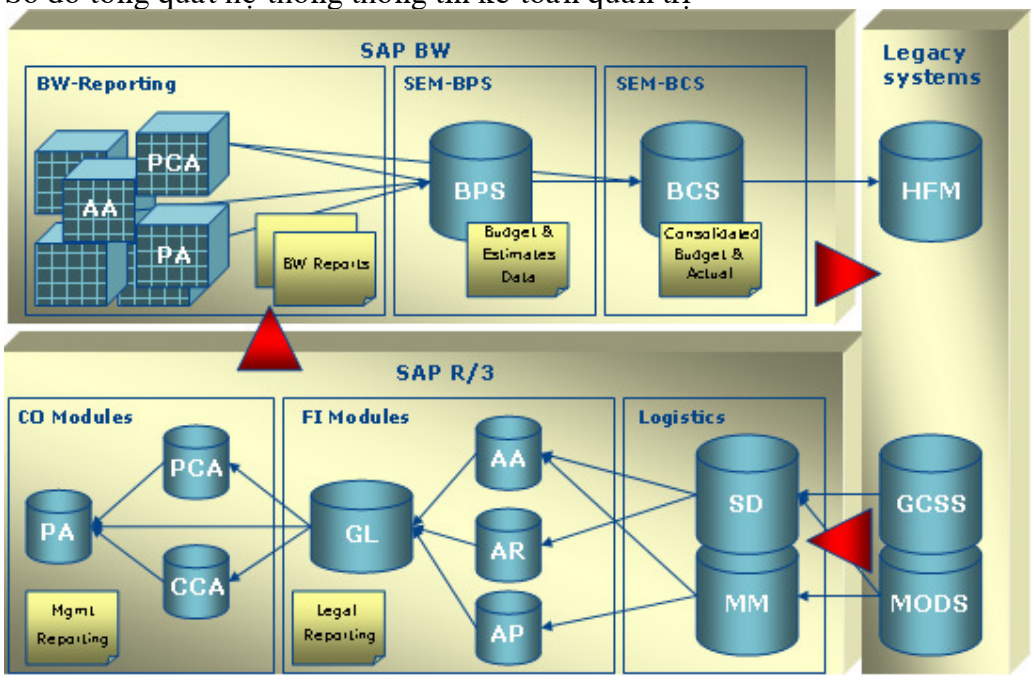

Sơ đồ phân bổ trung tâm chi phí và trung tâm lợi nhuận

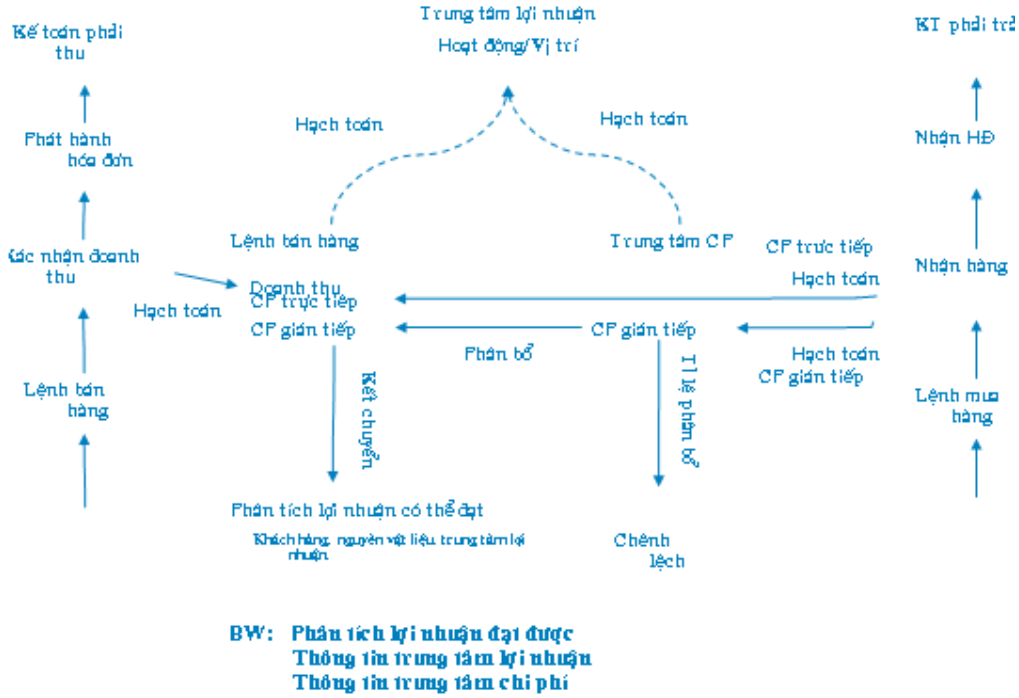

BW: Phân tích lợi nhuận đạt được
Thông tin trung tâm lợi nhuận
Thông tin trung tâm chi phí

Ví dụ một mô hình của BW

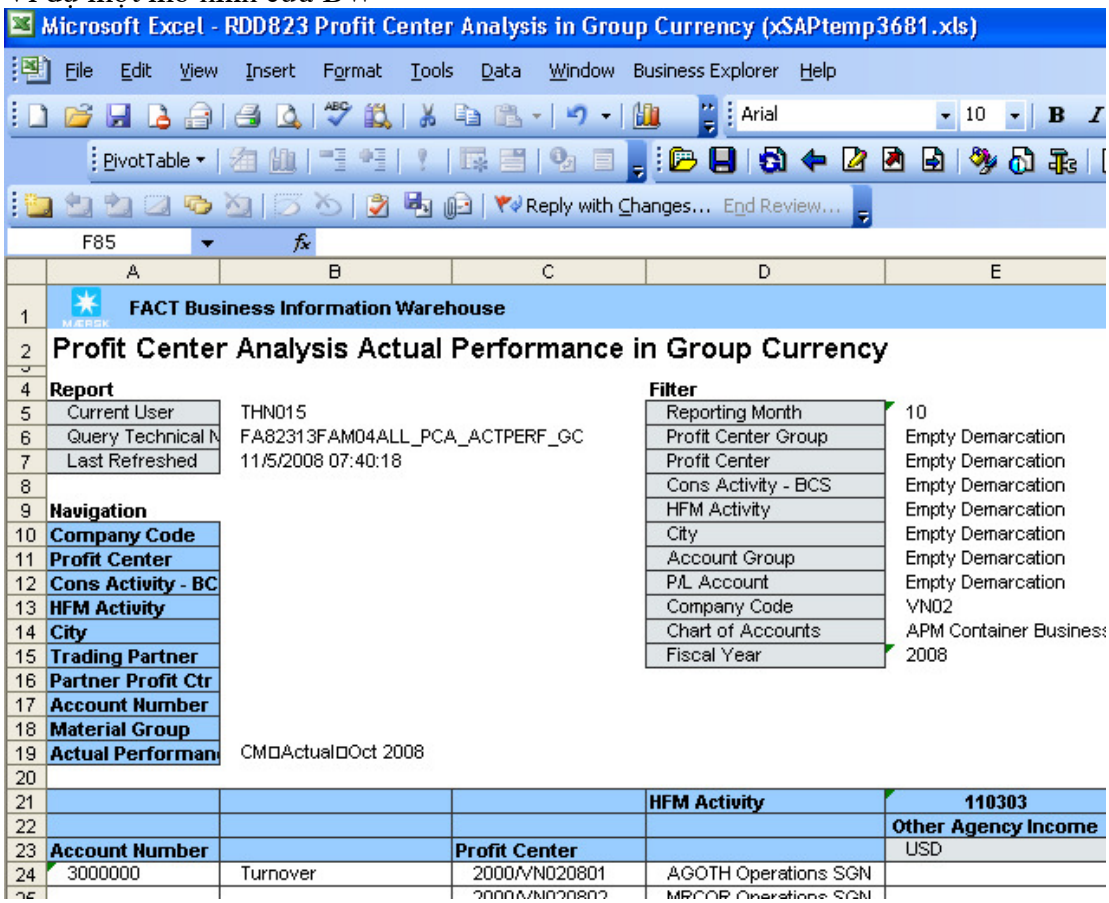

Microsoft Excel - RDD823 Profit Center Analysis in Group Currency (xSAPtemp3681.xls)

File Edit View Insert Format Tools Data Window Business Explorer Help

Arial 10 B I

PivotTable

Reply with Changes... End Review...

F85

FACT Business Information Warehouse

Profit Center Analysis Actual Performance in Group Currency

Report		
Current User	THN015	
Query Technical N	FA82313FAM04ALL_PCA_ACTPERF_GC	
Last Refreshed	11/5/2008 07:40:18	
Navigation		
Company Code		
Profit Center		
Cons Activity - BC		
HFM Activity		
City		
Trading Partner		
Partner Profit Ctr		
Account Number		
Material Group		
Actual Performan	CM□Actual□Oct 2008	

Filter	
Reporting Month	10
Profit Center Group	Empty Demarcation
Profit Center	Empty Demarcation
Cons Activity - BCS	Empty Demarcation
HFM Activity	Empty Demarcation
City	Empty Demarcation
Account Group	Empty Demarcation
P/L Account	Empty Demarcation
Company Code	VN02
Chart of Accounts	APM Container Business
Fiscal Year	2008

			HFM Activity	**110303**
				Other Agency Income
Account Number		**Profit Center**		USD
3000000	Turnover	2000/VN020801	AGOTH Operations SGN	

Sơ đồ của BPS

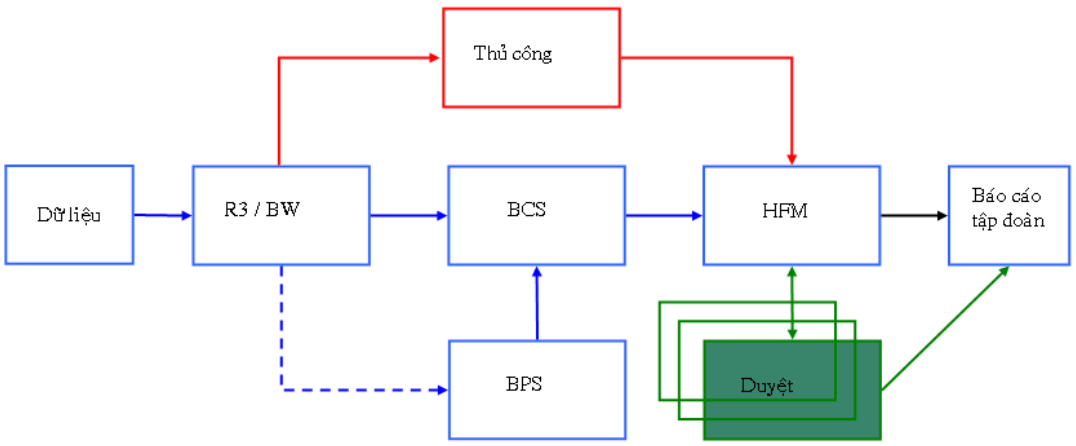

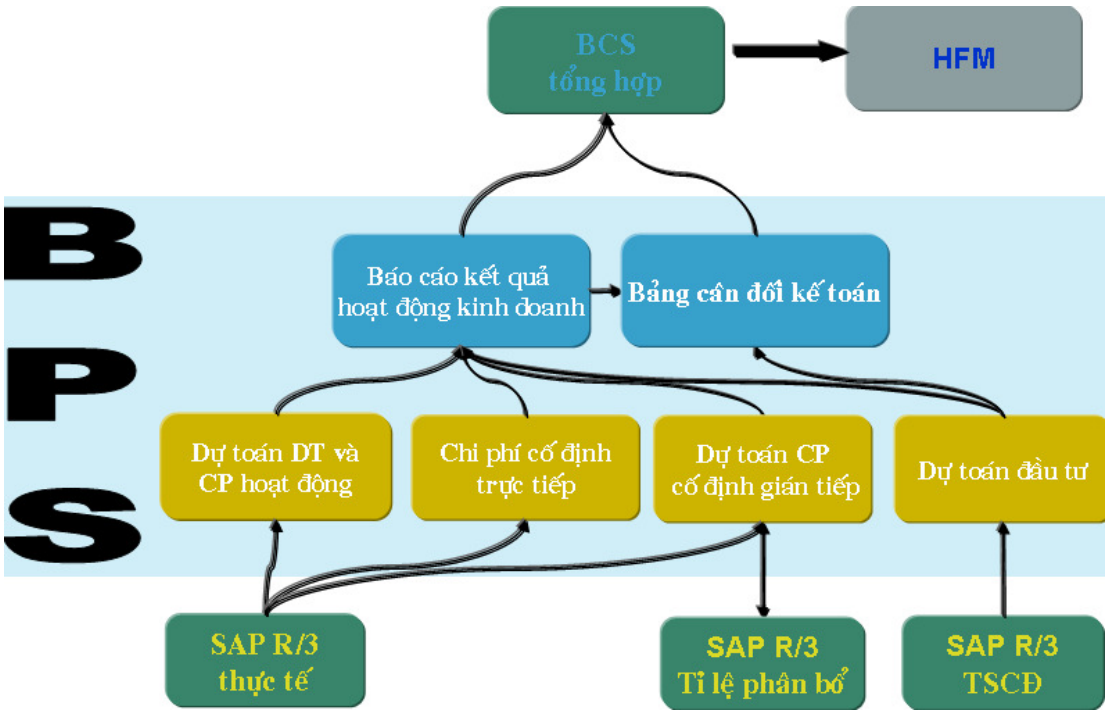

Cấu trúc phân tầng trong HFM

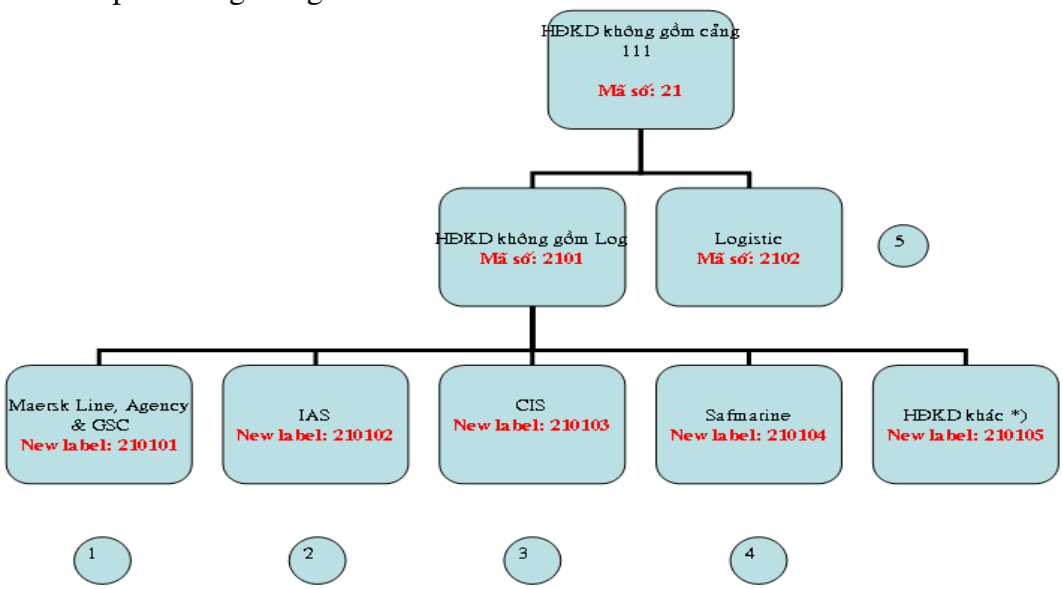

Ví dụ về một phần hành được ứng dụng để in hóa đơn do công ty Việt Nam lập trình kết nối với hệ thống của Maersk.
Đây cũng là cách để giảm bớt các hạn chế trong quá trình ứng dụng phần mềm cho hệ thống thông tin kế toán tại Maersk.

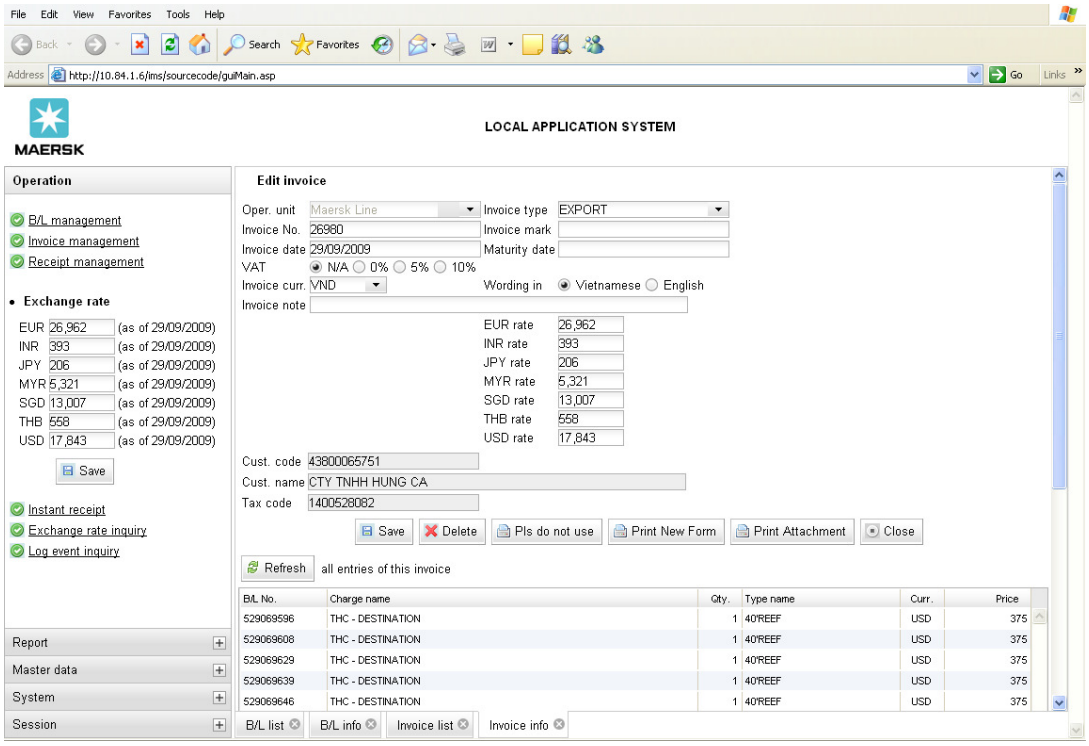

Tài liệu tham khảo

Sách Hệ thống thông tin kế toán, tác giả Nguyễn Thế Hưng, NXB thống kê
Tài liệu ứng dụng FACT tại công ty TNHH Maersk Việt Nam (lưu hành nội bộ)
Tài liệu ứng dụng HFM tại tập đoàn AP. Moller Maersk (lưu hành nội bộ)
Báo Pcword, Vietnamnet.
Phân tích thiết kế hệ thống, Thạc Sĩ Nguyễn Thị Thanh Huyền, trường đại học Công Nghiệp Hà Nội